15 THÁNG 3 NĂM 1970

BACH KHOA

năm mười bốn

PHẠM VIỆT CHÂU *Tàu và Đông Nam Á* * NGUYỄN HIẾN LÊ « *Hồn Đại-Việt giong Hàn-Thuyên* » * HOÀNG SỸ QUÝ *tính dục với đời sống tu hành* * ĐOÀN NHẬT TẤN *bước đầu dạy trẻ : trẻ em học dọc...* * HỒ DÃ TƯƠNG *vài nghi vấn về hội nghị Diên-Hồng* * NGUYỄN VẠN HỒNG *quốc hội sau ba năm lập pháp* * LINH BẢO *đầu năm nói chuyện danh bạc : Las Vegas đỏ đen* * TRUNG DƯƠNG *tiếng cười trong đêm* * TRẦN HUIỀN ÂN *thơm lửa nguyện cầu* * UYÊN HÀ *hẹn về, mắt xưa, mưa* * TỪ TRÌ *thời sự thế giới* * **SINH HOẠT** *thời sự khoa học* * *thời sự văn nghệ* * *đàm thoại với tác-giả «Cúi mặt»* *

317

Activité locale **accrue** *sans répercussions générales*

l'Hydrocortancyl

en applications topiques

crème

Flacon de 8 g à 0.5 p. 100 de delta-hydrocortisone dans un excipient fluide, non gras, hydrodispersible

collyre

Flacon compte-gouttes contenant 3 ml soit 15 mg de principe actif, d'une suspension d'acétate de delta-hydrocortisone titrée à 0,5 p. 100

gouttes nasales

Acétate de delta-hydrocortisone en suspension aqueuse titrée à 0,50 p. 100
Flacon de 8 ml

LES LABORATOIRES ROUSSEL

35, Boulevard des Invalides • PARIS 7e

ROUSSEL VIETNAM, 6, Boulevard Nguyên-Huê — SAIGON

Distributeur : **PHARMASIA,** 246, Rue Công-Quynh — SAIGON

BÁCH KHOA

Số 317 ngày 15-3-1970

PHẠM VIỆT CHÂU *Tầu và Đông Nam Á* 5

NGUYỄN-HIẾN-LÊ *«hồn Đại Việt giọng Hàn Thuyên»* (tưởng niệm Đông-Hồ). 15

Hoành sơn HOÀNG SỸ QUÝ *một cái nhìn Đông phương về vấn đề tính-dục : Tính dục với đời sống tu hành* 23

ĐOÀN NHẬT TẤN *trẻ em ta học đọc như thế nào ?* 29

HỒ DÃ TƯƠNG *vài nghi vấn về hội nghị Diên-Hồng* 37

NGUYỄN VẠN HỒNG *quốc hội sau ba năm lập pháp* 41

LINH BẢO *đầu năm nói chuyện đánh bạc : Las Vegas đỏ đen* 47

TRÙNG DƯƠNG *tiếng cười trong đêm* (truyện) 57

TRẦN HUIỀN ÂN *thơm lửa nguyện cầu* (truyện) 65

UYÊN HÀ *hẹn về — mắt xưa — mưa* (thơ) 71

TỪ TRÌ *thời sự thế giới* 75

SINH HOẠT

TỬ DIỆP *thời sự khoa học* 77

TRÀNG THIÊN và THU THỦY *thời sự văn nghệ* 80

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU

Tòa soạn :

160, Phan-Đình-Phùng Saigon

Điện-thoại : 25.539

H. T. 339 Saigon

In tại nhà in TƯƠNG-LAI

133, Võ-Tánh Saigon

GIÁ : **40 đ** Công sở : **giá 80đ**

Cao Nguyên và Miền Trung : thêm cước phí máy bay

Sách Lá-Bối mới ấn hành :

— EM BÉ PHÙ TANG
Isoko Ichiro Hatano. Trương-đình-Cử dịch

— ĐẠO PHẬT NGÀY NAY *(tái bản)*
Nhất Hạnh

— ÁO EM CÀI HOA TRẮNG *(hết, đang tái bản)*
Võ Hồng

— NẺO VỀ CỦA Ý *(tái bản)*
Nhất Hạnh

— HEIDEGGER TRƯỚC SỰ PHÁ SẢN CỦA TƯ TƯỞNG TÂY PHƯƠNG *Lê-Tôn-Nghiêm*

— PHONG TRÀO DUY TÂN
Nguyễn văn Xuân

— XỨ TRẦM HƯƠNG
Quách Tấn

— LÚA SẠ MIỀN NAM *(thơ)*
Kiên Giang

❖ **Và hai cuốn sách cần thiết cho giáo viên tại các trường tiểu học cộng-đồng :**

— GIÁO DỤC CỘNG-ĐỒNG
Vương Pền Liêm

— PHƯƠNG PHÁP CHỦ ĐIỂM TẠI TRƯỜNG TIỂU HỌC CỘNG ĐỒNG *Vương Pền Liêm*

Nhà xuất bản Lá-bối
120 Nguyễn-Lâm Chợ-lớn

● PHẠM-VIỆT-CHÂU

Tàu và Đông-Nam-Á

(Tàu là Tàu, ở nơi nào, cũng chỉ là Tàu)

Giải-quyết vấn đề

Sự phát triển về nhân số quá lớn lao của Hoa-kiều sau thế-chiến rõ ràng gây nguy hại không nhỏ cho Đông Nam-Á và làm cho các quốc-gia độc-lập trong vùng phải tìm biện pháp giải-quyết. Như đã trình bày trên B K. số 315, với hai nước tương đối có số Hoa-kiều ít nhất là Lào và Miến-Điện, ta có thể nhìn ngay thấy nguyên nhân từ khía cạnh kinh-tế mà ra. Tại xứ Lào, dân-số ít, sinh-hoạt kinh-tế yếu kém, lợi tức thâu hoạch từ các dịch vụ thương-mại tương đối rất thấp, nên thực sự không có gì đáng để hấp dẫn người Tàu như các xứ khác. Tuy vậy, hiện nay người Tau ở Lào cũng đang nắm giữ vận mệnh kinh tế xứ này. Họ vẫn là nhóm ngoại kiều đông đảo nhất, có tổ chức chặt chẽ và ảnh hưởng mạnh nhất. Còn tại Miến, như đã đề cập đến trong Bách-khoa số 301, chính vì chính sách kinh tế chỉ huy của chính-phủ Miến các thương gia Hoa-kiều đã thối chí bỏ đi hơn là các biện pháp trực tiếp như đã được áp dụng ở các quốc gia khác.

Tại Mã Lai-Á và Tân-gia-ba, tình trạng lại khác hẳn, nghĩa là vấn-đề không còn giới-hạn trong địa hạt ngoại-kiều nữa mà lại tỏa rộng ra thành cuộc tranh-chấp chủng-tộc giữa những người cùng mang quốc-tịch. Mặc dầu khi chấp nhận trở thành công dân của hai quốc-gia trên, người Tàu đã chấp nhận dùng ngôn-ngữ Mã làm quốc-ngữ, và dần dần đồng hóa với người bản-xứ hay ít ra cũng phối hợp văn hóa Mã-lai với văn hóa Trung-hoa để tạo thành một nếp sinh-hoạt chung ; nhưng trên thực tế, sự việc lại trái hẳn. Nghĩa là người Tàu sống trên đất Mã đang cố Trung-hoa-hóa phần đất này ! Ở Mã-Lai-Á, người Tàu chống lại việc học Mã-ngữ và tìm hiểu phong tục tập quán Mã, vì họ cho rằng nền văn hóa Mã không có gì đáng để họ quan tâm tới. Còn tại Tân-gia-Ba, có hai trường Đại-học thì một trường dùng tiếng Trung-hoa, một trường dùng tiếng Anh làm chuyển ngữ. Tiếng Mã không có chỗ đứng trong sinh-hoạt văn-hóa xứ này, cũng như người Mã hiện không còn chỗ ở trong lòng Đô-thị

Tóm lại, ngoài việc nắm giữ hoàn toàn sinh-hoạt kinh-tế tại Mã và Tân-Gia-ba, người Tàu cũng đang bành-trướng mạnh về địa-hạt tạo dựng uy-quyền văn-hóa. Ở Mã-Lai-Á, quyền chính trị vẫn còn trong tay người Mã nên dù sao cũng còn một số biện pháp

chống đỡ, mặc dù yếu ớt. Còn tại Tân-gia-ba, tất cả đều đã buông xuôi mặc cho việc Trung-hoa-hóa tiến hành đến tận chân tơ kẽ tóc của hòn đảo

Nhưng nếu sự việc này chỉ giới hạn trong lãnh-thổ Tân-gia-ba thì chưa vị tất đã là điều đáng phải báo động. Điều đáng nói là Tân-gia-ba đã trở thành cái nhọt bọc của Đông-Nam-Á và đang làm nhức nhối toàn vùng. Nếu cái nhọt bọc ấy chỉ là một vết thương xoàng thì còn dễ chữa, đàng này nó lại bị làm độc từ bên ngoài nên càng nguy hiểm hơn. Chất độc đã được nhiễm vào nó chính là từ Trung-quốc, kể cả Hoa-lục lẫn Đài-loan và cùng với Hồng-Kông, Tân-gia-ba đã tạo thành trục chi-phối kinh tế toàn miền Đông-Nam-Á.

Cứ lấy bất cứ quốc-gia Đông-Nam-Á nào ra mà xét, chúng ta cũng có thể thấy cái cơ-cấu chung như sau : thành phần đầu não và đông đảo nhất của Hoa-kiều tập trung ở Thủ-đô, dĩ nhiên chủ-động sinh-hoạt kinh-tế ở thủ-đô. Thành-phần Hoa-kiều tại các thị-trấn khác trong xứ có tỷ số kém hơn nhưng đóng vai trò trung-gian rất quan-trọng. Họ là những người phân-phối hàng-hóa từ hệ-thống Hoa-kiều ở thủ-đô về và ngược lại thu mua sản phẩm địa-phương chuyển lên thủ-đô. Bằng những phương cách mờ ám riêng, họ có thể tự ý thay đổi giá cả, tạo khan hiếm hay dư thừa một số phẩm vật, bóp chết giới mại-bản bản-xứ nếu ra mặt cạnh tranh với họ trong một số dịch-vụ họ tạo được độc quyền.

Đối với toàn vùng Đông-Nam-Á, Hoa-kiều ở thủ-đô các nước là thành phần trung-gian của Tân-gia-ba và Hồng-Kông. Các biện pháp chi phối nền thương-mại mỗi quốc-gia được phát xuất ra từ Trục này và giới Hoa-kiều địa-phương chỉ việc thi-hành. Ngoại tệ của các Quốc-gia đã bay sang Tân-gia-ba và Hồng-Kông, cũng như hàng hóa được nhập nội từ hai địa-điểm này vào phần nhiều bằng phương cách bất-hợp-pháp.

Trên phương-diện kinh-tế, có thể nói Tân-gia-ba và Hồng-Kông chính là đầu não của một loại Mafia Đông-Nam Á với nhân số 17 triệu (nếu kể cả Hồng-Kông) trong một hệ-thống có tổ-chức chặt chẽ buông tỏa khắp nơi nhằm khuynh loát một tập-thể trên 200 triệu con người trong vùng.

Trước trạng-huống ấy, các quốc-gia còn lại trong vùng đã làm gì để tự bảo vệ. Hai biện-pháp căn-bản đã được đưa ra từ nhiều năm trước là *hạn chế các hoạt-động kinh-tế của Hoa-kiều* và *buộc họ nhập quốc-tịch bản xứ*, nhưng kết quả thực sự cũng không mấy khả quan.

Thái-lan, ngay từ 1942, đã cấm ngoại-kiều làm 27 nghề dành riêng cho người Thái, hạn chế sự nhập nội và buộc nhập Thái-tịch thành-phần thổ-sinh. Cao-Miên cũng đã đưa ra đạo luật cấm Hoa-kiều làm 16 nghề và khuyến khích họ nhập Miên-tịch từ năm 1955. In-đô-nê-sia, Việt-Nam, Phi-luật-tân cũng có những biện-pháp tương tự. Nhưng tất cả đều gặp những trở ngại rất phức tạp.

Trước hết, về vấn-đề quốc-tịch, người Tàu đã có một nguyên-tắc gần như thiêng-liêng « Đã là Trung-hóa thì mãi mãi là Trung-hoa » được áp dụng cho tất cả những người Tàu-gốc hoặc Tàu-lai. Nguyên-tắc ấy được cụ thể hóa qua đạo luật ban hành năm 1909,

theo đó con cái đương nhiên mang quốc-tịch cha (jus sanguinis). Điều này trái hẳn với luật-lệ được đặt ra về sau của các nước Đông-Nam-Á nhằm buộc Hoa-kiều thổ-sinh phải nhập quốc-tịch bản xứ (jus soli).

Tuy nhiên, vì quyền lợi kinh-tế (để tránh điều khoản cấm hành nghề), nhiều Hoa-kiều vừa nhập quốc-tịch bản xứ, vừa giữ quốc-tịch Trung-hoa, tạo thành tình trạng hai quốc-tịch. Hoặc nhập quốc tịch bản xứ nhưng không chịu bản xứ-hóa và vẫn được tập thể Hoa-kiều còn lại chấp nhận là phần-tử của tập thể để cùng liên kết trong các mưu đồ chung.

Trên nguyên-tắc, một khi Hoa-kiều đã nhập quốc tịch bản xứ rồi thì những luật lệ cấm ngoại kiều hành nghề không còn ảnh hưởng gì đến họ nữa. Ngay cả đến những thành phần vẫn giữ quốc-tịch Tàu cũng còn tiếp tục hoạt-động được qua những phần tử trung gian bản xứ hay Hoa-kiều đã cải tịch. Tại In-đô-nê sia, trong thập niên 50, người ta đã điều tra thấy 80% vốn các công-ty mới thành-lập là của Hoa-kiều Tại Phi-luật-tân, tình trạng cũng tương tự, nghĩa là nếu chỉ kể tên đứng thì số vốn đầu tư chuyển dần về phía người Phi một cách rất đáng kể, nhưng nếu điều tra lại thì chủ nhân thực sự của những số vốn ấy vẫn là Hoa-kiều

Trước những biện-pháp chung nhằm giảm thiểu sự chi phối của người Tàu đối với nền kinh-tế bản xứ, chúng ta hãy thử xét trường hợp điển-hình tại Miền Nam Việt-Nam để xem sự việc diễn tiến ra sao. Năm 1956, chính phủ Việt-Nam đã ban hành Dụ số 53 cấm ngoại kiều (nhắm vào Hoa-kiều) làm 11 nghề sau :

— Buôn bán thịt cá
— Buôn bán than củi
— Mở tiệm chạp-phô
— Mở cây xăng
— Buôn bán vải vóc, tơ lụa
— Buôn bán sắt đồng thau vụn
— Mở nhà máy xay lúa
— Buôn bán ngũ cốc
— Hành nghề chuyên chở
— Cầm đồ bình dân
— Trung gian ăn hoa hồng,

Về vấn đề quốc-tịch chính-phủ quy định Hoa-kiều thổ-sinh có quyền lựa chọn trong một thời-hạn ngắn : Hoặc nhập Việt tịch, hoặc về Đài-loan.

Biện pháp này đã gặp phản ứng mạnh mẽ từ phía người Tàu ở Đông-Nam-Á và ở Đài-loan. Một mặt, tại quốc nội, Hoa-kiều gây phong trào không khai báo cải tịch, rút tiền ký thác tại các ngân-hàng để làm cho đồng bạc Việt-Nam sụt giá trên thị-trường, mặt khác Tân-gia-ba và Hồng-kông tẩy chay hàng Việt-Nam làm cho hàng vạn tấn gạo đã chở tới nơi cũng còn bị từ chối. Về phía Đài-loan, tình trạng bang-giao đã trở nên căng thẳng một độ. Chính phủ Tưởng-giới-Thạch đã nhờ cả người Mỹ can-thiệp. Trước những phản-ứng ấy, chính-phủ Việt-Nam đành phải dùng phương-cách mềm dẻo là *thi-hành các đạo dụ trên một cách linh-động !*

Rút cục, tình-trạng chung xét ra cũng chẳng có gì thay đổi ngoài việc Hoa-kiều thổ-sinh phải đi lấy thêm một căn-cước Việt-Nam. Trên thực tế họ vẫn là Tàu, và tập-thể Tàu ở xứ này vẫn kiểm soát nền kinh-tế trong xứ. Tổng thống Ngô-Đình-Diệm, người đã đưa ra những biện-pháp mạnh trên, rút cục về sau cũng rơi vào sự cám dỗ của một tổ-chức Tàu và đã phải chạy

trốn vào một cơ-sở của người Tàu ở Chợ lớn trong vụ đảo-chính.

Về sự đồng-hóa, dường như không những không tiến bộ mà còn bị ảnh-hưởng ngược lại. Trong những năm chiến tranh, tập thể Tàu đã lợi dụng cơ hội làm giàu nhanh chóng một cách bất chính. Vì vậy tập-thể này đã thu hút tất cả những phần-tử có hơi hướng Tàu, đến nỗi nhiều người Minh hương đã Việt-hóa từ lâu, nay cũng tìm cách tập nói, tập sinh-hoạt, để trở lại nhận họ Tàu. Tệ hại hơn nữa, nhiều người Nùng từ Bắc-Việt di cư xuống, không có liên-hệ gì với Tàu, nay cũng tìm cách gia nhập xã-hội Chợ lớn để dần dần tự biến thành Tàu bản.

Cái gì đã hấp dẫn mạnh mẽ họ như vậy ? Chính là những mối lợi được đưa lại từ những hoạt-động-đen của tập-thể, những hoạt động có xếp vào loại Mafia tưởng cũng không có gì quá đáng. Để che dấu những hoạt-động ấy, người Tàu đã không ngại vãi tiền ra để làm một hàng rào an-toàn. Nạn hối-lộ đang bành trướng ở nhiều nước Đông-Nam Á đã bắt nguồn phần lớn từ sự vung tiền mua chuộc của người Tàu. Nhận một chức-vụ cai-trị, dù lớn dù nhỏ, không cần đòi hỏi cũng lập tức được người Tàu ở địa-phương tự động dâng nạp những quà tặng đáng giá, nhiều khi quá sự mơ ước của người nhận. Đổi lại, người Tàu chỉ cần chức-quyền làm ngơ cho những hoạt-động bất chính của họ trong việc kiếm tiền ! Tình-trạng này rất là phổ-biến và đã làm suy yếu các quốc-gia có cơ-cấu chính-quyền còn non nớt hoặc đang trải qua thời kỳ nhiễu nhương chưa ổn cố. Tại Phi trước đây, cả hai đảng Tự-do và Quốc-gia đều hoạt động bằng tiền của người Tàu, vì vậy dù đảng nào thắng thế thì người Tàu cũng đã mua trước được chính quyền (1). Ngày nay, người Tàu ít nhắm vào các tổ chức chính-trị nhưng vẫn luôn luôn bỏ tiền ra mua các « nhân vật ».

Do những sự kiện trên, người ta có thể thấy một cách rõ rệt là muốn giải quyết vấn-đề Tàu, ngoài một chính-sách thực - tiễn hữu-hiệu được thi hành đứng đắn vừa nhằm phá tan ảnh hưởng Trục Tân-gia-ba Hồng-kông đối với nền kinh-tế bản xứ, vừa giải-tỏa được tập-thể Hoa-kiều trong nước bằng đồng-hóa, chính quyền mỗi quốc-gia còn cần phải tự lành-mạnh-hóa mình trước. Còn có những cán bộ lén lút nhận tiền hối-lộ là vấn-đề Tàu sẽ vẫn còn nguyên vẹn đó.

Đối với người Tàu, chỉ có hai con đường để lựa chọn : Hoặc là trở về Hoa-lục hay Đài-loan hoặc là chấp nhận đồng hóa với địa-phương. Đồng hóa với địa-phương, họ vẫn có thể dùng vốn và khả năng của mình để sinh nhai một cách đứng đắn và đồng thời góp phần vào sự phát-triển xứ sở đã nuôi dưỡng họ (2). Còn nếu vẫn sinh-hoạt một cách đen tối với tập thể riêng rẽ như hiện tại, thì sự thù nghịch với người bản xứ sẽ chỉ càng tăng thêm và tất sẽ không thể tránh được những hậu quả đáng tiếc sau này

Dự kế thống trị

Những điều trình bày ở trên về Hoa-kiều thật ra chỉ mới là xét qua một

(1) Theo Lennox A. Mills trong Southeast Asia, Illusion and Reality In Politics And Economics.

(2) Tưởng cũng cần ghi nhận một điểm son ở đây về một số ít người Tàu đã trở thành công-dân mới của bản xứ một cách gương mẫu và đã nỗ lực phụng sự tổ-quốc mới với tất cả lòng chân thành của mình, bất chấp sự cám dỗ của tập-thể cũ.

vài khía cạnh. Điều nguy hiểm khác là đương nhiên họ sẽ trở thành một đầu cầu vững chắc cho cây cầu xâm lược được bắc từ Trung-quốc sang trong tương-lai (1). Cái « sự thực » đáng ngại ấy đã lồ lộ hiện ra từ hàng chục năm nay qua nhiều diễn biến mà nếu phân tích ra chúng ta sẽ thấy những mối liên-hệ thật là rõ ràng. Nếu có điều chưa được sáng tỏ thì chỉ là ở chỗ phương-cách cuối cùng Trung-quốc sẽ thi-hành để khống-chế Đông-Nam-Á. Vì, ngày nay người ta có thể có trăm phương nghìn kế để khuynh-đảo một quốc-gia, chứ không nhất thiết phải sử-dụng trực tiếp quân-đội như những thế-kỷ trước.

Đối với Hoa-kiều, cả hai chính-phủ Trung-hoa đã cùng can thiệp mạnh mẽ với các chính-phủ liên hệ (tùy nước có liên lạc ngoại, giao) để giảm bớt các biện-pháp có thể nguy hại đến quyền lợi (bất chính) của tập-thể này tại các nước.

Trong việc can-thiệp, Đài-Loan biết thế yếu của mình nên ít lớn lối. Còn Bắc-Kinh ngay từ khi mới thanh toán xong Hoa-lục đã đe : dọa « Chúng tôi quyết không tha thứ cho bất cứ hành động bất công hay sỉ nhục nào đối với đồng bào chúng tôi ở ngoại quốc» (2). Ngay trong chương-trình hành động của Đảng Cộng-sản (Mùa Thu 1949) cũng có nhấn rõ « Chính phủ Nhân-dân Trung-Ương của Cộng-hòa Nhân-dân Trung-quốc sẽ làm hết sức mình để bảo vệ những quyền lợi hợp-pháp của kiều bào ở Hải-ngoại » (3). Dĩ nhiên, hình-dung từ *hợp-pháp* phải được hiểu theo nghĩa của người Tàu.

Và cùng với hành-động *hợp-pháp*, một nước Tàu nhỏ đã thành hình trong lòng Đông-Nam-Á để sẵn sàng trở thành đạo quân tiền phong ghi chiến-tích đầu tiên trong cuộc bành trướng của người Hán ở nơi này. Thật vậy, ngày nay không ai còn có thể nghi ngờ việc Tân-gia-ba đã trở thành một nước Tàu nhỏ, nhưng ngay từ 1960, dự kế Trung-hoa-hóa ấy đã được vạch rõ trong Luận-cương của Ủy-ban Chấp-hành Trung-ương Đảng Nhân-dân Hành-động (Đảng hiện cầm quyền do Lý-quang-Diệu làm thủ-lãnh) : « Toàn thể sức mạnh và áp lực của người Tàu trên thế-giới được sửa soạn để ủng-hộ một Tân-gia-ba của Trung-hoa » (The whole strength and weight of all Chinese in the World are prepared to back a Chinese Singapore) (4). Muốn thông cảm nỗi đau nhục của người dân Mã trong vụ này, chúng ta hãy tưởng tượng đến việc nếu Sài-gòn tách ra khỏi quốc-gia Việt-Nam và trở thành một nước Tàu có tên là Tây-Cống (tên người Tàu gọi Sài-gòn) chẳng hạn !

Trên thực tế, Tân-gia-ba mới chỉ tách ra khỏi Mã-lai-Á và trở thành một

---

(1) Tại Phi, một nhà ngoại giao đã nói Tàu Cộng chỉ cần đổ bộ lên Luzon 200 sĩ-quan là họ sẽ có ngay một đạo quân 200.000 người (Manila Times 26-8-1958). Mặc dầu thành phần thực sự Cộng-sản trong số Hoa-kiều chỉ có chừng 10% (theo tướng Vargas ước định trong Manila Times 19-3-1958) nhưng hầu hết thanh niên Tàu đều sẵn sàng nghe theo tiếng gọi của chính quốc trong mọi hành động thù nghịch với bản-quốc khi có dịp.

(2) China Digest, 5-10-1949 (The Common Program of Chinese Communist).

(3) China Digest, 2-11-1949 (Ko Pai-nien — New China's Foreign Policy).

(4) The Fixed Political Objectives Of Our Party — People's Action Party, Singapore 1960.

nước Tàu nhỏ từ dăm năm nay. Nhưng đối với Bắc-kinh, mảnh đất này đã được coi như đất Trung-quốc từ lâu rồi. Muốn hiểu rõ vấn đề và đồng thời cả dự-kế bành trướng của Cộng sản Tàu, tưởng nên xét lại sự phân chia thời-kỳ cách-mạng của họ đã.

Lịch-sử cách-mạng hiện-đại ở Trung-quốc được chia ra làm ba thời kỳ :

— Thời-kỳ *Cách-mạng Dân-chủ cũ* từ Nha-phiến chiến-tranh 1840 tới Ngũ-tứ Vận-động 1919.

— Thời-kỳ *Cách-mạng Dân-chủ mới* từ Ngũ-Tứ Vận-động 1919 tới ngày thành lập Chế-độ Cộng-hòa Nhân-dân 1949.

— Thời-kỳ *Xây-dựng Xã-hội Chủ-nghĩa* từ 1949 tới nay và còn đang tiếp diễn.

Theo sự giải-thích của Tàu, trong thời-kỳ Cách-mạng Dân-chủ cũ, các Đế-quốc đã châu vào xâu xé Trung-quốc và chiếm mất nhiều đất đai. Chính-quyền thời đó vì hèn yếu đã không giữ nổi nên phải nhượng đất qua các hiệp-ước bất bình-đẳng. Nay, trong thời-kỳ Xây-dựng Xã-hội Chủ-nghĩa, nhân dân Trung-quốc sẽ lần lượt xé bỏ tất cả các hiệp-ước kia và giải-phóng những lãnh-thổ còn lại trong tay Đế-quốc.

Lập luận ấy đối với chúng ta không có gì đáng nói, vì đó là chuyện riêng của Tàu. Điều đáng nói là Tàu đã mang danh nghĩa chống Đế-quốc để hành động đế-quốc hơn bằng cách ghép luôn những nước nhỏ bé chung quanh vào lãnh thổ Tàu và đưa vào dự kế thống-trị qua mỹ-từ *giải-phóng*.

Khu vực Đông-Nam-Á được *hân hạnh* coi là lãnh-thổ Trung-quốc kể tới năm 1840, gồm có :

Miến-điện,

Thái-lan,

Việt-Nam,

Lào,

Cao-Miên,

Bán-đảo Mã-lai,

Tân-gia-ba,

và chuỗi đảo Sulu (Phi-luật-tân).

Những vùng đất này vừa được mô tả, vừa được vẽ vào bản-đồ đính kèm trong cuốn Tân Trung-quốc Sử-lược, một tài-liệu ấn hành lần đầu tiên vào năm 1952, dành để huấn luyện thanh niên Cộng-sản Trung-hoa nhằm nung nấu tinh-thần quốc-gia và đồng thời ý-đồ xâm lược (1).

---

(1) Năm 1960, một sinh viên Ấn tên là Ghanshyam Mehta du học ở Bắc-Kinh đã lấy được một ấn-bản cuốn Sử-lược trên và đã công bố ở Ấn-độ sau khi trở về năm 1962. Tờ Sự-Thật (Pravda) của Nga cũng vạch trần ý đồ bành trướng của Tàu qua bản-đồ trên trong số 2-9-1964.

Theo cuốn Sử lược này, ngoài vùng đất Đông Nam Á nói trên, các phần đất Trung-quốc đã mất và sẽ phải tranh đoạt lại còn có :

— Đông và Đông Bắc : Quần đảo Lưu-cầu (Nhật), Cao-Ly, Đảo Sakhalin (Nga) và vùng đất của Nga phía Đông-Bắc Mãn-Châu. (Dĩ nhiên cả Hồng-Kông, Ma-cao, Đài-loan...)

— Vùng Hy-Mã-Lạp-Sơn : Tất cả lãnh thổ ba nước Népal, Bhutan, Sikkim và một phần lãnh thổ Ấn-độ.

— Tây và Tây Bắc : Phần lãnh thổ Nga ở giáp Tây Tân-Cương, toàn thể Ngoại Mông (Cộng hòa Nhân dân Mông-Cổ), không kể Tây Tạng đã bị Tàu chiếm hoàn toàn.

Năm 1960, do sự tiết lộ của Ghanshyam Mehta nhóm sinh viên Népal ở Trung-Cộng đã bí mật trình cuốn Sử lược cho Thủ-tướng Népal để báo nguy trong dịp ông này viếng Bắc Kinh. Do sự kiện này, Népal đã cảnh giác bước dần ra ngoài vòng ảnh hưởng của Trung Cộng.

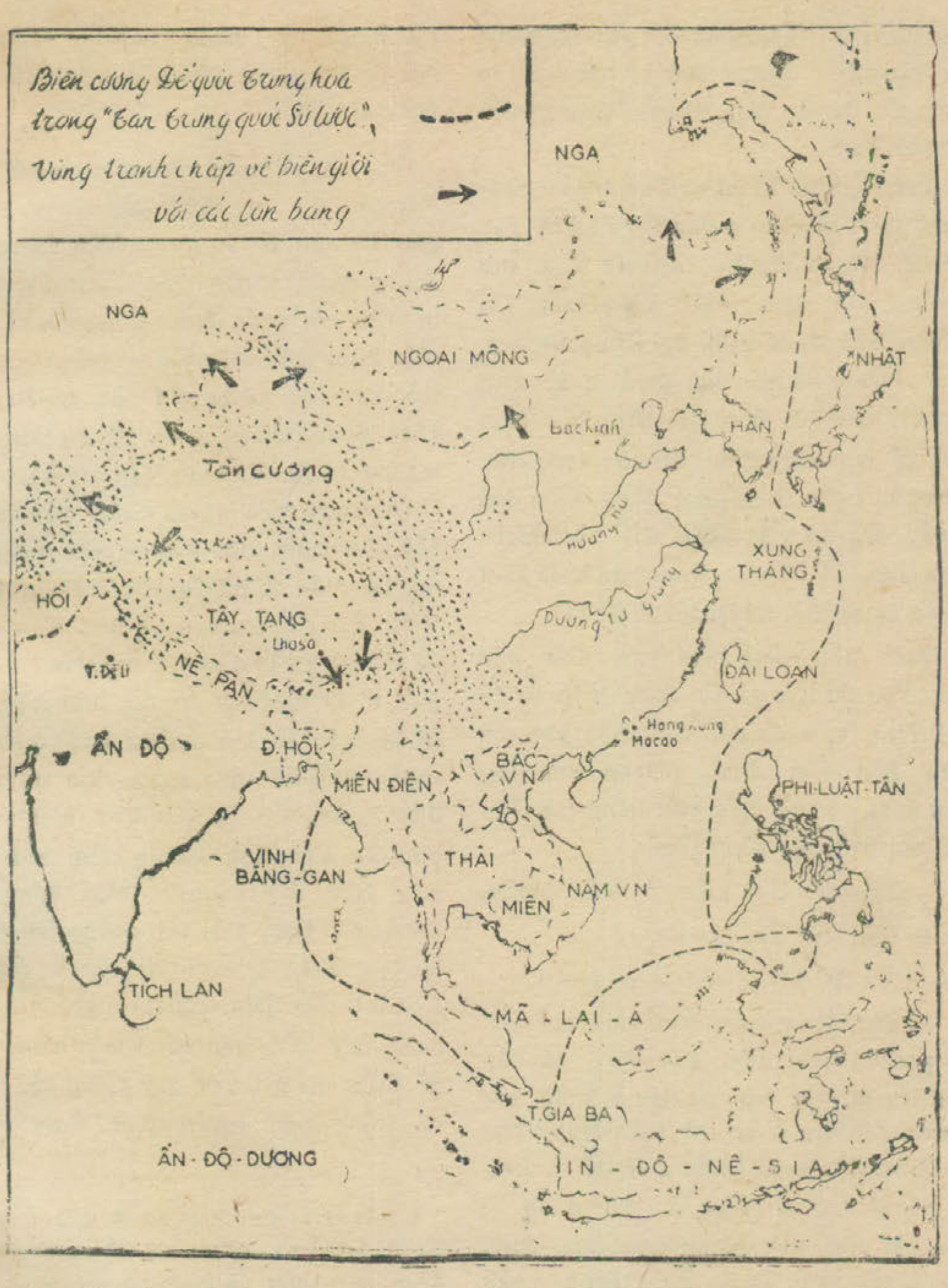

Trong tập Sử lược, Cộng sản Tàu đã ghi đất *An-Nam* bị Pháp cướp mất của Trung-quốc từ năm 1885, đất Miến-điện cũng lọt vào tay Anh từ 1886, còn Thái-lan tức Siêm đã bị Anh-Pháp cùng kiểm soát và đỡ đầu để tuyên-bố độc-lập (nghĩa là tách ra khỏi Trung-quốc) từ 1904.

Ông cha chúng ta, như ai nấy đều biết, từ sau ngày trút ách nô lệ 1.000 năm qua trận Bạch-đằng năm 938 (trong đó Ngô-Quyền đã bắt sống Thái-tử nhà Hán là Hoằng-Thao), đã không khi nào còn chấp nhận sự đô-hộ của Tàu nữa. Việc triều-cống định kỳ sau này chẳng qua chỉ là một hình thức ngoại giao phải có để tránh nạn binh đao. Nhưng nếu nạn binh đao không thể tránh do hành động xâm-lược của Tàu thì nhân dân Việt đều nhất tề chống lại và lần nào cũng đánh

bại kẻ địch. Vậy, phần đất *An Nam* của Trung-quốc trong thế-kỷ 19 chỉ có thể có trong sự tưởng tượng của người Tàu.

Trường hợp Miến và Thái thì lại càng khác nữa. Hai nước này chưa hề bị Tàu đô-hộ và không bị văn-hóa Tàu ảnh hưởng sâu đậm như Việt-Nam. Tại Miến-Điện dưới triều-đại Konpaungset, nhà Thanh đã bốn lần đem quân xâm lược nhưng cả bốn lần đều bị thảm bại, kết quả đưa đến hòa-ước 1769 trên căn bản hoàn toàn bình đẳng giữa hai nước. Do đó việc ghép đất Thái-Miến vào lãnh thổ cũ của Trung-quốc là một hành động thật đáng phỉ nhổ (1).

Vạch một vòng biên giới như vậy rồi, Tàu đã làm gì để thực hiện ý đồ ấy? Như trên đã nói, chúng ta khó mà tiên liệu mọi điều, nhưng tóm lại, chúng ta có thể thấy vốn liếng mà Tàu đã sẵn có trong vùng gồm :

— Tập-thể Hoa-kiều ở các nước,

— Căn cứ Tân-gia-ba,

— Và các Đảng Cộng-sản tay sai.

Về các Đảng Cộng-sản (xin coi BK số 310 và 311) hiện nay Tàu đã dần dần lấy lại vai trò chỉ đạo ở khắp các nước. Những phần tử thân Nga trong tổ chức Cộng-sản Miến điện đã và đang bị thanh trừng. Huk ở Phi đang bị Tàu chi phối dần và khởi sự hoạt động lại. Cộng sản Thái, với thành phần Hoa-kiều đông đảo, vốn hoàn toàn lệ thuộc Tàu. Cộng sản Lào đã bị bứt khỏi Nga để sa hẳn vào tay Tàu và đã mở cửa hậu sang Tàu bằng con đường chiến lược mới nối từ Nam-Hoa tới sông Mékong cận Đông-bắc Thái. Cộng sản Việt cũng đang chuyển hướng sang phía Tàu, phần vì Nga đã quá mệt mỏi trong việc đương đầu với Tàu ở mảnh đất này, phần vì áp lực Tàu vào nội bộ Đảng trở nên quá mạnh từ sau ngày Hồ chết.

Với số vốn trên, chúng ta có thể thấy Tàu sẽ tiếp tục thúc đẩy chiến tranh khuynh đảo ở các nước. Nếu Cộng sản thắng, quốc gia nạn nhân sẽ đương nhiên bị Tàu chi phối. Nếu Cộng sản bị tiêu diệt hoặc thất bại phải rút vào rừng núi trở lại, Tàu cũng vẫn còn nhiều ngòi khác để mà châm, nhiều địa-hạt khác để mà can thiệp. Vấn đề Tân-gia-ba, Mã-lai-Á trong việc tranh chấp với người Mã. Vấn đề Hoa-kiều ở các quốc gia còn lại. Vấn đề biên giới với Miến, Lào, Việt. Bất cứ với vấn đề nào, Tàu cũng có thể dùng làm đầu mối tạo khủng hoảng mới ở Đông Nam-Á. Về biên-giới, tại Miến Điện thì sự những cuộc đụng độ trong thời-kỳ 1954-1960, tình trạng đã được giàn xếp tạm, nhưng hiện chính phủ Ne Win cũng không kiểm soát nổi nữa. Nếu Miến quyết tâm đóng cửa hoàn toàn biên-giới thì khủng hoảng sẽ lại tức khắc sảy ra. Biên-giới Việt và Lào thì đều nằm trong vòng kiểm soát của Cộng sản, nên chưa trở thành vấn đề. Mấy năm trước đây Cộng sản Tàu đã trắng trợn tuyên bố. «Tiền-phương

---

(1) Trường hợp các nước nhỏ ở vùng Hy-Mã Lạp-Sơn cũng vậy. Ngay từ 1939 Mao-Trạch-Đông đã tuyên bố Népal và Bhutan là đất Trung-Hoa bị Đế-quốc ăn cướp mất qua những hiệp-ước bất bình-đẳng. Còn Sikkim thì mãi đến 1954 mới thấy được ghi vào bản đồ Trung-Hoa và chú thích là phần lãnh thổ Trung-Hoa bị Anh chiếm đóng từ 1888. Trên thực tế, Népal trước kia là một nước độc-lập nhưng cũng ở trong tình trạng phải triều cống Trung-quốc như ở Việt Nam (định kỳ 5 năm vào cuối thế kỷ 19), còn Bhutan và Sikkim thì không có liên-hệ gì với Trung-quốc cả.

phòng thủ của Trung-quốc là Bắc-Việt, nếu Bắc-Việt bị xâm lăng, nhất định Trung quốc sẽ không để yên ». Khi tuyên bố như trên, Tàu đã nhằm cảnh cáo Mỹ nhưng đồng thời cũng nhằm cảnh cáo chính Bắc-Việt khi nhấn rõ Bắc-Việt là tiền-phương phòng thủ của Trung-quốc. Trường hợp Bắc-Việt, một xứ Đông-Nam-Á, nếu có mưu toan thoát hẳn ra ngoài vòng kiểm soát của Tàu thì cũng chẳng khác nào trường hợp một xứ Đông Âu trong Liên-minh Varsovie mưu toan thoát ra ngoài vòng kiểm soát của Nga-sô. Nếu Nga-sô đã dùng võ lực với Hung với Tiệp, thì có ai dám quả quyết Tàu sẽ không dùng võ lực với Bắc-Việt trong trường hợp tương tự. Vì vậy, chờ đợi một thỏa-hiệp với dự liệu Cộng sản Việt có thể thoát ra khỏi ảnh hưởng của Tàu rõ ràng chỉ là không tưởng ! Và cũng do đó, thay vì chỉ nói chuyện với Nga như đã từng làm, Mỹ hiện đang phải tìm đến Tàu để nói chuyện, nghĩa là Mỹ không thể chối bỏ thực-thể Tàu trong việc giàn xếp vụ Đông-Nam-Á giữa các Đế-quốc với nhau

Đến đây, tưởng cũng cần nói thêm rằng : Trình bày như trên không hẳn là đồng hóa vấn đề Cộng sản với vấn đề Tàu. Thật ra, vấn đề Tàu còn rộng lớn hơn vấn đề Cộng sản. Hãy lấy thí dụ nếu Tưởng-giới-Thạch thắng Cộng mà làm chủ Hoa-lục, các nước Đông-Nam-Á tất cũng sẽ phải đương đầu với súy đồ thống trị của Quốc-dân-đảng như đã phải đương đầu với Cộng sản vậy. Lúc ấy hình thức tay sai ở địa-phương sẽ không phải là các đảng Cộng sản, mà sẽ là các tổ chức mang danh nghĩa khác.

Lịch sử cách-mạng Việt hãy còn một vết nhơ không bao giờ tẩy sạch là hành-động tay sai Quốc-dân-đảng Tàu trong thời kỳ chấm dứt Thế-chiến 2. Những phần tử tay sai có thể, vì thiếu lập-trường dân-tộc vững chắc, lầm tưởng Quốc-dân-đảng Tàu là cứu-tinh của dân Việt, nên đã hành-động như vậy. Và chính hành-động ấy đã đẩy thanh niên Việt vào tay Cộng-sản, một thế-hệ thanh-niên hoàn toàn còn xa lạ với chủ nghĩa Cộng-sản, nhưng lại rất quen thuộc với súy-đồ thống-trị của Tàu (ít ra là qua kinh-nghiệm lịch-sử đã học được ở trường). Thành phần thân Tàu tiếc thay, khi đó lại mang danh-nghĩa đảng phái quốc-gia và là chủ chốt của lực lượng không Cộng-sản. Cái ung thối từ lập-trường phát tiết ra hành động đã làm hỏng đại-cuộc lúc ấy và còn mãi di hại tới ngày nay. Danh từ *phe quốc-gia* mà những phần-tử ấy tự khoác lấy đã được tiếp tục sử dụng một cách sai lầm và đã trở thành tiếng để chỉ chung tất cả những người không Cộng-sản !

Than ôi, nếu những kẻ theo Tàu thời 45-46, những đứa cộng tác với Pháp trong giai-đoạn kháng chiến 46-54 và những tên bù nhìn của Mỹ từ 54 đến nay đều là *quốc-gia* cả thì cái *phe các quốc-gia* (theo nghĩa ấy) cũng đáng xa lánh và phỉ nhổ như chúng ta đã xa lánh và phỉ nhổ *bọn giải phóng* tay sai của Đế-quốc Cộng-sản vậy. Đã là tay sai cho ngoại bang thì thảy đều có tội với tổ-quốc, với nhân dân, như nhau hết. Cho nên, những mưu toan bắt tay với Đài-loan để lập tổ-chức liên phòng, mở cửa cho Quốc-dân-đảng Tàu tự do hoạt động

trong đám Hoa-kiều và cho phép Đài-loan lập hệ thống tình-báo trong nước (ưởng là có thể loại trừ tổ chức Cộng-sản trong đám Hoa-kiều) thảy đều là những hành động tự sát. Tại sao vậy ? Vì những hành động ấy sẽ đưa đến việc rước Quốc-quân vào trong nước. Mà kẻ nào đã rước Tàu vào là mặc nhiên tự đứng về đối nghịch với nhân dân. Các đảng Cộng-sản Việt, Lào, Thái, Miến, mặc dù theo Tàu nhưng cũng vẫn còn đủ khôn ngoan để chưa dám làm chuyện ấy kể cả những thời kỳ khốn đốn nhất.

Trong tương lai, nếu có việc Tàu can thiệp trực tiếp vào Đông-Nam-Á bằng vũ lực, thì trong hai phe đối chiếu (Cộng sản và Tư-bản) phe nào rước đồng minh Tàu vào trước phe ấy sẽ thảm bại. Lịch sử Việt-Nam đã chứng tỏ điều đó và trong tình-trạng Đông-Nam Á, phóng đại kinh-nghiệm Việt-Nam ra toàn vùng ở trường hợp này là điều chắc chắn có thể chấp nhận được.

PHẠM-VIỆT-CHÂU

Vitaplex
CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C_D_PP_B2_B6_B12

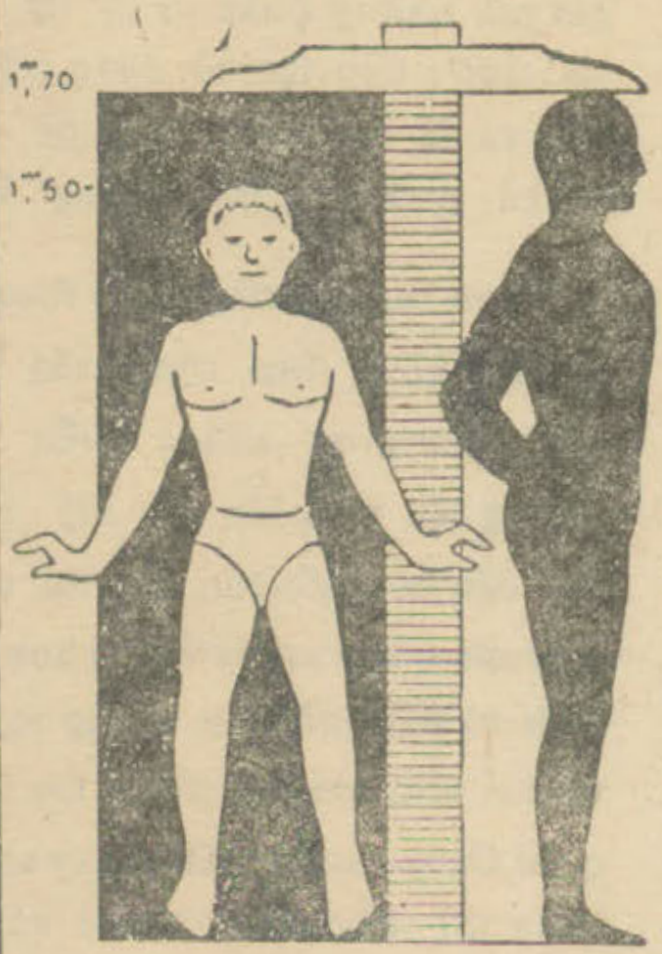

-CON NÍT MAU BIẾT ĐI
-CỨNG XƯƠNG.
-MẠNH KHOẺ .
-NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG .
-ÍT ĐAU RĂNG.
YẾU PHỔI.
.MỆT MỎI .

LABOHADZER
VỪA THƠM NGON _ VỪA BỔ.

Số KN/18 MBYT/QCDP

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

«Hồn Đại Việt giọng Hàn Thuyên»

Tưởng niệm ĐÔNG HỒ

Một trong những nét đẹp nhất, cao quí nhất mà cũng đặc biệt nhất của đạo Nho, không thấy trong các triết học khác, là gây được cái truyền thống: tiến vi quan, thoái vi sư. Học là để tu thân mà tu thân là để giúp nước, giúp nước bằng chính và «giáo». Gặp thời loạn, không thể thi thố tài đức để cứu dân được thì trở về dạy dân để chuẩn bị cho một thời khác.

Khổng Tử là người tạo nên truyền thống đó: ông là người đầu tiên mở các lớp học bình dân ở Trung Quốc, vừa làm chính trị vừa dạy học, khoảng sáu mươi bảy tuổi biết đạo của mình, không có nhà cầm quyền nào muốn theo, mới quay về chuyên việc dạy học. Nội điểm đó, ông cũng đáng được tôn sùng là «vạn thế sư biểu» rồi-

Ông «khai lai» rồi Mạnh Tử «kế vãng». Đời của Mạnh Tử cũng y hệt đời ông, cũng bôn ba các nước chư hầu cho tới già rồi cũng trở về dạy học, và có lần thốt ra câu bất hủ này: Người quân tử có ba niềm vui mà một trong ba niềm vui đó là được các anh tài trong thiên hạ để dạy dỗ (đắc thiên hạ anh tài nhi giáo dục chi). «Làm vua thiên hạ» không được Mạnh-Tử sắp vào trong ba cái vui đó.

Trong hơn hai ngàn năm, hết thảy cái nhà Nho chân chính ở Trung Hoa cũng như ở Việt Nam hữu danh cũng như vô danh từ Đổng-Trọng-Thư, Vương-Dương Minh, Chu-Văn-An, Nguyễn Khuyến đến các ẩn sĩ, các thầy đồ đều giữ được truyền thống của Khổng-Mạnh, tự gây được một uy tín rất lớn trong dân gian, thành một giai cấp không có đặc quyền, cao quý mà vẫn bình dân, chỉ giúp đồng bào mà không mưu lợi cho bản thân, nghèo mà được trọng hơn vua chúa, không có tổ chức mà lại chặt chẽ, vững bền vì không tranh với ai, một giai cấp kì dị không giống một giai cấp nào trong lịch sử nhân loại giai cấp sĩ phu. Văn minh nhân loại ngày nay không sao tạo nổi giai cấp đó nữa; các giáo sư đại học không sao có được cái uy tín đối với dân như các cụ đồ của ta hồi xưa, đó là một điều đáng tiếc.

Ở nước ta hiện nay, số hậu duệ của giai cấp đó kể ra cũng còn được kha khá nhưng số người còn giữ được nếp nhà thì hiếm đấy, và tôi nghiệm thấy người nào giữ được cũng có vài nét chung rất dễ nhận ra: không ham danh lợi, chăm nom sự dạy dỗ con cái, yêu nước, thích văn chương, chuộng nghề dạy học và hình như có khiếu dạy học nữa...

Tôi được dăm ba ông bạn trong giới đó, mà ông Đông-Hồ là một. Ông sinh trưởng trong một gia đình Nho giáo ở Hà Tiên. Hà Tiên là một nơi hẻo lánh, tuy là tỉnh nhưng chỉ lèo tèo như một cái quận ở biên giới, gần như cách biệt hẳn với các tỉnh khác : hồi đầu thế kỉ, muốn lên Saigon phải mất ba ngày, nói chi tới Huế và Hà Nội. Nhờ vậy mà Hà-Tiên giữ được nhiều nếp cổ, ít chịu ảnh hưởng của phương Tây, sau thế chiến thứ nhất mới có một trường Sơ-học Pháp-Việt, dạy tới lớp ba (sơ đẳng) sau thành trường Tiểu-học. Nhưng Hà-Tiên có đủ sông hồ, núi biển, là một tiểu vũ trụ, và từ 1736 đã có Chiêu-Anh-Các mà vị «nguyên soái» trên thi đàn đó, Mạc-Thiên-Tích, tuy gốc Trung-Hoa mà lại biết trọng văn thơ Nôm.

Đông-Hồ mồ côi sớm, nhưng được ông bác, cụ Hữu-Lân, dạy dỗ, coi như con. Tôi còn giữ được một bức thư rất cảm động của thi sĩ kể nỗi tiếc nhớ ông bác. Cụ Hữu Lân vừa hay chữ tốt mà cũng rất trọng thơ Nôm : chính cụ sưu tập được một bản chữ Nôm *Song tinh nhất dạ* mà Đông-Hồ đã phiên âm hiệu đính đôi chỗ và xuất bản năm 1962 (nhà Bốn-Phương). Chịu hai ảnh hưởng của quê hương và gia đình đó — dĩ nhiên cũng do thiên tư nữa — Đông Hồ đã sớm thích thơ văn Hán và Việt, nhất là Việt, vì như ông vẫn thường ân hận « chữ Hán, chữ Pháp đều được học rất ít ».

Khoảng 15 — 16 tuổi, ông bắt đầu được biết tạp chí Nam Phong, mê tạp-chí này, đọc rất kĩ từng số một để học thêm, và khi Phạm Quỳnh, theo tấm gương của các cụ trong Đông-Kinh Nghĩa-Thục, đề cao tiếng Việt, thì Đông-Hồ hưởng ứng liền, chẳng những chỉ đề cao mà thôi, còn luyện tiếng Việt, hô hào quốc dân học tiếng Việt, đích thân mở một lớp xá, cũng như một nghĩa thục, để dạy tiếng Việt nữa.

Đó là ảnh hưởng thứ ba.

Ảnh hưởng cuối cùng là ảnh hưởng của thi hào Ấn Rabindranath Tagore. Năm 1870, Tagore lập một tịnh xá ở gần Calcutta đặt tên là Santiniketan (có sách dịch là Nhà Tự do, có sách lại dịch là nhà Hòa bình) để dạy một số thanh niên cái đạo giải phóng tinh thần, sống gần thiên nhiên. Nhờ tạp chí Nam Phong mà Đông Hồ biết rằng Tagore đã dùng tiếng bengali mà sáng tác được nhiều tác phẩm bất hủ, được giải thưởng Nobel và lời này của Tagore : « Cô học tiếng mẹ đẻ thì chúng ta mới vỡ trí khôn ra được » càng làm cho ông vững tin chủ trương của mình (1)

Trí-Đức học-xá khai giảng ngày 30-10-1926 lúc ông đương làm giáo-viên

(1) Coi bài : K.E Kripalani tiếp xúc với Đông Hồ... trong cuốn Đăng Đàn - Mặc Lâm xuất bản 1970.

dạy lớp sơ đẳng ở Hà-Tiên. Ta nên nhớ chương trình tiểu học hồi đó dạy bằng tiếng pháp, mỗi tuần chỉ có vài giờ « Annamite » — tức Việt ngữ. Ông dạy ở trường tiểu học được đâu tám, chín năm (từ 1924 hay 1925 đến 1933) và ngay từ năm đầu ông đã bất mãn về chương-trình : trẻ Việt mà sao không được học tiếng Việt, lại phải học tiếng Pháp, lại phải tụng những câu như : « Nos ancêtres sont les Gaulois » (Tổ tiên chúng ta là người Gaulois — người xứ Gaule) ; nên tuy phải theo chương trình nhưng ông vẫn chú trọng tới tiếng Việt hơn, khuyến khích học sinh tin tưởng ở tương lai tiếng Việt mà trau giồi tiếng Việt.

Học sinh lớp ba hồi đó ở một tỉnh nhỏ, hẻo lánh, chắc có em tới mười ba mười bốn tuổi, nên đã hiểu biết ít nhiều và ông đã đào luyện được một số khá về Quốc văn, tập cho họ viết báo nữa, có bài được đăng trên Nam-Phong năm 1925.

Ông theo đúng chương trình nên các cấp trên không trách ông vào đâu được, nhưng chắc cũng không ưa ông.

Thấy một tuần lễ chỉ có vài giờ tiếng Việt, ít ỏi quá, một hai năm sau, ông mở Trí-Đức học xá, ở trên bờ Đông Hồ, dạy toàn tiếng Việt cho bất kì người nào muốn học. Buổi khai giảng vào ngày 30-10-1926. Năm đó ông mới hai mươi tuổi.

Học xá mỗi tuần giảng hai buổi tối Những ngày lễ hay chủ nhật ông thường dắt các học sinh đi thăm những cảnh đẹp ở Hà Tiên, những nơi có di tích lịch sử, để sống gần thiên nhiên như chủ trương của Tagore

Tôi không rõ ông có lập một chương trình giảng dạy gì không, nhưng Nam Phong số 115 — tháng 3 năm 1927 — có đăng trọn bài diễnvăn của ông đọc ngày 19-11-1926 ở học xá, vạch rõ mục đích của học xá : là khai trí tiến đức à dạy «chữ Quốc ngữ», dùng Việt-ngữ làm chuyển ngữ trong việc khai trí tiến đức đó.

Vách bên tả treo câu cách ngôn của Chu Hi :

« Ở đời có ba điều đáng tiếc ; một là hôm nay bỏ qua, hai là đời này chẳng học, ba là thân này lỡ hư ».

Vách bên hữu treo câu của Phạm Quỳnh :

« Tiếng là nước : tiếng còn thì nước còn, tiếng mất thì nước mất... »

Và tôi đoán, lối dạy của ông chắc cũng không khác lối dạy của các cụ Đông Kinh Nghĩa-Thục non hai chục năm trước : lấy một vài bài thơ, một áng văn, hoặc một thời sự, một truyện cổ, làm đầu đề giảng của mỗi buổi, rồi liên miên bàn về cách xử thế, tu thân, về lòng yêu nước, về cách đặt câu, dùng chữ vân vân... Chắc mỗi tuần có một bài luận Quốc văn mà ông chịu khó sửa kĩ (đặc biệt chú ý tới chánh tả), tuyển những bài khá nhất để giới thiệu trên báo Nam-Phong.

Học-xá mở được tám năm, từ 1926 đến 1934. Theo nữ sĩ Mộng-Tuyết thì có 3 lần khai giảng hết thảy ; lần thứ nhất cho các học sinh lớp nhất, (1) các lần sau cho các học sinh lớp ba, tức lớp của Đông Hồ. Mỗi khóa chắc chỉ được vài chục học sinh, vì Hà-Tiên là một thị trấn nhỏ ; nhưng cũng có một số ở xa học theo hàm thụ và tiêu đề trên các thư từ hàm thụ là bốn câu thơ dưới đây :

Riu rít đàn chim kêu,

Cha trìu ền con nối theo.

Huống là tiếng mẹ đẻ,

Ta có lẽ không yêu ?

Dĩ nhiên ông bị nhà cầm quyền nghi kị, theo dõi. Hồi đó, dạy Việt-ngữ là một điều quái gở. «Ai cũng ham học

(1) Lớp của thầy giáo Trọng Toàn vì chỉ có thầy khuyến khích học sinh học thêm ở Trí-Đức học-xá.

được ít câu tiếng Tây để "tối sớm banh sáng sữa bò» mà sao lại dạy Việ Ngữ ? «Tổ tiên ta là người Gaulois» mà sao lại học tiếng Annamite ? Chính một học sinh của ông khi phải từ biệt thày và bạn để về quê quán ở Biên-Hòa, đã viết những hàng này mà Đông Hồ đã chép lại trong bài *Nhớ tiết hạ nguyên*, Nam Phong số 135 tháng 11-12 năm 1928 :

« Nói đến công của chữ Quốc ngữ khi sắp từ biệt nhà học-xá này thì cảm động đến chảy nước mắt mà khóc được vì quốc văn ở buổi bây giờ muốn học cũng khó lắm thay! (...) Trường nào là trường có dạy thứ chữ ấy, thày nào là thày chịu dạy thứ chữ ấy ? Ai chẳng biết chữ Quốc ngữ ở các trường nhà nước ngày nay phải ở vào cái địa vị rất thấp hèn mà chịu cái số phận khinh khi rẻ rúng; như thế thì còn ai là người thiết đến việc dạy dỗ thứ chữ ấy nữa làm gì ?...»

Theo nữ sĩ Mộng-Tuyết, chỉ có một lần Đông Hồ bị cấp trên cảnh cáo. Năm đó, không nhớ rõ năm nào, một tờ báo (có lẽ là tờ Việt-Dân) sắp ra, đăng quảng cáo rằng trong tòa soạn có Đông-Hồ, một giáo viên ở Hà-Tiên, lại in hình Đông-Hồ nữa. Một viên đốc học liên tỉnh miền Tây, người Pháp, tức tốc tới Hà-Tiên để điều-tra, chìa tờ quảng cáo đó cho Đông-Hồ coi hỏi vặn đủ điều, rốt cuộc bảo : « Ừ, về văn-học thì được, chứ chính-trị thì cấm đấy».

Nhưng đọc bài tựa ông viết cho tập *Bông hoa cuối mùa* (tập này của một môn sinh của ông, tên là Thanh-San), tôi chắc ông còn bị cả nhép buộc, cấm đoán nữa, nên 1934 học xá phải tự đóng cửa.

Hội nghiên bút tao phùng đâu nữa,
Lệ văn chương giọt ứa cảm hoài ;
Mịt mù trong cõi trần ai,
Cao sơn lưu thủy ai người tri âm ?
. . . . . .
Thôi đành chịu người thua cảnh ngộ,
Cảnh không may thực khó mà nên.
Hồn Đại-Việt, giọng Hàn Thuyên,
Năm năm ba bận tình duyên lỡ làng !

Nam Phong số 162

Cảnh không may đó là cảnh nào ? Ba bận lỡ làng là làm sao ? Hồi ông còn thì tôi không hỏi mà ông cũng không kể. Ông không kể là vì ông khiêm tốn, ít muốn nói về mình mà tôi không hỏi vì nghĩ ông còn thọ ít gì cũng dăm ba năm nữa, không gấp gì. Bây giờ muốn hỏi thì không biết hỏi ai !

Học-xá ngưng giảng nhưng lớp hàm thụ thì vẫn còn : ai thích văn thì cứ gởi thư hỏi han và gởi văn thơ cho ông sửa.

Trí-Đức học-xá gây được một tiếng vang trong nước nhờ những bài giới thiệu đăng trên báo Nam-Phong. *Gia-đình giáo dục kì* số 115, *Nhớ Tiết Hạ nguyên* số 135 *Bài kí về Giáo dục* số 157 vân vân ; lại đào tạo được một số môn sinh hồi đó viết quốc văn đã khá lắm, không hiểu tại sao sau này không sáng tác gì cả, trừ nữ sĩ Mộng-Tuyết. Nhưng phải phải nhận rằng Đông-Hồ không gây nổi một phong trào : tại thiếu địa - lợi chăng ? Hà - Tiên là nơi hẻo lánh, nhân tài hiếm mà đồng chí không đông ; hay tại thiếu thiên thời ? lúc đó ảnh hưởng của tiếng Pháp đương mạnh. Nhưng sáng kiến đó, nhiệt tâm đó, và đức kiên nhẫn đó, một người đương thời, Trọng Toàn đã ghi lại trong bài *Một người có công với Quốc-văn* — Nam Phong số 173, và bây giờ chúng ta nên ôn lại để nêu cho đời sau tấm gương của một người từ năm hai mươi tuổi, giữa thời

toàn thịnh của thực dân Pháp, đã « tự nguyện làm một người tri kĩ với Quốc văn, (...) cùng với Quốc văn ước nguyền sông núi » (Nam Phong số 135). Mà riêng đối với môn sinh của ông, thì công của ông thực lớn. Trên mộ bằng cẩm thạch Ý-Đại-Lợi của ông ở nghĩa địa Mạc-đình-Chi, chúng ta đọc hai câu này của một môn sinh Trí-Đức học-xá :

Ân sâu nghĩa nặng tình dài,
Khóc thày, khóc mãi, biết đời nào nguôi ?

Chỉ được một người khóc như vậy thì cả một đời dù không có sự nghiệp gì khác nữa, cũng khả dĩ là vô hận rồi.

oOo

Trí-Đức học-xá đóng cửa rồi, chức giáo viên tiểu học cũng đã từ bỏ năm trước — năm bá phụ của ông quí tiên — ông lên Saigon cho ra tờ tuần báo *Sống* (1935) Báo viết kĩ, in kĩ chỉ sống được ba mươi số, nhưng cũng đã đánh dấu một tiến bộ trong ngành : tờ đó là tờ đầu tiên ở Nam in trúng hỏi, ngã, và cho tới bây giờ vẫn chưa có tờ nào chú trọng tới chánh tả hơn. Dĩ nhiên ông phải đích thân sửa trên bản nháp của người gửi bài rồi sửa trên ấn ảo của nhà in. Ai ở trong nghề mới thấu được công của ông. Thất bại, năm sau ông về Hà-Tiên ẩn cư non mười năm. Sau quốc biến 1945 một mình ông chèo một chiếc xuồng ba lá lênh đênh trên các sông rạch miền Tây, sau cùng trôi giạt tới Saigon, lập nhà xuất bản Bốn-Phương, nhà sách Yiễm-Yiễm, và ra tờ *Nhân Loại* (1953). Tờ này in cũng rất kỹ như tờ *Sống* mà cũng không thọ, được 22 số rồi phải ngưng. Trong mục *Chữ và Nghĩa*, ông kí tên *Đồ mọt sách*, đưa ra nhiều nhận xét lý thú về tiếng Việt.

Năm 1964, ông đã dẹp hết công việc xuất bản phát hành sách, về nghỉ ngơi ở Quỳnh-Lâm thư-thất gần hồ tắm Chi-Lăng thì một tin làm cho nhiều bạn bè ngạc nhiên : ông nhận lãnh việc giảng về Văn-học miền Nam cho Đại-học Văn khoa Saigon. Người ta ngạc nhiên vì năm đó ông đã gần lục tuần, đã bỏ nghề dạy học ba chục năm rồi, mà ông lại vào hạng thi sĩ phong lưu nhất trong nước. Tôi tuy ít khi ra khỏi nhà mà cũng nghe được những lời một số người trách ông thế này thế nọ ; ông cũng biết rằng những lời đó tới tai tôi nhưng không khi nào ông đính chính mà tôi cũng chẳng hỏi. Những chuyện đó tôi thường gác ngoài tai : mỗi người có một chí hướng, một lối sống, một hoàn cảnh, một tâm sự một sở thích, tới hàng ruột thịt cũng khó hiểu được, phê phán thì thế nào chẳng có điều bất công. Nhưng tôi cũng đoán thầm rằng ông vốn là nghệ sĩ cần có sự bó buộc, thúc bách nào đó mới làm một công trình nghiên cứu dài hơi được, và ông nhận việc giảng dạy để tự buộc mình phải soạn cho xong một cuốn về văn học miền Nam chăng ?

Tôi đoán không sai, nhưng chỉ đúng một phần nhỏ.

Tháng chín năm 1967, nghĩa là sau khi ông dạy ở Đại-học Văn-Khoa được ba năm ông gởi tặng tôi một tập *Đào lý xuân phong*

Tập này quay «ronéo», in trên giấy đánh máy dày, chỉ gồm có 2 trang, không hiểu tại sao lại đánh số từ 319 đến 330 Nhưng bìa màu vàng in «typo» và phía trước có dấu son «Lâm Đông Thủy Cổ Nguyệt», và hàng chữ *Tuyển lục ít vần thơ Đại học ;* phía sau có đề : *Giá*

thuần nhất : 40 đồng. Tôi không chắc rằng tập đó gởi bán ở các tiệm sách, có lẽ chỉ để tặng bạn bè ; sinh viên Đại-học Văn-khoa ai muốn có một bản thì góp chút phí tổn ấn loát, thế thôi.

Lật tờ bìa rồi, tối một tờ giấy mỏng màu hồng in bằng bản kẽm, có bốn chữ Hán ; *Đào lý xuân phong*, và tên cùng triện son của tác giả.

Tập gồm 9 bài, 8 bài thơ và 1 bài đoản văn làm từ 1965 đến 1967. Tôi để ý tới ba bài : *Xuân phong ngâm* ở đầu tập, *Vàng son hoa nở hai mùa* và *Tiếng Việt huy hoàng*.

Tôi nhận thấy ông trở lại nguồn hứng của ông trên ba chục năm trước, hồi ông làm trưởng giáo Trí-Đức Học-xá. Ông lại nhắc đến « giọng Hàn Thuyên, hồn Đại-Việt ».

Duyên gặp gỡ tương tri thuở nọ.
Khúc nam hân ngọn gió khéo đưa.
Cung đàn dìu dặt tiếng tơ,
Hàn Thuyên Đại Việt hồn xưa bàn hoàn

(Xuân phong ngâm — 1967)

Hồn Đại Việt giọng Hàn Thuyên,
Nền móng văn chương cổ điển
Đặt đây viên đá đầu tiên
Xây dựng tương lai còn hẹn

(Tiếng Việt huy hoàng — 1967)

Vậy thì cái việc dạy cho Văn-khoa chỉ là để nối lại cái « tình duyên lỡ làng » ba mươi năm trước; chỉ là kêu gọi « hồn Đại-Việt », đề cao « giọng Hàn Thuyên », và trước sau, ông chỉ nghĩ tới Quốc văn, giữ mối tình « tri kỉ với Quốc văn » « mối duyên nợ thâm trầm với Quốc ngữ » như ông đã viết trong Nam-Phong số 135 và 162. Không biết trong thâm tâm, ông có tự hào rằng ông là người đi tiên phong không ? công việc ông đơn thương độc mã khởi xướng hồi hai mươi tuổi bây giờ đã thực hiện được.

Tôi nghĩ, chính quyền nếu có những người thực hiểu văn hóa Việt Nam, thực tâm yêu «giọng Hàn Thuyên» thì khi dời Văn-khoa Đại-học từ Hà Nội vô đây, tất phải mời ông ngay làm giáo-sư thực thụ mới phải, vì ai có lòng với tiếng mẹ đẻ hơn ông, với giọng Hàn-Thuyên hơn ông ? Ông nhận cái chức giảng-viên Văn-Khoa, đâu phải là vì danh mà vì tiếng Việt đấy, vì đám thanh niên Văn-Khoa đấy, vì muốn tiếp tục "xây dựng tương lai» cho «Tiếng Việt huy hoàng» đấy.

Ở một nước biết trọng văn nhân thi sĩ như nước Pháp thì bốn câu :

Hồn Đại-Việt giọng Hàn-Thuyên
Nền móng văn chương cổ điển,
Đặt đây viên đá đầu tiên
Xây dựng tương lai còn hẹn

đã được khắc lên một phiến đá Ngũ-Hành-Sơn mà dựng trước di chỉ Trí-Đức học-xá ở Hà-Tiên, hoặc khắc lên bảng đồng treo trong phòng Diễn-giảng ở Đại-học Văn khoa Sài gòn rồi. Tôi đề cao ông quá chăng ? Không, tôi chỉ đề cao «giọng Hàn-Thuyên» và nhớ ơn những người nào có công với "giọng Hàn-Thuyên».

Đọc *Đào lý xuân phong*, tôi thích nhất bài *Xuân phong ngâm*. Bài đó viết theo thể song thất lục bát, thể hoàn toàn Việt-Nam, lời đẹp mà ý hơi buồn, cho tôi cái cảm tưởng rằng tác giả là một ông đồ Nho thời cuối Lê hay đầu Nguyễn, chán ngán sự đời mà tìm cái vui trong sự dạy dỗ thanh niên, cái vui mà Mạnh-Tử đã bảo là còn quí hơn cái vui làm vua trong thiên hạ nữa.

Ông nhắc lại tuổi niên thiếu, ông mê say tiếng mẹ.

Tiếng mẹ với tiếng đàn náo nức
Hồn thơ chung hồn nước xôn xao,
Hồn phong nhã, tiếng thanh tao,
Nguồn thơ Quốc ngữ nao nao biển lòng

Rồi khi ông sáng lập Trí-Đức học-xá :

Vườn Trí-Đức thành Phương ngõ rộng
Hạt Quốc văn gieo giống tinh hoa
Trải bao gió lộng sương pha.
Tốt tươi hồng hạnh, rườm rà quế lan.

Bây giờ đây :

Một tháng đã sông dời núi đổi,
Trăm năm chi biển nỗi dâu chìm
Bóng xưa ngày cũ khôn tìm
Nhắc cho thêm gợi những niềm nhớ nhung.

Nhưng nhìn đám thanh niên ông đào tạo thì ông lại vui :

Đây thế hệ anh hoa tuấn tú
Đêm ngày đang vui thú sách đèn
Say sưa nghĩa lý thánh hiền,
Đông Tây kim cổ triền miên mộng vàng
Đang đợi những huy hoàng cao cả
Đang bắt tay luyện đá vá trời
Một trời mực đặm son tươi
Một trời Đại học, một trời văn khoa,

Khúc ngâm dài 60 câu chấm dứt ở những vần tràn trề hi vọng đó.

Khi trình với ông những cảm tưởng của tôi về bài thơ đó — bài thơ thành thực, thanh nhã, mà cảm xúc triền miên, tỏ được chí hướng của ông, tóm tắt được cuộc đời của ông — rồi mỉm cười bảo : « Bác thực là có huyết thống của nhà Nho, chỉ thích làm một ông Đồ, chỉ sung sướng khi có một số anh tài để dạy dỗ», ông lộ vẻ mừng, cho tôi là tri kỉ.

Khi gia đình xây mộ cho ông, nữ sĩ Mộng-Tuyết hỏi tôi nên lựa bốn câu này :

Vũ trụ mang mang trời đất,
Thời gian dằng dặc đêm ngày
Một thoáng cổ kim chớp mắt,
Nghìn thu dâu bể trao tay

hay sáu câu :

Hồn Đại-Việt giọng Hàn-Thuyên,
Nền móng văn chương cổ điển,
Vũ trụ thiên thu vạn vật,
Cảo thơm hiền hiện trước đèn.
Đất nước nghìn năm văn hiến,
Lâu đài tiếng Việt huy hoàng.

để khắc lên mộ, là nữ sĩ đã hiểu rõ tâm sự, nguyện vọng suốt đời của chồng ; điều đó cũng hiếm thấy trong gia đình văn nhân đấy Tôi đã do dự hồi lâu, rồi đáp rằng nên lựa bốn câu trên Tôi không nói ra hay đã nói mà quên chăng ? nhưng lúc đó tôi đã nghĩ : Sáu câu dưới nên để cho môn sinh khắc thì phải hơn.

oOo

Mấy năm cuối cùng ông thường than nàn sao thấy buồn quá, không hiểu vì đâu :

«Gần đây tôi cứ thấy lòng buồn mà rộn, không biết buồn về điều gì và rộn vì điều gì». (2-3-II-1967).

«Mấy hôm nay tâm hồn tôi như có chút gì bất thường».

Đã thấy lâng lâng niềm giản dị,
Hồn tan theo nước ý theo mây.

Khi làm câu thơ đó, cách đây đã hơn 25 năm, mà đến bây giờ mới thấy gần đúng». (5-II-1967)

Và ông bảo chỉ còn mỗi nỗi vui là được «các bác vào chơi». Các bạn khác mải lo sinh kế, còn tôi thì rất sợ ra khỏi nhà, sợ thấy xe cộ và rác rưởi, nên cái

vui được chuyện trò với bạn thân, may lắm mỗi tháng ông chỉ được hưởng một lần. Tôi thẹn với cổ nhân Đời Tống : một đạo sĩ đi sáu tháng trời từ Hoa-Bắc xuống Hoa-Nam để thăm Tô-Đông-Pha. Mà ngay thời tôi còn nhỏ, một cụ đồ cũng đi bộ cả một ngày để thăm một ông bác của tôi. Cái văn minh ngày nay làm hư con người thật.

Nhưng tôi nghĩ ít nhất mỗi tuần ông cũng được vài giờ vui với các môn sinh của ông ở Đại học, và một trong những lúc vui nhất trong đời ông là ngày gần Tết năm nào đó một bọn thanh niên cả trai lẫn gái quây quần chung quanh ông ở phòng khách Quỳnh-Lâm thư-thất, thân mật như con đối với cha, nghe ông kể chuyện về đời ông và nhìn những ngón tay búp măng trắng trẻo, nổi gân xanh của ông chấm ngọn bút vào nghiên mực, đưa thoăn thoắt trên tờ giấy điều.

Tôi chắc chắn không có một giáo sư Đại-học nào ở Việt Nam hiện nay có thái độ và tấm lòng đó đối với Sinh-viên. Có thể rằng giờ này đây, các môn sinh của ông quên gần hết những điều ông giảng về Văn-học miền Nam, về nhóm Chiêu-Anh-các rồi, nhưng suốt đời họ, họ sẽ không bao giờ quên được hái phong-độ, cái chân tình Nho gia của ông, cũng như tôi không bao giờ quên được dáng dấp ung dung, khoan hòa, nụ cười hồn nhiên mà dễ thương vô cùng, chiếc khăn xếp, chiếc áo the thâm rất giản dị của Cụ Bùi-Kỷ, thày học cũ môn Quốc-văn của tôi ở trường Cao-Đẳng Công-Chánh. Chính những nét đó mới là bài học đáng quí nhất của bậc làm thầy vì chính nó mới có ảnh hưởng lâu bền tới tâm hồn ta, tới nhân sinh quan của ta. Nhiều người có thể thay Đông-Hồ về môn Văn-học miền Nam, nhưng cái « không khí » của giáo-sư Đông Hồ, tôi muốn nói của «thầy đồ» Đông-Hồ thì không ai tạo nên nổi. Các sinh viên Văn-khoa có thấy mất ông là mất một truyền thống không ?

Tôi nghĩ trời đã lựa cho ông một cái chết rất hợp với cuộc đời của ông, mà có lẽ cũng rất hợp ý ông nữa : ông ngất đi trong khi ngâm thơ về hai Bà Trưng, giữa giảng đường Văn-khoa trong cánh tay của môn sinh.

Sài gòn ngày 1-3-1970

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

PHẦN ƯU

Được tin nhà văn và kí giả lão thành :

PHÚ-ĐỨC (NGUYỄN-ĐỨC-NHUẬN) *đã từ trần ngày 4-3-70 tại Gia-Định, hưởng thọ 70 tuổi.*

Tòa soạn và các văn hữu cộng tác với tạp chí Bách Khoa trân trọng phân ưu cùng tang quyến và cầu chúc hương hồn cây bút dàn anh trong làng báo Miền Nam sớm về nước Chúa.

Hoành-sơn HOÀNG-SỸ QUÝ

7 | *(Xin xem BK từ số 308)*

một cái nhìn đông phương về VẤN ĐỀ TÍNH DỤC

VI. TÍNH DỤC VỚI ĐỜI SỐNG TU-HÀNH *(Tiếp theo B.K. 316)*

Lý-tưởng tu-hành theo phái tính

Tu-hành nói chung là nếp sống đạo lý tưởng. Và sống đạo theo lối bhakti (tôn sùng) là **làm đàn bà cho Đức-Chúa** Công việc ấy «dễ ợt» đối với chính người đàn bà, nhưng nó lại là khó đối với đàn ông. Người đàn bà sống tâm tình, nên họ dễ dàng sùng đạo. Còn người đàn ông sống lý trí, nên mẫu người của họ là «con người thiện-lý», chứ không phải con người sùng đạo. Chính vì thế mà đi chùa, đi nhà thờ, bao giờ phụ nữ cũng chiếm giải quán quân.

Để bước vào con đường tôn sùng, người đàn ông phải cố gắng nhiều hơn người đàn bà, vì họ phải bắt chước đàn bà ở thái độ âm nhu và tùng phục. Nhưng ngược lại, lòng đã thấm đạo rồi, nay muốn sống đạo ngoài chùa và nhà thờ, nghĩa là hiền đạo ra trong một đời sống lương chính và trong hành động thì đàn ông lại vượt xa đàn bà vì họ có thể vượt lên khỏi mình bằng những quyết định dứt khoát. còn với phụ nữ, dứt bỏ được mình và nếp sống đã quen, gạt tình cảm sang một bên để làm theo những đòi hỏi luân-lý của đạo đó quả là những việc quá khó khăn.

Đời sống tu-hành, ở cái chỗ thoát tục của nó, càng đòi hỏi đàn ông tính, anh hùng tính gấp bội. Cho nên, ở những tôn giáo ngoài khuynh hướng tôn sùng và tu hành cốt lấy thoát tục làm căn bản, thì đàn bà ít có chỗ đứng. Bên Ấn-độ chẳng hạn, các đền chùa đầy ắp những phụ-nữ, vì đền chùa thường chỉ là những trung tâm tôn giáo có tính cách đại chúng, trong ấy yếu tố nghi điền — do đó, khả giác — và tâm tình được đề cao. Còn đi tu lại là việc của đàn ông, vì đi tu, theo truyền thống chung của Ấn-giáo Jaina-giáo và Phật-giáo, có nghĩa là «bỏ nhà ra đi» (pravrajyâ, tiếng pâli là pabbajjâ) tức bỏ nhà thế tục (âgara) để bước vào cuộc đời phiêu lưu vô định sở (anâgara) nó đòi hỏi một siêu thoát đến cực độ (samnyâsa). Ngày nay mới bắt đầu thấy bóng dáng phụ nữ xuất hiện trong những tu-hội cận tân, mà đời sống đã trở nên cộng-đồng, có sinh hoạt phụng-vụ và hoạt động bác-ái nữa.

Người đàn bà sống tâm hồn, nên con đường minh minh trí khô khan của Vedân·a và của Phật-giáo nguyên thủy ít thích hợp đối với họ. Trái lại, con đường bhakti gặp nơi họ một âm hưởng sâu xa Mẫu người đàn bà là Trinh nữ và Người mẹ, nên lý tưởng tu-hành của họ phải là Người mẹ đồng trinh. Tâm hồn họ sẽ hướng về Đức Chúa một cách thiết-tha, để từ đó họ tiếp nhận lấy ý-định sáng-tạo. Họ cần phải có những đứa con để họ ôm ấp. Cho nên, việc giáo dục và từ thiện đáp ứng đúng đòi hỏi tâm lý của một nữ-tu. Cái khuyết điểm nơi họ là hẹp hòi ở tâm hồn. Tâm hồn ấy tự nhiên sẽ chọn để đổ hết sang cho một hai đứa bé mà tự nhiên họ luyến-ái. Họ muốn có con riêng, và khi yêu một đứa rồi, lòng họ không còn dồi dào để đổ sang cho những đứa khác, cũng không đủ bao la như đại dương để ôm lấy cả vũ trụ vào lòng. Tính dục ở họ còn nặng về thể chất, mà vật chất thì có giới hạn. Tâm hồn họ cần phải được thu hút lên cao về phía Siêu-việt, như về phía một Tình-lang **thiêng liêng**. Trong tình yêu hướng lên ấy, lòng họ sẽ được cao-thượng-hóa, và do đó, bao-la-hóa. Với một tâm hồn như thế, khi nhìn xuống, họ có thể yêu mỗi đứa con như chỉ có một mình nó trên đời, nhưng đồng thời họ vẫn còn trong trắng như Bản-nhiên, còn đầy nguyên đề yêu thương những đứa con khác và yêu thương tất cả nhân loại. Yêu như thế là yêu giống như Thượng-đế thiêng liêng, yêu với tấm lòng của một người thuần-mẫu và thuần-trinh :

«Tất cả (tâm hồn) cho tất cả,

Và tất cả (tâm hồn) cho từng người.»

(trong một cổ-ca Công giáo)

Để yêu được như thế, họ phải quen với việc huấn luyện tình yêu, việc khắc chế tình cảm, mà mục đích là thiêng-liêng-hóa nó.

Nói đến khắc kỷ, thì người đàn ông dễ khắc kỷ hơn là đàn bà. Mẫu người lý tưởng nơi họ là anh hùng và đạo sỹ. Đạo sỹ được hình dung trong dáng điệu của một người ngồi thiền hoặc hướng mặt về Trời trong xuất thần (extase). Một hào quang ngời lên trên đầu họ, và mặt họ rạng rỡ, phản chiếu ánh sáng sattva của Siêu việt. Người đạo sỹ đồng thời còn có thể là anh hùng nữa. Nếu hào quang của đạo sỹ là do chiêm niệm, thì hào quang của anh hùng lại ở hành động. Một nam tu sỹ toàn hảo phải hội đủ hai thứ hào quang ấy. Khi chiêm niệm, họ có thể chìm sâu trong nhìn ngắm Siêu-việt, và khi hành động, họ bất chấp gian-lao. Họ là những thiên-sứ đi tuyên giảng chân lý nhiệm mầu, là thiên-tướng đi chinh-phục những phương trời xa lạ cho Thượng-Chúa, Họ xông pha giữa bụi đời, nhưng vượt khỏi đời bằng tinh thần siêu thoát. Để đạt tới tinh thần siêu-thoát nói trên, họ cần thẳng tay khắc-chế mình. Khổ hạnh là nếp sống riêng của họ. Nhiều hay ít, họ phải khắc chế thân xác, nhưng quan trọng hơn cả là việc khắc chế nội-tâm, nhờ đó thanh-sạch-hóa và siêu-nhiên-hóa chủ ý, cao-thượng-hóa và khiêm-nhu-hóa tâm hồn.

Nói cho đúng ra, thì không có đàn ông tuyệt đối, và cũng không có ai tuyệt đối đàn bà. Cho nên điều nói về đàn ông cũng áp dụng một phần cho đàn bà, và ngược lại.

Ngoài ra, sống tu-hành là sống vượt

mình và vượt đời. Sự sống ấy quả là khắc khổ, vì không theo những thúc bách thông-thường của bản-năng. Đó không phải là hủy diệt bản tính, nhưng là uốn nắn bản tính để sống nó ở cái chỗ thiêng liêng và cao cả nhất của nó. Để được như thế, nhà tu hành luôn luôn phải dựa vào bản tính để vượt bản tính, nghĩa là nhấc bổng nó lên theo mình.

Vậy trong khi tu thân, người nữ tu phải hướng về Siêu-việt như về Tình-lang và Người cha nguyên-sơ, phải bám vào Siêu-việt như Thánh Thần hoặc Sakti, phải níu lấy Siêu-việt trong yêu đương và biến thân siêu-nhiên, nhờ đó được cuốn hút về phía trời cao với tất cả tâm hồn và tất cả con người của mình.

Người nữ-tu cần đến một Siêu việt dễ cảm giác thấy hơn. Siêu-việt gần gũi họ trong Ấn-giáo là những avatâra, tức hình thức giáng trần làm người của Visnu nơi thần nhân Krisna hoặc Râma. Còn trong Phật-giáo, đó là các Bồ-tát (bodhisattva), và trong Ky-tô-giáo, đó là Chúa Ky-tô, Ngôi Lời nhập thể.

Còn người đàn ông thì cần đến một Thần mẫu. Ý-niệm Thần-mẫu là một ý-niệm rất phổ biến, nên đó là một đòi hỏi rất tự nhiên của lòng người. Trong giáo dục, con người cần đến cả thước đo của người cha, lẫn bàn tay vuốt ve của người mẹ. Tôn giáo cũng là một giáo-dục, nên trong tăng-trưởng tôn giáo, con người cũng cần đến cả hai yếu-tố âm dương như thế, và đó là ánh sáng của Siêu-việt kèm theo với hơi thở ấp-ủ của một thần-mẫu. Nếu người đàn bà cần đến dương hơn, thì người đàn ông lại cần đến âm hơn. Người đàn ông sống tinh-thần, nên đối với họ, Thần-mẫu không cần phải nhập thể Trong Ky-tô-giáo. Thần-mẫu ấy là Thánh Thần, và Thánh Thần quả đã không nhập thể. Tuy thế, **một cách nào đó**, có thể nói là Thánh Thần đã «thành xương thành thịt» nơi một người đàn bà làm Mẹ Thiên Chúa, Đức Trinh-nữ Maria. Còn trong Phật-giáo Trung-hoa có Quan-thế-âm, một hình thức giáng trần của Đức Bồ-tát Avalokitesvara (1). Và trong Ấn-giáo, khi Visnu giáng trần làm Krisna và Râma, thì Laksmi cũng giáng trần theo làm Râdhâ và Sitâ.

Ngoài ra, còn những thần-mẫu khác được rất mực tôn sùng tùy theo nơi, tỷ-dụ như Kâli ở vùng Bengali. Trở về Siêu việt, đối với đàn ông, đó là mềm mại ra và bé bỏng đi để tái sinh trong Thần-mẫu, để trong lòng Ngài được trao về cho Tuyệt-đối và trở thành «như» Tuyệt-đối. Việc tái sinh này, trong Ky-tô-giáo đó là tái sinh trong Thánh Thần và trong nước, như Chúa Giêsu đã mặc khải cho Nicodème. (2) Thánh thần, đó là khía cạnh mẹ nơi Thiên chúa, và nước là biểu hiệu của lòng mẹ đồng trinh.

Ái tình trong đời sống tu hành

Những tôn giáo theo tri đạo (jnâna) đặt lý tưởng tu-hành ở Tri uần-nhất vô biệt, nên đòi phải thoát ra ngoài vòng chi phối của âm dương trong đời sống. Còn tôn giáo theo tình-đạo (bhakti) thì

---

(1) Ava-lokita-isvara : *Đức chúa (isvara) ngó xuống trần gian*.

(2) Phúc âm Do-an V.5 : «Ta nói thực, trừ phi sinh ra trong nước và Thánh Thần, thì không ai có thể vào được Nước Trời».

chủ trương mỗi người phải gắng trở nên một tình nương thiêng liêng cho Thượng Chúa. Một tâm-hồn sau nhiều cố gắng, nếu đã như cảm giác thấy tình yêu thiêng liêng của Thượng Cúa (isvara) rồi, thì trái tim họ đã được đổ đầy, không cần đến hiện diện của một người khác phái để khám phá ra chiều sâu của mình và để đạt tới một hiểu biết hiến thân sâu-xa. Phải, một tình bác-ái thông thường và dựa nhiều trên lẽ phải không thể chấn động đến khoảng sâu xa nhất của lòng ta và khiến ta quen thuộc với việc hiến thân hoàn toàn cho người khác. Một nhà tu-hành, nếu trái tim khô cạn cả về phía Chúa lẫn về phía tha-nhân, sẽ thiếu quân bình trong người, tâm hồn kém cao thượng đi, và tính tình gắt gỏng, bất thường.

Thế mà, đối với Thượng Chúa, không mấy tu nhân có thể đạt tới một tình yêu đằm thắm và tồn tục Cho nên, một vài những cởi mở về phía ngang sẽ trở nên ích lợi và đôi khi cần thiết nữa

Luật tu hành đâu đâu cũng chỉ ngăn cấm một tình yêu đi đến nhục-dục. Tinh-thần tu-hành cũng chỉ đòi hỏi xa lánh một thứ tình yêu độc-hữu, đầy tính cách vị kỷ Trong tình yêu ấy, người ta sở hữu nhau hơn là quên mình và tận hiến cho nhau.

Trái lại, một ái tình rất siêu nhiên và vô nhục-dục, vô vị lợi, một ái tình lặn vào chiều sâu của tâm tình hơn là nổi lên ở cảm-giác, một ái tình cao cả như thế hẳn phải là một tham-dự thực vào Tình yêu thiêng liêng nơi Thượng Chúa rồi Ái tình ấy là một chuyên-biệt-hóa của Đức Ái Ky-tô-giáo, nên nó là đỉnh của cái thánh thiện mà các bhakta nói chung và tu nhân Ky-tô-giáo nói riêng nhằm đạt tới.

Như tôi đã nói, ái tình ấy là một ái tình rất mực thiêng liêng, nó đối lập với mọi đòi hỏi của thể xác. Con người là một và bao giờ nó cũng sống đồng thời cả thể xác lẫn tinh thần. Tuy thế, nó có thể sống theo thể xác hoặc theo tinh thần, nghĩa là sống chìm xuống hoặc sống vươn lên. Ở trường hợp thứ nhứt, cái thể xác trầm nặng xuống và trở nên thô cục (sthula) ; còn ở trường hợp thứ hai, nó thu dồn vào bên trong để đóng góp ở cái phần tinh vi (suksma) của nó, bằng những tâm tình sâu xa và cao quý, phản chiếu thiêng liêng.

Một cặp tình nhân, khi bắt đầu yêu nhau, cũng có những tâm tình gần giống như thế. Tình yêu khi ấy chưa kèm theo đòi hỏi nhục dục, mà trái lại còn phản nhục dục. Đó là khi cả hai cảm thấy tình yêu của mình thiêng liêng quá và cao quý quá, đến nỗi chỉ một ý tưởng về nhục dục cũng đủ khiến cho họ cảm thấy xấu hổ muốn chết. Phải, tình yêu khi ấy thần thánh lắm, và người yêu cũng trở nên một vị thần, một mầu nhiệm đáng «tôn thờ» trước mắt ta. Hành động nhục dục đầu tiên dễ làm cho ta có cảm tưởng như «lột trần» người yêu, như khám phá thấy họ không còn gì là mầu nhiệm và thần thánh như trước đây mình vẫn nghĩ. Và kèm theo đó là một cảm giác thất vọng và chán chường.

Tình yêu vừa nói trên tuy cao đẹp thực đấy, nhưng chưa vượt khỏi thế-trần đâu. Một tình yêu siêu-nhiêu và thuần thiêng liêng còn đẹp đẽ hơn gấp bội nữa. Không phải chỉ đẹp mà thôi, nó còn rất sâu-xa và đằm thắm. Mà đã là sâu xa và cao đẹp, thì hoặc không có

hoặc rất ít cám dỗ nhục-dục. (1) Theo Gandhi thú nhận, từ khi ông và vợ ông bước vào con đường giới dục, hai người đã cảm thấy yêu nhau một cách đằm thắm hơn xưa.

Ở tương-giao tính-dục thú vật, chỉ có chiếm đoạt và sở hữu thôi. Riêng chỉ tinh thần mới biết hiến thân, và do đó, cảm thông thực-sự. Con người càng đắc đạo, tức càng thiêng liêng, thì sự hiến-thân càng hoàn toàn và sâu xa, do đó khuynh hướng sở-hữu cũng mất hẳn. Tính ghen vì thế sẽ giảm bớt và hết đi, vì ghen là một phản-ứng của bản-năng sở-hữu.

Gandhi nói : Chỉ có từ bỏ nhục-dục, người ta mới tiến tới tình yêu đại đồng được. Quả đúng như thế, bởi lý do tinh thần thì khoáng-đạt, nên vừa mở rộng tới bao la, vừa trao tất cả sang cho mỗi người Trái lại, tình yêu còn nhục-dục dễ khiến ta dừng lại ở một người và quên mất xã hội xung quanh. Riêng nơi con người, dù đó là con người thánh, ái tình theo nghĩa hẹp không thể hoàn toàn đại đồng được. Tinh thần thì yêu hoàn toàn tự mình, nhưng một tinh thần trong thể xác khi yêu, còn phải yêu trong bản năng nữa. Nên lòng chung thủy thường chỉ có nếu ta đổ hết sang cho một người, rồi mới cùng người ấy đổ sang cho những người khác bằng một tình yêu tuy cũng khá sâu xa nhưng không chuyên biệt, tình yêu có tên là bác ái hay toàn ái.

Tình yêu càng thiêng liêng thì càng chủ động, nên cần phải chế ngự những hấp dẫn tự nhiên về phía người khác phái. Một khi đã quen với khổ-chế và giữ được tinh thần siêu thoát đối với những hấp dẫn như thế rồi, thì khi rung động, ta sẽ rung động tự ta chứ không phải do bản-năng áp bức nữa. Ở đây, những phương pháp Yoga và Thiền định sẽ rất có ích, vì giúp ta đạt tới sự bình tĩnh, sự «vô biệt» của tâm hồn nghĩa là tinh thần siêu thoát đặc biệt của một vị chân-tu Phải, chỉ khi nào hoàn toàn làm chủ mình rồi, người chân tu mới có thể yêu thực theo kiểu một chân tu, nghĩa là trong tinh-thần siêu thoát, và yêu thực thec kiểu một tinh thần, nghĩa là yêu tự mình, với tất cả sự khoáng đạt của mình.

Nói cách khác, siêu thoát được bao nhiêu tu-sỹ mới có thể dấn thân và yêu thương bấy nhiêu. Khổ một nỗi, chỉ những người đã yêu Thượng Chúa sâu xa, do đó không thiết và không cần đến tình yêu phàm trần nữa, chỉ những người ấy mới có thể yêu kẻ khác phái mà không nguy hiểm. Những người còn cần đến tình yêu phàm trần để tìm quân bình tình cảm, đó chính là những người chưa được bù đắp tình cảm về phía Trời cao, do đó chưa đủ siêu thoát, nên ái-tình đối với họ rất nguy hiểm. Dần dần, thứ ái tình ấy sẽ hướng về nhục dục, sẽ đóng cửa tâm hồn lại về phía trời cao và về phía vũ trụ bao la, khiến cho phần đông phải bỏ cuộc giữa đường, nghĩa là cởi áo nhà tu.

Trong thực hành, tu nhân cần bắt đầu bằng chế-ngự tình cảm. Chỉ sau lâu ngày cố công khắc chế và tìm an ủi về phía Trời rồi, may ra họ mới đủ sức để tập yêu mà không đến nỗi nguy-hiểm. Trong khi yêu như thế, họ cần tránh những đụng chạm sẽ dần đưa tới cám dỗ nhục-dục. Họ cần giới hạn

---

1) « In true love, there is little of sensual attraction » (RADHAKHISHNAN, *Indian philosophy*. II, trg 707).

những tiếp xúc đến mực tối thiểu, mực vừa đủ duy trì tình yêu mà thôi. Họ phải năng chống lại những đòi hỏi của tình cảm, nhờ đó làm chủ được nó và khỏi bị lôi cuốn theo bản năng. Họ phải năng quên mình để quan tâm đến người yêu hơn là tìm thỏa mãn bên người yêu.

Chỉ một tình yêu như thế mới có được một chỗ đứng — một chỗ chuyên-biệt, cố nhiên — trong Đức Toàn-ái nó hướng ta về Trời và mở rộng lòng ta đến toàn thể vũ-trụ.

Đối với những tu-nhân không đủ sức bơi qua biển Ái, tốt hơn hết là họ đừng lao mình vào đấy. Quan tâm đến tình dục thường khi không đến nỗi là việc cần thiết. Trái lại, nó chỉ càng khơi động thêm những đòi hỏi lớn lao không bao giờ có thỏa mãn cả.

:Hoành sơn HOÀNG-SỸ-QUÝ

Kỳ tới **V -- Hôn-nhân với tu-sĩ Ky-tô giáo.**

PHIÊN ÂM ĐÚNG

(Những chữ chưa phiên-âm đúng trong bài)

ajñāna	puruṣa-
aviśeṣya	prakṛti
Asaṅga	Lakṣmī
asaṃskṛta	Viṣṇu
Īśvara	Śakti
upaniṣad	śitā
Kaśmīra	Śiva
Kālī	saṃskāra
Kṛṣṇa	saṃnyāsa
Gītā	sāṃkhya
jñāna	sūkṣma
Pārvatī	stūla

ĐOÀN-NHẬT-TAN

Trẻ em ta học đọc như thế nào ?

Vấn-đề dạy đọc và dạy viết cho trẻ em ta ở lớp Năm Tiểu-học đáng lẽ phải làm chúng ta quan-ngại rất nhiều bởi vì bà con ta lúc nào đó trong gia-đình lại chẳng có một vài em nhỏ bập-bẹ học-vần và khi nào trẻ đọc thông viết thạo nó mới bắt đầu được học thực-sự các môn học khác. Về phương diện quốc-gia, nếu thực tình muốn cưỡng-bách học vấn như đã đề ra trong Hiến-pháp thì việc mở cho đủ số lớp để dạy viết và đọc cho tất cả trẻ em ngay từ bây giờ, không thể cho là chuyện quá sớm. Nhưng ai đã am hiểu tình-trạng hiện tại cũng nhận thấy rằng lâu nay tuy số trường Tiểu-học chưa đủ cung-ứng cho nhu-cầu dân-chúng mà vấn-đề nầy cũng chưa được giải-quyết cho thỏa-đáng : Chương-trình học đã thiếu sót, phương-pháp dạy lại không thống-nhất.

Chương-trình và Tổ-chức

Trẻ em chúng ta hiện nay học như thế nào ở lớp Năm Tiểu-học ?

Nhiều nơi, một số lớn trẻ phải học đọc học viết ở các lớp Vỡ lòng Những lớp học này đều là lớp tư-thục ở khắp hang cùng ngõ hẻm, được mở với danh-nghĩa là lớp Năm Tiểu-học, nhưng trong thực tế không có sự kiểm soát của nhà chức-trách giáo-dục địa-phương ; ở đó có trẻ chỉ được chuyên dạy cho đọc thông viết thạo với một ít tính toán theo đúng đòi hỏi của cha mẹ học-sinh chỉ muốn con em họ đang còn bé-bỏng đi học được gần nhà và không bị ràng buộc bởi kỷ-luật chuyên cần và giấy tờ phiền toái của các trường công-lập. Ở những địa-phương như vậy trường công-lập chỉ nhận vào lớp Năm những em đã biết viết rồi vì đa-số trẻ đến xin vào lớp nầy đều đọc và viết được rồi ở các lớp học tư. Ở một số trường khác, nhà trường dành cho trẻ em chưa học vần một lớp Năm kém hơn để học đọc học viết trước khi lên lớp Năm chính-thức. Chỉ có một số trường thực-sự dạy theo chương-trình của chính-phủ và nhận trẻ chưa biết đọc để dạy trong một Năm. Theo chương-trình nầy thì ở lớp Năm mỗi tuần chỉ học một giờ tập đọc và tập viết còn lại là học truyền khẩu các môn đức-dục, toán, thường-thức, học thuộc lòng và người ta dự liệu trong nửa năm, nghĩa là độ 4, 5 tháng trẻ phải đọc và viết được bài ngắn. Số giờ học vần sắp đặt như vậy thật là quá ít nên ở trường nào dạy theo đó thì phụ-huynh cũng phải kèm thêm ở nhà hoặc cho con học thêm vào những tháng hè, trẻ mới đủ trình độ lên lớp tư trong năm tới. Nếu cha mẹ ở nhà không lo thì thầy giáo ở lớp cũng phải vượt bỏ qui-củ chương trình

để tăng số giờ dạy đọc và viết mỗi ngày trẻ mới đủ sức lên lớp.

Cho nên dạy lớp Năm quả là một công-việc khó-khăn mệt nhọc mà thầy giáo muốn thành-tựu phải một mình tự giải-quyết lấy nhiều vấn-đề theo hoàn-cảnh địa-phương chứ các cấp có thẩm-quyền giáo-dục ít khi lưu ý tới. Tình-trạng như thế rất bất lợi cho trẻ em vì các giáo-chức lớp Năm, nhất là ở lớp tư-thục, ít khi được chọn lựa, huấn-luyện kỹ càng, trẻ con thường ít được học-hành và cười đùa thoải-mái thích-hợp với nhu-cầu của tuổi ấu-thơ.

Phương-pháp dạy.

Phương-pháp dạy lại không thống-nhất. Giáo-chức ở thôn-quê và ác lớp tư-thục thì dạy theo lối đánh vần cũ. Ở một số trường, nhất là ở thành-thị thì theo các phương-pháp mới dựa vào những kinh-nghiệm không xác-thực và nghiên-cứu hời hợt, nên trẻ lâu tiến-bộ, nếu không có học thêm ở nhà thì khó thành-công. Sự pha trộn các phương pháp như vậy làm phí-phạm nhiều công-phu của thầy giáo ở lớp và gây bỡ-ngỡ không ít cho trẻ con. Ở nhiều lớp trẻ con nhờ cha mẹ dạy ở nhà đã biết đánh vần theo lối cũ chữ «thoa» rồi, đến trường phải theo thầy mà đọc «thơ oa là thoa» hay «tho-a là thoa», trẻ vẫn phải ê-a như vậy cho vừa lòng thầy, chứ khi chính nó đọc thì vẫn đọc theo lối cũ. Có những thầy giáo, hoặc để làm vui lòng cấp trên hay muốn tỏ ra mình cũng theo kịp lối dạy mới đề ra trong sách và các lớp tu-nghiệp, dù trẻ đã đọc được theo lối cũ rồi, thầy vẫn bắt trẻ học lại theo lối mới cho có vẻ trẻ học đọc được là do lối dạy của mình. Cho nên cuối cùng thực ra nhiều thầy giáo cũng không biết rõ cái hiệu-lực của mỗi lối dạy vần riêng nó ra làm sao để rút kinh-nghiệm tô bồi sửa chữa.

Nhận-định về các cách dạy vần

Duyệt lại các thời-kỳ thay đổi trong cách đọc chữ-cái và đánh vần chữ quốc-ngữ từ xưa đến nay ta thấy đã có nhiều lầm-lẫn đáng tiếc vì thiếu nghiên-cứu kỹ đặc-tính độc-đáo của lối phát âm Việt-ngữ và bản-chất ghi âm của vần quốc-ngữ.

Trước hết là cách đọc các chữ cái. Ngày xưa các nhà truyền-giáo ghi âm tiếng ta theo những tự-mẫu la-tinh mà họ đọc là a, b (bê), c (xê) g (jê),.. L (è-lơ),.. theo lối đọc của tiếng la-tinh hay tiếng Pháp. Các cụ xưa cũng theo đó mà dạy cho trẻ con ta ráp vần. Trong chữ Pháp xưa kia các tự-mẫu cũng được đọc như vậy, sau đó người Pháp, do sáng-kiến của một số tu-sĩ ở Port-Royal từ thế-kỷ 17 nhận thấy rằng nếu đọc là bé, sé, è-l, ji,.. (b,c,l,j..) thì việc ráp vần để đọc không được thuận-lợi, không thể có «riu âm» (élision), nên họ dạy đọc chữ theo âm, như be (bơ), se (xơ) le (lơ), je (jơ)... để giúp người học vần nhờ hiện-tượng élision mà ráp bằng cách đọc liền nhau be-a thành ba, le-a thành la (e là nguyên-âm câm hay không có nhấn âm (atone) trong chữ Pháp).

Nhà chức-trách giáo-dục của ta thời Pháp thuộc thấy thế cũng đã máy móc bắt-chước cải-cách nầy. Chương-trình dạy quốc-ngữ thời ấy cũng buộc gọi chữ theo âm như trong vần Pháp Vào khoảng 1927 — 1928 Nha Học-chánh Đông-Pháp, cho xuất-bản quyển Quốc-văn giáo-khoa thư lớp Đồng-ấu các

soạn-giả (1) bắt đầu cho thay đổi cách đọc chữ cái theo lối ấy. Lý do không thấy nêu rõ vì sao, chỉ nói đó là theo đúng chương-trình và trong chữ Pháp cũng đọc như thế. Xin trích nguyên-văn sau đây trong lời Tiểu-dẫn ở trang đầu sách giáo-khoa thư dẫn thượng.

« *Những phụ-âm không gọi như cũ, b là bê, l là e-lờ, gh là dê-hát .. mà gọi b là bơ, l là lơ,.. gh là gơ, ngh là ngơ nghĩa là bao nhiêu chữ, đều lấy âm ơ mà đồ vào sau cả. Cách gọi mới nầy không phải riêng cho một quốc ngữ ta : cả chữ Pháp cũng gọi như thế. Và trong chương trình lớp Đồng-ấu về khoa nam-ngữ có câu cước-chú minh bạch rằng : Học quốc-ngữ cấm không được đánh vần theo lối cũ, nghĩa là không được gọi tên chữ mà phải gọi âm chữ* ».

Đó là đợt cải-cách thứ nhất. Từ ngày có phong-trào Truyền-bá chữ quốc-ngữ, người ta lại đổi bơ, lơ, tơ.. ra bờ, lờ, tờ .. không rõ vì sao, cho nên bây giờ hiện có nơi thì đọc là *bơ* có nơi là *bờ*, chẳng ai viện được lẽ nào để buộc kẻ khác theo mình.

Phải nhận thấy rằng lối bắt chước đọc theo Pháp trên đây thật là thiếu ý-thức. Élision giữa âm e (ơ) với một nguyên-âm khác hay giữa hai nguyên-âm, là đặc-tính của một số ngôn-ngữ Âu-Tây, đó là do tai họng của họ như vậy, chứ người Việt ta không có luật phát-âm đó. Trong lời nói, dù chúng ta có nói nhanh đến đâu thì những tiếng thường đi đôi với nhau như mờ ám. mơ-ước, thờ ơ, thơ-ấu... cũng không thể ríu lại để nghe như mám, mước, thấu.... được. Bởi vì trong Pháp-ngữ âm *e* là một âm *câm* hay *không nhấn-âm* (atone) nên có thể biến đi khi đi liền với nguyên âm khác như trong l'arbre, entr'ouvert, qu'on, . còn tiếng ta chỉ ríu (contracter) theo ý mà không ríu theo âm ; hai tiếng riêng có thể ríu lại thành một tiếng có nghĩa như cả hai : « *ỷ như* » thành *in* « *nghe không* » thành *ngheng*, ba-mươi-hai » thành *băm hai*, « hai-mươi-ba » thành *hăm ba* (2), ông ấy, cô ấy thành *ổng, cổ* (3). Tiếng Việt không có lối nhấn âm (accent tonique) cứng nhắc như trong tiếng Anh hay tiếng Pháp mà người nói chỉ nhấn mạnh ở âm nào khi họ nhấn mạnh ý mà thôi, và chữ nào không được nhấn theo ý như thế mới có thể biến mất khi nói nhanh Chúng ta nói cũng như chơi nhạc cổ, tùy theo tình ý mà có tiếng dài, ngắn, mà lên bổng xuống trầm. Chuộng tâm tình ý nghĩa bên trong hơn cái hình thức bên ngoài âu cũng là bản-chất của người Á-Đông ta vậy.

Cho nên để ráp vần giữa phụ-âm và nguyên-âm ta không thể dùng lối élision như trong tiếng Pháp mà chúng ta đã dùng lối *nói lái*. Đây mới là một

(1) Quí ông Trần-trọng-Kim Nguyễn-văn-Ngọc, Đặng-đình-Phúc và Đỗ-Thận.

(2) Chữ-viết không phải chỉ ghi âm mà còn ghi cả ý-tưởng, nên chính-tả các chữ nầy phải là *in', nghe'ng, ba m' hai, hai m'ba*. Dấu phảy (apostrophe) cần để ghi dấu-viết những chữ đã mất như trong chữ o'clock, it's, entr'ouvert. l'arbre,.. của tiếng Anh, tiếng Pháp.

(3) Xưa kia ở thôn-quê miền Nam Trung-phần bịnh sốt rét được gọi là *bịnh* (bịnh ấy) bởi vì bịnh nay được coi như đáng sợ gọi đích danh là nó nổi lên liền (có thật như thế đối với những người vốn có nọc bệnh họ dễ bị ám ảnh mà lên cơn lắm). Bởi thế người ta tránh gọi đúng tên mà chỉ nói là *bịnh* (bịnh ấy). Ngày nay nhờ có thuốc. bệnh nầy không còn đáng sợ nữa nên tiếng nầy cũng không dùng nữa, chỉ có những cụ già ở thôn-quê còn nhớ mà thôi.

đặc-điểm của tiếng Việt: trong ngôn-ngữ bình-dân, nói lái là một xảo-thuật ngộ-nghĩnh để thêm cho chữ một ý-nghĩa bất ngờ (hà-tiện là hiện tà, chính-phủ là chú phỉnh, lọ tương là tượng lo, là.. đại-phong); trong văn-chương ta, nói lái được coi như một mỹ-từ-pháp, thơ Hồ-xuân-Hương có nhiều tiếng lái tài-tình (1). Thế nên trẻ em ta biết nói lái rất sớm cũng như con chim mới sinh ra đã quen thuộc với tiếng hót của dòng giống nó rồi. Trẻ em ta nói «bê-a là ba» rất dễ-dàng vì chúng lái *bê-a* ra *ba-ê*. Cho nên khi học vần xuôi, trẻ có đọc bơ-o là *bo* thì đó là do thói quen nói lái *bơ-o* ra *bo-ơ* chứ không phải là do nói mau mà có ríu (élision) như trong tiếng Pháp, bởi chữ *ơ* của ta không có âm câm hay âm không nhấn như chữ *e* của Pháp. Chính vì thế mà trong vần xuôi trẻ đọc *bơ-i* là *bi*; *hơ-i* là *hi*, *thơ-i* là *thi*,.., trái lại, trong vần ngược thì phải đọc *bơ-i* là *bơi*, *hơ-i* là *hơi*, *thơ-i* là *thơi* và *ơ-i* là *ơi*, vì chỉ trong vần ngược mới đọc theo lối liên-âm còn trong vần xuôi thì theo lối lái. Thế thì trong vần quốc-ngữ, để ráp các phụ-âm chúng ta không cần đọc b,t,d,.. là bơ, tơ, dơ, hay bờ, tờ, dờ,.. mà chỉ cần đọc như tên chữ là bê, tê, dê,.., để sau này trẻ còn dùng gọi trong chính-tả đại-số, hình học, hay đọc các chữ tắt thường gặp. Những chữ như l,m,n,.. thì cần nhấn mạnh phần âm phụ phía sau cho dễ nói lái như e-lờ, e-mờ, e-nờ... Chỉ có hai vần *c* và *g* là nên gọi là *cơ* và *gơ* hoặc vẫn gọi như cũ mà coi như trường-hợp ngoại-lệ. Đại loại các phụ-âm đều gọi theo lối cũ không cần thêm âm *ơ* hay *ờ* phía sau.

Có điều đáng chú ý là người Tàu đã dùng lối phiên-thiết để diễn âm chữ Tàu, đúng như lối nói lái và ráp vần xuôi của ta, bất chấp là có âm ơ hay âm nào khác, họ viết Tư-am để đọc là Tam, cốc-ô là Cô, Thỉ-hủ là Thủ, Đê-inh là Đinh... trong tự-điển. Không biết các nhà truyền-giáo có dựa theo lối ấy mà đặt vần quốc-ngữ chăng?

Bây giờ đến chuyện cho trẻ đọc toàn âm kép mà không cho diễn rời. Trong sách giáo khoa-thư nói trên kia chỉ có nói những phụ-âm ghép phải đọc như một tiếng (nh, ch, ngh. đọc là nhơ, chơ, ngơ..) chứ không đọc từng chữ rời. Về sau người ta cũng theo lối nầy mà bắt trẻ đọc vần ngược: iêu, ươt, ương... chứ không đọc i-ê u-iêu, ư ơ-t-ươt, ư-ơ n-g-ương... như cũ; trẻ có thể đọc rời một lần, sau đó phải nhớ mà đọc cả âm.

Theo kinh-nghiệm thực-tế, đây là một đòi hỏi quá sức của trẻ con vì những vần nói trên tự nó không có nghĩa gì nên rất trừu tượng đối với trẻ; dù thầy có cấm, trẻ cứ phải đọc lại từng chữ-cái mới nó được, có lẽ cha mẹ ở nhà đã thấy con học khó khăn mà truyền cho nó cái bí-quyết học-thuộc-lòng từng chữ-cái như vậy chăng? (vần oang chẳng hạn tương-đương với một chữ Hán 12 nét, mà chữ Hán còn dễ nhớ hơn vì có tượng hình và chữ nào cũng có nghĩa). Khổ hơn nữa là có khi thầy bắt ghép từng vần một cách rất độc-đoán và bất-nhất như *thoa* thì thầy bảo đọc là tho-a là *thoa*. nhưng chữ *thua* thì thầy lại bảo đọc thơ-ua là *thua* chứ không đọc thu-a là *thua* (xem lối đọc dạy trong

---

(1) Cho nên lái không phải là chuyện âm-thanh mà là chuyện ý-nghĩa, bởi vì nói lái sẽ không có ý vị gì nếu không thêm được nghĩa nào cho lời, cho tiếng.

sách «Em học vần lớp Năm» do Bộ V.H.G.D. xuất bản 1964 (1).

Bởi thế, trẻ con học theo lối này thì rất chậm, vì phải chờ cho trẻ học thuộc có thể đọc ngay mỗi vần ghép mà không cần diễn từng chữ rời, mới cho chúng ráp để đọc toàn tiếng được ; trẻ lại chóng quên nên khi viết thì hay sót hay lộn thứ-tự các chữ-cái trong các vần dài như *ngh, ươc, uông,..* Khi đọc nó cũng không biết đâu mà phân ra để ráp vần cho được như trong chữ *xuyên* thì ó vần *ên* nó đã học rồi, nhưng thầy lại bảo phân ra *xu-yên* là xuyên(xem sách dẫn thượng).

Ta thấy rằng việc cho trẻ đọc vần xuôi hay vần ngược trong một tiếng như trên cũng là một lối bắt chước máy móc của người Pháp. Người Pháp dạy cho trẻ con họ đọc các diphtongues hay triphtongues theo lối ấy là phải, vì vần của họ không thể ráp theo lối đọc liên-âm : *on* mà đọc gần như ông (của ta), *eau* mà đọc như ô, *ai* mà đọc như ê thì trẻ không làm sao diễn hợp từng âm cho ra như vậy được. Những chữ-cái *o, e, a, u,i,* đứng trong vần trở thành ký-hiệu khác không còn giữ giá-trị phát âm riêng của nó nữa ; lỗ tai người Pháp khó chấp nhận việc đọc liên tiếp hai nguyên âm nên trong thơ Pháp có luật cấm hiatus. Trong vần ta thì khác hẳn : rõ ràng là những người đặt ra chữ quốc-ngữ đã dùng lối hợp âm để ghép vần-ngược. Bởi thế nên lối đọc từng chữ một mà ghép nên vần là lối rất hợp-ý có lẽ đó là lối chính-gốc đã do chính họ trực-tiếp truyền lại cho các cụ ngày xưa. Không có lý-do nào để đặt nặng vần này hơn vần kia mà ngắt ra từng đoạn như trong các lối mới : Chữ luyện chẳng hạn, phải đánh vần theo như lối cũ : « e-lờ-u-lu u-y-ê-anh-rơ-uyên là luyên nặng luyện ».

Ngoài việc hợp-lý vì đúng với tinh thần của vần quốc-ngữ ra lối đánh vần như xưa còn có 3 cái lợi mà những kẻ cải-cách sau nầy đã vô-ý-thức đánh mất đi ; khiến gây nhiều khó khăn cho trẻ.

Lợi thứ nhất là lối này chỉ phân-biệt hai phần rõ rệt : vần xuôi (phụ-âm ghép với một nguyên-âm đầu) và vần ngược (từ nguyên-âm đầu trở đi). Trẻ ghép phụ-âm với nguyên-âm kế theo để có vần-xuôi ; rồi hợp âm các chữ sau để có vần-ngược. Sau đó nói lái vần-xuôi với vần-ngược để thành tiếng. Cuối cùng thêm dấu thanh vào : «Bê a ba, A-i-ai, (ba lái với ai) Bai, huyền Bài» Qui-tắc này nhất luật cho mọi tiếng, không có chuyện phân đoạn vần ngược ra như thế này hay thế khác lôi-thôi, khiến trẻ khó nhớ. Hai là trẻ vừa ráp vần vừa đọc lên cả tên của từng chữ, khiến cho ngoài việc vận-dụng ký-ức thị-giác còn có *ký-ức thính-giác* giúp trẻ nhớ rất mau. Người lớn chúng ta cho đó là dài-dòng, nhưng thực ra đối với trẻ thì rất giản-tiện và dễ-dàng vì trẻ nhớ *tiếng-nghe* rất dễ hơn nhớ mặt-chữ. Đó là một khả-năng nhạy bén nơi trẻ con mà ít ai để ý tới : ai đã từng dạy trẻ cũng biết nếu cho trẻ học một bài lúc nó mới đọc tập-tễnh thì nó thuộc làu lu các tiếng trong bài trước khi phân-biệt được mặt chữ từng tiếng một. Ngày xưa trẻ học chữ Hán hay

(1) Sách này cho rằng vì người Miền Nam đọc oa là hoa nên không ráp thơ-hoa thành thoa được. Không đúng. Người Miền Nam đọc oa là wa chứ không phải hoa hẳn vẫn có thể nói lái thơ-wa thành thoa. Và sao lại có thể lấy chuyện địa-phương đem làm luật cho toàn-quốc ?

học chữ-cái a, b, c, d, .. cũng thuộc dễ-dàng để đọc làu làu trước khi thuộc mặt chữ, có đứa bị hỏi về một chữ nào, nó phải đọc lại từ đầu mới tìm ra tên chữ ấy. Trẻ đếm được 1, 2, 3, 4,.. rất sớm, còn ý-niệm về số-lượng lớn nhỏ thì phải đợi về sau. Vì vậy trong lối dạy vần cũ, một khi trẻ đã thuộc mặt các chữ-cái rồi, người ta cho trẻ học thuộc các vần-xuôi vần-ngược thì mau hơn là bắt trẻ nhớ trọn cả vần mà nói lên «oa, ương, ươc,..», như bây giờ.

Nếu bảo rằng đọc «t-h-ư-thư, ư-ơ-n-g-ương, thương» là vô-lý thì việc cho trẻ chỉ lấy trí mà nhớ những cái tập-hợp độc-đoán *th* và *ương* lại càng vô lý đối với nó hơn, còn quá sức nhớ bằng thị-giác của nó nữa. Thế nên dù bị cấm, trẻ cũng phải đem cái «tài nhớ tiếng» của nó ra mà ứng-phó với những đòi hỏi nghiệt-ngã như vậy. Thật thế, trẻ không cần lý-sự, cái gì hợp với tâm-tư nó là nó chấp nhận dễ dàng. Làm sao hiểu mà nhớ được rằng c-h-a là cha k-h-a là kha, n-g-a là nga, n-g-h-e là nghe? Rồi lấm sao phân biệt u-i là ui mà u-y là uy, a-i là ai mà a-y là ay bởi vì i hay y, thầy đều dạy đọc như nhau cả? – Chỉ có việc học thuộc là mau (1)!

Cái lợi thứ ba của lối đánh vần cũ là trẻ viết chánh-tả không lộn không sót chữ vì nó theo cách đánh vần mà viết ra từng chữ một. Tiếng ta phần lớn là là đơn-âm nên viết sót hay viết lộn thứ-tự các chữ-cái thì người đọc không thể nhờ phần còn lại mà nhận ra toàn chữ như trong tiếng đa-âm, *lòng* mà sót g thì ra *lòn*, *tước* mà sót ơ thì ra *tức*, rất tai-hại.

Nhưng lối dạy vần cũ không phải là hoàn toàn. Việc cho trẻ học trước những chữ rời a,b,c .. quá trừu tượng khiến trẻ nhớ rất khó khăn. Phải đi từ cụ-thể đến trừu-tượng, từ tổng-quát có nghĩa (dễ nhớ) đến chi-tiết vô-nghĩa (khó nhớ) cho hợp với tâm-lý trẻ. Phải dùng những tiếng có ý-nghĩa thích-thú đối với trẻ để từ đó mà dạy các tự-mẫu như dùng chữ *ba, má* để cho trẻ học chữ *b,m,a* và *dấu sắc*. Việc cho trẻ học vần xuôi trước vần ngược sau cũng không cần-thiết, có thể cho học ngay những vần thường gặp trước dù là ngược hay xuôi để trẻ sớm đọc được một số tiếng thường gặp cho việc học thêm hào-hứng. Sau một thời-gian ngắn, trẻ phải đủ chữ để đọc những bài dễ và vui. Nên cho học các bài ca-dao để trẻ dễ nhớ tiếng, rồi dựa theo tiếng ấy mà đọc đâu nhìn vào đó để mau tạo thành phản-ứng theo điều-kiện (réflexe conditionnel) giữa mặt chữ và tiếng đọc cho trẻ có cách nhớ ít nhọc trí.

Qua một cuộc khảo-sát bằng thống-

(1) Ngày xưa y đọc là y grờ-rec: «a-y gờ-rec ay». Nghe thật kỳ cục, nhưng trẻ thường mau thuộc nên khó lầm-lẫn với «a-i-ai».

NEUROTONIC
Viên thuốc hồng — Có sinh tố C – Bổi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

kê chúng tôi thấy các vần ai, ôi, ac, ơi, iên ân, ông ay, oi, ưng, ương.. là thường gặp hơn cả, đó là những vần nên được cho học trước. Việc *dạy chữ dạy vần từ những tiếng có nghĩa cụ-thể* (1) cũng là nguyên-tắc chính-yếu để trẻ sau này khỏi đoán mò mà viết sai chính-tả những chữ chưa học vì lầm tưởng rằng mình thuộc hết vần là viết đúng được mọi tiếng ; cái hại nầy của lối học vẹt ngày xưa đang là nguyên-nhân của óc khinh thường chính-tả trong số người lớn bây giờ.

Ở các trường công, lớp Năm chỉ có mỗi tuần 1 giờ viết và đọc không đủ để trẻ đọc thông viết thạo vào cuối năm và biết đọc những bài dễ vào giữa năm Mỗi trường hay mỗi Ty Tiểu-học nên soạn riêng cho địa-phương mình các bài học lớp Năm cho trẻ vừa học thêm vần mới vừa có đủ chữ để viết và đọc ngay từ đầu năm 5, 3 tiếng dễ ở các giờ học khác. Nội-dung các môn học-thuộc-lòng, quan-sát, địa-lý, đức-dục phải được xoay chung-quanh những chữ và vần có hễ viết và đọc được vì đã học rồi ở giờ tập đọc. Nhờ thế giờ nào trẻ cũng có thể đọc và viết từ 5, 3 chữ đến một vài câu, rồi đến một bài ngắn. Ai cũng thấy ở Tiểu học trẻ nào giỏi Việt-văn thì nó cũng thành công ở hầu hết các môn khác vì đó là lợi khí chính yếu.

Ở lớp mà dạy không đến nơi đến chốn để trẻ con phải học thêm ở ngoài là nhà trường chưa làm tròn bổn-phận.

Trong giáo-dục thì phương-pháp dạy dỗ mới chính là cái cơ-cấu, cái tương-quan giữa thầy giáo và học-sinh, đặt vết hằn vào tâm-lý trẻ, tác-động sâu xa đến tương-lai con người đến tiền-đồ dân-tộc. Nếu chỉ lo đến hình-thức, chỉ làm nổi việc mở trường và thu nhận học-sinh thì rồi tránh sao khỏi tình trạng « đem con bỏ chợ » ?

ĐOÀN-NHẬT-TẤN

(1) Như nhân chữ « bàn ghế » mà dạy cho trẻ vần ch hay an.

THUỐC BỔ **ACTIVIT**

TRỊ LAO LỰC, BỔ MÁU, BỔ PHỔI
BỔI BỔ CƠ THỂ
CÓ CHẤT GAN BÒ TƯƠI CỦA HÒA-LAN

REGAST.T.

– Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.
– Bào chế theo công-thức Hòa-Lan

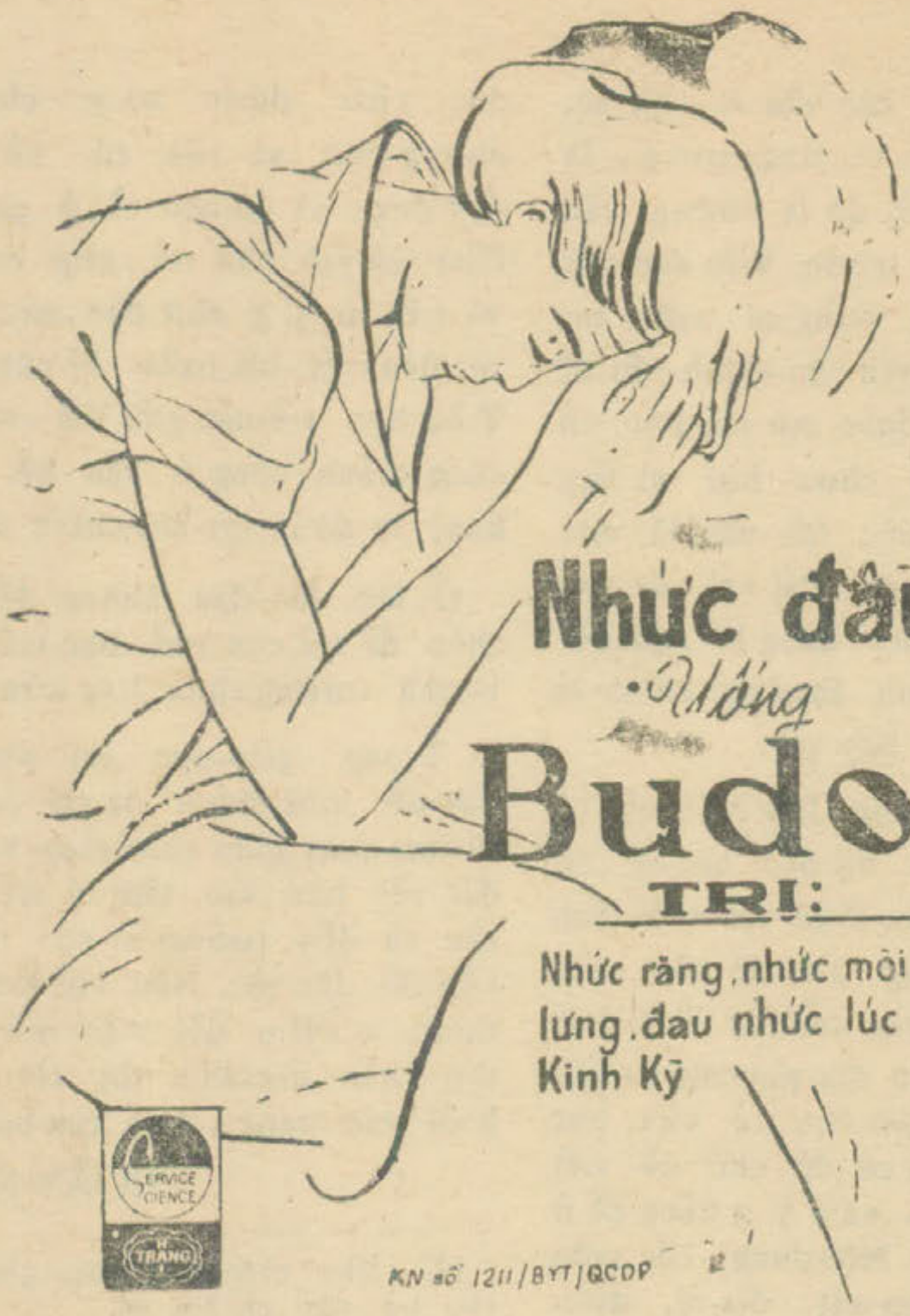

Nhức đầu
Uống
Budon
TRỊ:

Nhức răng, nhức mỏi đau
lưng, đau nhức lúc có
Kinh Kỳ

KN số 1211/BYT/QCDP

NÓI ĐẾN SÁCH, NHỚ NGAY ĐẾN ĐỊA CHỈ ĐÁNG TIN CẬY :

TỰ LỰC

Số 92 Đại lộ Lê-Lợi — Saigon

Đ.T. 20.267

SÁCH VỞ GIẤY BÚT, DỤNG CỤ VĂN PHÒNG VÀ HỌC SINH

SÁCH GIÁO KHOA

VIỆT, ANH, PHÁP,

Bút máy các hiệu có tiếng, sản phẩm hảo hạng, được tín nhiệm xưa nay. Luôn luôn những sách mới xuất bản đều có bán tại

NHÀ SÁCH TỰ-LỰC

● HỒ-DÃ-TƯƠNG

Vài nghi vấn về hội nghị Diên-Hồng

Mỗi dân tộc đều có những kỷ niệm vẻ vang để nhắc nhở đến khi lâm cơn nguy biến. Đó là một thứ kích-thích-tố khả dĩ góp phần đắc lực vào công cuộc quật khởi và cũng là một niềm an ủi vô biên khi vận nước trở nên tuyệt vọng. Dân tộc Việt Nam không ra ngoài thông lệ đó và trong số những thành tích huy hoàng được truyền tụng, chuyện hội nghị Diên Hồng đã chiếm một địa vị đặc biệt. Hội nghị này được xem như là hiện thân của tinh thần đoàn kết và bất khuất của dân tộc ta. Từ thời kháng chiến đến nay hội nghị Diên Hồng đã làm đề tài cho nhiều vở kịch, nhiều bài thơ, bản nhạc v.v... Mới đây một nhóm chủ hòa gợi ý nên triệu tập một thứ hội nghị Diên Hồng để hỏi ý kiến toàn dân về chiến tranh và hòa bình. Có lẽ họ mong muốn hay tin tưởng rằng một hội nghị như vậy sẽ đưa đến những kết quả trái ngược với hội nghị Diên Hồng 700 năm trước đây. Trong khi đó phe chủ chiến cũng nhắc đến tinh thần Diên Hồng với mục đích khơi động ý chí quyết chiến của dân chúng và cố tình quên đi rằng, trên lý thuyết, hội nghị Diên Hồng là một cuộc trưng cầu dân ý. Hai phe chú ý đến hai khía cạnh khác nhau của vấn đề, một đàng đòi hỏi thực hiện ý nghĩa nguyên thủy của hội nghị Diên Hồng, một đàng chỉ muốn ca tụng kết quả hội nghị. Nhưng tuyệt đối không ai phủ nhận tính chất xác thực của những điều ghi trong sử liệu, không ai đặt câu hỏi xem thực sự chuyện gì đã xảy ra tại hội nghị. Biến cố Diên Hồng là một trường hợp hãn hữu nếu không nói là độc nhất vô nhị trong lịch sử các chế độ quân chủ. Thế nhưng không thấy ai công khai tỏ vẻ ngờ vực và tìm kiếm xem có gì bí ẩn bên trong sự kiện lẻ loi và bất thường đó không. Những thắc mắc ắt hẳn đã nhen nhúm trong trí nhiều người nhưng chúng đã bị tình cảm lấn át hẳn đi nên không hình thành rõ rệt và không bộc lộ ra ngoài được. Chúng ta hãy bình thản dở lại trang sử cũ để xem nhưng đ ểm nào còn mù mờ đáng đem ra thảo luận.

Sử ghi rằng tháng Chạp năm Giáp Thân (1284) Thái Thượng Hoàng Trần Thánh Tông hạ lệnh triệu các bô lão toàn quốc tới điện Diên Hồng để hỏi ý kiến về việc quân Mông-cổ tiến đánh nước ta, các bô lão đồng thanh đòi quyết chiến khiến cho vua cùng các quan và tướng sĩ đều phấn khởi nên ngả hẳn theo chủ trương dùng võ lực chống ngoại xâm.

Điều thích thú nhất mà chúng ta không được biết là hội nghị diễn tiến như thế nào. Điện Diên Hồng chắc chắn không đủ rộng để chứa tất cả bô lão trong nước dù nước ta lúc bấy giờ mới có vài triệu dân. Như thế chỉ có một số bô lão được tuyển chọn vào yết bái vua thôi. Nhưng chọn theo tiêu

chuẩn nào ? Tuổi tác chăng ? Địa vị xã hội chăng ? Ai đặt ra tiêu chuẩn đó ? Giải đáp xong những câu hỏi trên mới quyết đoán được xem các bô lão họp ở điện Diên Hồng có đầy đủ tư cách để đại diện thần dân mà nói lên ước nguyện của họ không. Chắc chắn là việc tuyển chọn bô lão không thể thực hiện một cách hoàn toàn nghiêm chỉnh được vì thời gian cấp bách quá (hội nghị diễn ra lúc quân Nguyên sắp tràn tới Lạng Sơn) Ngoài ra, dù theo tiêu chuẩn gì đi nữa, các bô lão được chọn cũng chỉ đại diện cho dân chúng một phần nào mà thôi. Kính nể, tuân phục các bô lão không có nghĩa là đồng nhất tư tưởng với các vị đó trong mọi vấn đề.

Sau những thắc mắc về tư cách đại diện của các bô lão, có thể nêu ra thêm một số nghi vấn liên quan đến phản ứng của dân chúng trước quyết định của hội nghị Diên Hồng (việc triều đình có phổ biến kịp thời và đúng mức các quyết định nầy không cũng là một vấn đề cần xét lại). Khi biết các bô lão tâu xin vua đánh tới cùng, dân chúng có thái độ nào ? Họ nô nức đòi đi giết giặc hay lo âu sợ hãi cho một tương lai đen tối mù mịt ? Hội nghị Diên Hồng diễn ra lúc gần Tết (quân Mông Cổ đông binh vào ngày 21 tháng Chạp, có thể Hội-nghị Diên-Hồng khai mạc một hai hôm sau), dân chúng rủ nhau bỏ ăn Tết để đi chống ngoại xâm hay hối tiếc vì một cái Tết dở dang ? Có phải chỉ vì các bô lão tuyên bố quyết chiến mà toàn thể dân chúng đều cảm thấy chiến tranh là một giải pháp tất sự cần thiết cho sự sống còn của bản thân mình và của dân tộc không? Các giáo sĩ Kalife chỉ cần kêu gọi thánh chiến một tiếng là được dân Hồi-giáo say sưa đáp ứng ngay. Nhưng bô lão Việt Nam được dân chúng vâng mệnh một cách trầm lặng hơn trong việc bảo vệ nếp sống cổ truyền và điều hành guồng máy cai trị chớ không đóng một vai tuồng tích cực trong những công cuộc đòi hỏi một sự xáo trộn toàn diện. Suốt mấy thế kỷ tình trạng đó không thay đổi. Có thể nào một biệt lệ đã xảy ra riêng trong thời kỳ hội nghị Diên-Hồng không ? Nếu có thì tại sao việc đó xảy ra ?

Một nguồn dư luận cho rằng quả thật hội nghị Diên Hồng đã thể hiện đúng ý nguyện của toàn dân vì nếu toàn dân không chủ chiến như các đại diện của họ ở Hội nghị Diên Hồng thì không tài nào ta thắng nổi quân Mông Cổ ; yếu tố nhân tâm luôn luôn là yếu tố quyết định trong mọi cuộc chiến tranh. Luận điệu nầy rất thông thường và nó sai lầm vì đã bỏ sót nhiều yếu tố quan trọng khác như tài dụng binh của các tướng lãnh, khí hậu, địa thế, cơ cấu xã-hội, kinh tế v.v.., Thực tế chứng minh rằng chỉ cần một thiểu số lãnh đạo cương quyết và một đa số dân chúng an phận là đủ điều kiện tinh thần để có thể chiến thắng. Đa số nầy không cần phải nồng nhiệt tán đồng các quyết định của thiểu số lãnh đạo, họ chỉ cam chịu chấp nhận các mệnh lệnh ban ra là đủ. Trong thời kỳ phe Bôn-sơ vích vừa cướp được chánh quyền ở Nga, các nhóm đối lập nổi dậy khắp nơi, nhiều đoàn quân ngoại quốc ngang nhiên xâm chiếm lãnh thổ, nông dân và thợ thuyền đói khổ không còn tin tưởng nơi chế độ nữa Nếu Lénine trưng cầu dân-ý, chắc ông ta đã thấy đa số dân Nga muốn ngưng chiến để phục hồi mức sống cũ dù sao cũng tương đối đầy đủ hơn. Nhưng Lénine không làm như vậy.

Với một số ít đảng viên cuồng nhiệt và có tinh thần kỷ-luật cao, Lénine đã diệt được đối lập và buộc quân ngoại xâm phải triệt thoái. Lénine thắng trận không phải vì đã làm theo ý dân như Cộng-sản thường tuyên truyền mà chính nhờ dám coi thường nguyện vọng của đa số dân chúng.

Nếu sự chiến thắng không đòi hỏi điều kiện tiên quyết là tinh thần chiến đấu cao độ của toàn thể thì ngược lại sự đoàn kết của mọi người trong cuộc chiến đấu không nhất thiết phải đem lại chiến thắng. Hiện nay trong cuộc nội chiến ở Nigéria dân chúng bộ lạc ly khai Ibo đã triệt để đoàn-kết với nhau hầu bảo vệ sự tồn tại của xứ Biafra mà họ mới thành lập. Nhưng với sự nhất trí đó họ tiếp tục thua trận và bị tàn sát một cách có hệ thống bởi chính quyền trung ương ở Lagos Như vậy sự thắng bại của một tổ chức hay một dân tộc không tùy thuộc vào yếu tố độc nhất là ý chí quyết chiến của toàn thể các phần tử cấu thành. Không thể dựa vào một cuộc chiến thắng lẫy lừng của một nước mà kết luận rằng toàn thể dân nước đó say sưa đòi hỏi chiến tranh. Các bô lão ở hội nghị Diên Hồng đã làm lợi cho tổ quốc nhưng không chắc họ thể hiện đúng tâm trạng của đa số dân chúng thời bấy giờ.

Điều nghi vấn trọng yếu nhất là phương thức điều hành hội nghị Diên Hồng. Trong những bô lão từ khắp nơi đổ về kinh đô chắc chỉ có một số ít thông hiểu nghi lễ triều đình. Vua nhà Trần dù có tinh thần dân chủ đến đâu chăng nữa cũng không thể chấp nhận lối ăn nói và hành động không đúng khuôn phép của những người còn xa lạ với sinh hoạt triều chính. Các bô lão ắt phải qua một cuộc huấn luyện cấp tốc về nghi lễ do một vị quan đại thần phụ trách. Vị quan nầy có thể là một thuộc hạ của Hưng-Đạo-Vương Trần-Quốc-Tuấn hay biết đâu chính Ngài cũng đích thân dự khán những buổi huấn luyện đó và đã tạo một ảnh hưởng quyết định đối với kết quả hội-nghị. Giả thuyết Trần-Hưng-Đạo «rỉ tai» bô lão tuy có vẻ xúc phạm tới tự ái dân tộc và uy danh của các bậc tiền bối nhưng nó hoàn toàn hợp lý. Khi một đại hội với thành phần hỗn tạp mà đồng thanh biểu quyết về một vấn đề thì ta có quyền nghi ngờ rằng một bàn tay bí mật đã xen vào để lái đại-hội theo một chiều hướng nào đó. Những bô lão thâm nho suốt đời bị ám ảnh về thời thái bình thịnh trị của vua Nghiêu, vua Thuấn và những bô lão quê kệch ngơ ngác trước vẻ lộng lẫy của hoàng cung, bỗng dưng thông cảm nhau trong chủ trương chiến đấu tới cùng, cái cảnh đó có ngoạn mục thật nhưng cũng không kém phần giả-tạo.

Chấp nhận giả thuyết có sự can thiệp của Trần-Hưng-Đạo vào hội nghị Diên Hồng, ta có thể giải thích rõ ràng hơn một biến cố xảy ra trước đó hai năm Đó là hội nghị Bình-Than gồm các vị vương tước và bá quan văn võ trong triều. Vua muốn triệu tập họ lại để bàn sách-lược đối phó với nhà Nguyên. Một số không nhỏ chủ trương nên cố giữ niềm hòa khí với Nguyên triều hay ít nhất phải tìm cách hoãn binh bằng những nhân nhượng quan trọng. Duy Hưng-Đạo-Vương và Nhân-Huệ-Vương bác bỏ mọi đề nghị nhượng bộ Mông-cổ và yêu cầu chuẩn bị

ngay cuộc đề kháng. Rốt cuộc phe Hưng-Đạo-Vương thắng thế nhưng chắc Ngài không hài lòng lắm vì vua Trần-Nhân-Tôn vốn hay do dự. Có thể nảả về phe chủ hòa lúc nào thuận tiện. (Về sau, khi bị bại trận vài lần, vua Trần-Nhân-Tông đã đem chuyện đầu hàng ra bàn với Hưng-Đạo-Vương). Như thế phải chăng chính Hưng-Đạo-Vương đã khuyên vua triệu tập hội nghị Diên Hồng với ẩn ý dùng hội nghị nầy để củng cố những thành quả mà mình thu đoạt được tại hội nghị Bình-Than ? Nếu quả thật vậy thì Hưng-Đạo-Vương đáng được tôn làm thánh tổ Chiến-tranh Chính-trị và chuyện hội-nghị Diên Hồng trở thành một huyền thoại. Tuy nhiên ta vẫn có thể tiếp tục hãnh diện vì vào thế kỷ thứ 13 dân tộc ta đã có người vận dụng được một kỹ thuật chính trị tinh vi nhất của thế kỷ 20, Để biết rõ sự thực ra sao các nhà nghiên cứu Sử nên tìm kiếm thêm các chi tiết về hội nghị Diên-Hồng và dành công việc ca tụng hội nghị nầy lại cho các chính khách.

HỒ DÃ TƯƠNG

TRUNG TÂM NHÂN XÃ

(Anthroposocialism Center)

2 Nguyễn văn Thinh Saigon

Hoàng Xuân Việt sáng lập và điều khiển

T.T.N.X. : Là Học viện đầu tiên ở V.N. để xướng giáo dục Hậu học đường và Bổ túc đại học về các khoa Tự Lập Thân. Giảng huấn tại trường và hàm thụ ở xa.

T.T.N.X : Phổ biến Nhân xã học là môn học được trình bày trong 74 tác phẩm của Ông Hoàng Xuân Việt thuộc loại Học Làm Người từ 20 năm nay nên Trung tâm không liên hệ gì đến chủ nghĩa nhân vị hay đảng phái chính trị hoặc tôn giáo nào cả.

12 MÔN : Do giáo sư Đại học và Học giả tên tuổi dạy tại T.T.N.X là : 1) Hùng biện, 2) Xử thế, 3) Lãnh đạo ; 4) Dụng nhân, 5) Tổ chức, 6) Khoa học ứng dụng, 7) Tâm luyện, 8) Bán hàng, 9) Hôn nhân, 10) Hướng nghiệp, 11) Viết văn và làm báo, 12) Thuật tư tưởng.

ĐẶC ĐIỂM: Phòng tổ chức tiện nghi như Đại học. Mỗi sáng chúa nhựt có thuyết trình. Học sau mỗi giờ có uống trà. Hai tuần mỗi tối chúa nhựt khóa sinh Hội thoại bàn tròn về các môn học. Học cách học và luyện tinh thần.

Nhập khóa : 2/3, 1/4 và 1/5

NGUYỄN-VẠN-HỒNG

QUỐC HỘI
sau ba năm lập-pháp

Sinh hoạt chính trị tại Miền Nam Việt Nam trong những năm gần đây bỗng trở nên ồn ào vì các cơ chế Dân chủ tối cao được thành hình. Tên tuổi của các nhà Đại diện dân cử được báo chí quốc nội cũng như quốc ngoại đề cập đến gần như thường xuyên, tốt có, xấu có, đứng đắn có mà khôi hài mỉa mai cũng không thiếu.

Mỗi năm 10 đạo luật ban hành

Tính đến nay mỗi Dân biểu, Nghị sĩ đều đã tăng thêm ba tuổi trong căn nhà Lập Pháp Việt Nam. Quốc-hội pháp nhiệm I đã ba lần ăn Tết mừng Xuân và các Dân biểu Nghị sĩ đã « mừng tuổi » dân chúng bằng 31 đạo luật đã được ban hành.

Trung bình mỗi mùa Xuân đi qua, 135 dân biểu và 59 nghị sĩ đã hoàn thành 10 đạo luật, đó là chưa kể những công tác khác cũng thuộc phạm vi sinh hoạt nghị trường, như những phiên họp khoáng đại có tính cách thời sự, mổ xẻ một vấn đề cập nhật nào đó, để nghe Tổng Thống đọc thông điệp, hay những phiên họp để chất vấn hành pháp hoặc để kiểm điểm nội bộ.

Với 31 đạo luật được ban hành trong thời gian 3 năm do 194 nhà đại diện Lập pháp, chúng ta hãy thử làm một bài toán chia, đáp số đúng cho thấy cứ sáu dân biểu, nghị sĩ trong ba năm có thể hoàn thành một đạo luật. Nói một cách khác, trong một năm sáu dân-biểu, nghị sĩ có thể làm được một phần ba (1/3) đạo luật, như vậy cũng có nghĩa mỗi năm một dân biểu, nghị sĩ có thể đóng góp sức họ vào một phần mười tám (1/18) cho mỗi đạo luật được ban hành.

Những bài toán chia sẽ không đang lạc quan bao nhiêu nếu có một người nào đó «nghịch ngợm» đem số lương mà các dân biểu, nghị sĩ đã nhận được sau 2/3 nhiệm kỳ chia đồng đều cho 31 đạo luật ; nhưng theo kiểu nầy thì mỗi đạo luật quả là quá đắt.

BÁCH-KHOA

ĐÓNG TẬP

đã có đủ tại Tòa soạn Bách-Khoa (160 Phan đình Phùng) từ 1966 đến 1969 (từ số 217 đến số 312).

Những đạo luật đã ban hành

Như mọi người đều biết, Thượng-viện được bầu cùng lúc với cuộc bầu cử Tổng Thống, Phó Tổng Thống (ngày 3-9-1967) và Hạ-viện được bầu gần một tháng sau đó (ngày 23-10-1967).

Cho đến nay trong số những đạo luật mà lưỡng viện Quốc-hội đã hoàn thành thì có 11 đạo luật được ban hành trong niên khóa 1967-1968, và 20 đạo luật được ban hành trong niên khóa vừa qua (1968-1969).

Nhìn vào các đạo luật đã ban hành chúng ta rút được vài nhận xét sau: Trong số 31 đạo luật nói trên có 3 đạo luật được xem là quan trọng hơn cả: đó là Luật ban bố lệnh Tổng Động Viên, Luật ấn định Quy chế Chánh đảng và Đối lập Chính trị, và luật ấn định Quy chế Báo chí. Số còn lại phần lớn là những luật có tính cách hoàn thành các cơ chế Dân chủ do Hiến pháp ban hành ngày 1-4-67 ấn định, đó là chưa kể đến 6 trong số 31 đạo luật dành để ấn định việc bầu cử các dân biểu điền khuyết cho những người đã mệnh một hoặc từ chức và 5 đạo luật khác dành để ấn định ngân sách Quốc gia dù chỉ mới có hai tài khóa 68 và 69. Ngoài ra 2 trong số những luật đã ban hành, dầu muốn dầu không, có vẻ xa vời với sự hiểu biết và thực tại của đời sống đồng bào Việt Nam, đó là luật số 10/69 phê chuẩn thỏa ước về đặc quyền, đặc miễn của Tổ chức nguyên tử quốc tế, và luật số 20/69 phê chuẩn thỏa ước viện trợ giữa hai chính phủ Việt Nam Cộng Hòa và Tây-Đức.

Một vấn đề khác là trong số 31 đạo luật vừa ban hành không có một đạo luật nào được soạn thảo hay đề nghị bởi chính các dân biểu và nghị sĩ cả, mà hầu hết đều do Hành pháp yêu cầu, chuyển đến. Các quý vị dân biểu thường chỉ có công thảo luận, sửa đổi cú pháp, hành văn, bổ khuyết cho hợp thời, hợp cảnh hoặc hợp với nguyện vọng của đại đa số dân chúng Việt Nam mà thôi. Nói như vậy không có nghĩa là các dân-biểu và nghị sĩ đã không tự động làm luật; thật ra thì cũng có một số Dự luật do các dân biểu đệ nạp như Dự luật về «nhà đất thổ cư» hay dự luật «Cấm mua bán tiêu thụ các thứ thuốc lá, rượu ngoại quốc» v.v. nhưng cho đến nay các dự luật ấy đương còn nằm trong tay các Ủy ban tư-pháp định-chế của Lưỡng-viện, nghĩa là nó còn đương ở trong vòng «tham khảo nghiên cứu» mà thôi. Chúng ta có quyền chờ đợi những đạo hiếm hoi như vậy ra đời trong năm 1970 nầy.

Sự khống khuyết tại Lưỡng Viện

Đọc đến đây sẽ có người tự hỏi tại sao lại có lắm luật nói về việc bầu, hay hoãn bầu cử các dân-biểu như vậy. Để giải đáp thắc mắc trên chúng tôi xin tường trình sơ qua về sự khống khuyết tại Lưỡng-viện Quốc hội.

Từ Bến-hải đến Cà-mâu chúng ta có 137 dân biểu và 60 nghị sĩ nhưng đến nay con số ấy đã thay đổi không ngừng, nhất là tại Hạ viện.

Tại Hạ-viện kể từ ngày các dân-biểu đắc cử đến nay đã có ít nhất

4 dân biểu ra người thiên cổ, nói văn chương hơn đã có bốn nhà đại diện dân cử hy sinh khi chưa hết nhiệm kỳ. Người vắn số nhất là cố dân-biểu Bùi-Quang-Sạn (Đơn-vị Quảng-Nam) đã bị quân khủng bố ám sát chết tại nhà riêng của ông ở Gia Định vào ngày 14 tháng 12 năm 1967, nghĩa là cố dân biểu Bùi-Quang-Sạn chỉ mới tranh đấu được chưa đầy hai tháng ở nghị trường đã phải vĩnh viễn ra đi. Người không may kế tiếp là cố dân-biểu Trần-Văn-Ngân (đơn vị II Đô-thành) nguyên Nghị viên Hội đồng Đô thành đã mệnh một vì bệnh ung thư gan và qua đời vào ngày 12-1-68. Cố dân biểu thứ ba bị khống khuyết là ông Lê-Minh-Chiêu (đơn-vị Kiến - Tường) chết vì trúng đạn pháo kích của Cộng quân vào Khánh Hội hồi Tổng công kích đợt hai, ông Lê-Minh-Chiêu sau đó còn đến Hạ-viện biểu quyết một lần nhân dịp chung quyết dự luật tu chính ngân sách Quốc gia tài khóa 1968, nhưng sau đó ông đã qua đời trong lần giải phẫu thứ nhì tại bệnh viện Đồn Đất. Dân-biểu thứ tư đã giã từ những bạn đồng viện tại công trường Lam Sơn là ông Huỳnh-Thành-Đầy (đơn vị Sadéc). Cố dân-biểu Huỳnh-Thành-Đầy chết vì bệnh tại nhà riêng của ông ở Tỉnh-lỵ Sa-Đéc vào mùa Đông năm ngoái.

Ngoài ra ông Y - Wick - Buôn - Ya (đơn vị Darlac) cũng bị mất tích từ hồi biến cố Tết Mậu Thân đến nay, theo những nguồn tin chính thức thì ông Buôn-Ya (người Thượng) đã bị bọn Thượng Cộng bắt và dẫn đi khi chúng vào Ban Mê Thuột hồi biến cố Mậu Thân. Một dân-biểu khác cũng rời Hạ-viện để đi đến một viện khác là dân-biểu Võ-Văn-Ba (đơn vị Pleiku) đắc cử vào Giám-sát-viện.

Cho đến nay các cuộc bầu cử điền khuyết các Dân-biểu khống khuyết đã lần lượt được xúc tiến. Trong cuộc bầu cử bổ túc ngày 28-9-69 ông Đỗ-Tiến-Hóa đã ngồi thay vào chiếc ghế bỏ trống từ lâu nay của cố dân-biểu Quảng-Nam Bùi-Quang-Sạn, ông Hồ-Uyển đã thay chỗ ông Võ Văn Ba, bà Trần-Kim-Thoa đã ngồi vào chiếc ghế điền khuyết cho cố dân-biểu Trần-văn-Ngân, Ông Trần-Hưng-Ngũ đã thay thế cho ông Lê-Minh Chiêu.

Trường hợp của ông Buôn-Ya thì từ lâu nay không hề được Hạ-viện nhắc đến, tuy nhiên dường như lương dân-biểu của ông Buôn-Ya vẫn được gởi đến cho gia đình thân nhân của đương sự cho đến cuối năm 68. Cố dân biểu Huỳnh-Thành-Đây thì vì vừa mới qua đời không biết Hạ-viện có trù liệu tổ chức một cuộc bầu cử bổ túc cho đơn vị Sa-Đéc hay không.

Tại Hạ-viện một trường hợp rắc rối khác rất có thể cũng sẽ xảy ra khi viện nầy quyết định truy tố hai dân biểu thân Cộng Trần - Ngọc - Châu và Hoàng Hồ ra tòa Nếu hai dân-biểu nầy bị truất quyền thì không hiểu Hạ-viện có dự trù một cuộc bầu cử điền khuyết cho hai đơn vị Kiến Hòa và Kiến Phong hay không. Đó là chưa kể đến đơn vị Bình-Thuận mà dân-biểu Phạm-Thế-Trúc của tỉnh nầy hiện lưu vong tại ngoại quốc từ tháng 6-69 đến nay.

So với Công trường Lam-Sơn, Công trường Diên Hồng đã may mắn hơn. Tại Thượng viện chỉ có một nghị-sĩ qua đời là ông Trần-Đền đã bị Việt Cộng giết chết tại Huế hồi biến-cố

Mậu-Thân khi cộng quân thực hiện những cuộc giết người tập thể tại Cố đô. Và Thượng viện đã linh động giải quyết bằng cách thay vì rút thăm 30 nghị sĩ ra đi vào tháng 9/70, Thượng-viện chỉ áp dụng sự rút thăm cho 29 người thôi, như vậy có một trong 30 người ở lại cho đến mãn nhiệm kỳ 6 năm đã được hưởng sự may mắn do cố nghị-sĩ Trần Điền để lại, và sự khống khuyết một nghị-sĩ tại Thượng - viện xem như đã được giải quyết êm đẹp (Chữ linh động mà tôi viết trên đây có nghĩa là sự giải quyết có tính cách uyển chuyển nhiều hơn là căn cứ vào nội-quy Thượng-viện).

Quốc-hội và báo-chí

Có thể nói ngay rằng từ hơn ba năm nay Quốc-hội Lưỡng viện và nhất là Hạ-viện thường bị báo chí chỉ trích, thường là các đề tài của các tiết mục châm biếm, mỉa mai. Thậm chí có tờ báo đã sống và nuôi sống những người cộng tác bằng cách tập trung tất cả bút mực để chỉ nhắm tấn công Quốc-hội mà thôi. Nói cách khác, Quốc-hội được xem gần như một chiến trường không bao giờ lắng dịu và sự việc nầy chắc chắn sẽ còn kéo dài không biết đến bao giờ. Thật là dễ hiểu lý do của sự chỉ trích lắm khi thái quá ấy, bởi vì khi nói đến Quốc-hội là gần như đề cập đến một cái gì vô tội vạ. Chỉ trích Hành pháp ư ? Sức mấy, treo bút có ngày. Đã là đại diện cho dân thì dường như nhân dân có quyền nói đến, thỉnh thoảng xài xể, và do đó Lập-pháp rất ít khi chấp đến những người mà họ đại diện, ít khi một dân-biểu, một nghị sĩ chạy đi kiện một cơ quan ngôn luận, ngoại trừ vụ kiện ông Phạm-Việt-Tuyền (Nghị-sĩ Trần-Chánh-Thành hồi ấy nguyên là Tổng trưởng Ngoại giao trong Nội các Trần-văn-Hương đã kiện Nhật báo Tự-do).

Phải nhận rằng báo chí có lý do khai thác những tin tức động trời từ phía các nhà lập pháp. Rất nhiều chu ện tréo cẳng ngỗng đã xảy ra khiến người ta thắc mắc.

Chẳng hạn việc dân biểu cầm nhầm số xe của nhau, việc «chim chuột» giữa nam và nữ đồng viện, việc báo chí thỉnh thoảng công bố những lời tố cáo lẫn nhau giữa quí vị dân-biểu Có dân-biểu tuyên bố rằng có mờ ám trong những cuộc đầu phiếu, có sự mua chuộc trong những cuộc biểu quyết, rồi hiện tượng «gươm Trần-Hưng-Đạo» được nhắc đến như một hình thức để giải quyết ổn thỏa mọi việc.

Dân chúng không thắc mắc sao được khi quả thật có những ông dân biểu xuất ngoại về mua lịch cởi truồng, hoặc dẫn vợ đi «nghiên cứu» ở ngoại quốc bằng nhiệm-vụ-lệnh.

Để bổ túc cho những điều mà ai cũng có thể biết như vừa kể trên, tôi lại xin nêu thêm một vài ví dụ lý thú khác để độc giả tường lãm.

Điển hình, là cụ Nguyễn-bá-Lương chủ tịch đóng đinh tại Hạ - viện, cũng có một vài rắc rối, huống hồ những anh trẻ tuổi loại playboys. Năm 1968, sau Biến cố Tết Mậu Thân, trước thềm Hạ viện Cụ Lương tuyên bố muốn ăn chay trường và muốn cạo đầu đi tu ; Đùng một cái năm 1969 người ta tung tin cụ chủ tịch muốn tục huyền lần thứ ba với bà chủ xe đò Bửu-Hiệp. Giữa chuyện một ông già 67 tuổi muốn đi tu và một ông già 68 tuổi muốn lấy

vợ làm sao mà quan niệm nổi, điều này khiến một tờ báo đặt cho cụ chủ tịch cái tên mới là Hồi xuân Liệt lão, đó là chưa kể việc cụ chủ tịch bị các đồng viện của cụ tố dùng tiền Hạ viện để mua cho mình một cái bàn phấn đáng giá một năm lương của một anh công chức bậc trung.

Chưa hết, lập trường của các dân biểu thường thay đổi như chong chóng. Tại Hạ viện hiện có 4 khối, thế mà đã có những ông dân biểu lần lượt là khối viên của cả 4 khối ấy. Thật khó mà phân tích lập trường cùng khuynh hướng chính trị của một ông dân biểu thuộc loại nầy. Dù những tay cờ bạc nhà nghề, tôi đoán chắc cũng không thể nào đoán tầy của những ông dân biểu thuộc loại «xem gió bỏ buồm» nầy được.

Một ví dụ gần nhất để dễ nhớ, là gần đây vụ kiến nghị chấp thuận cho Hành pháp truy tố 3 dân biểu có hoạt động liên hệ cộng với sản. phương hạicho nền an ninh quốc gia. Kiến nghị có 102 chữ ký, mà nhiều người ký tên rồi lại tuyên bố rút ra sau khi kiến nghị đã được chuyển đến Hành pháp. Thậm chí dân biểu Trương Gia Kỳ Sanh không hề ký, tên mà một tài liệu phổ biến cho báo chí tên ông dân biểu vẫn có như thường. Đấy là chưa kể đến chuyện phù phép của một kiến nghị khác mà chính các dân biểu đã tố cáo là có ráp nối chữ ký, chuyện nầy xảy ra khi một số dân biểu bất tín nhiệm Nội các Trần-văn-Hương.

Còn nhiều lắm, không bút giấy nào ghi hết, nào chuyện các ông bà dân biểu cãi nhau bằng guốc cao gót, bằng nước bọt, bằng súng sáu, chuyện bảo vệ lập trường bằng cách trốn họp, chuyện tỏ thái độ bằng cách «ra chơi» trong giờ hội, chuyện đi «giải độc», đi làm sáng tỏ chính-nghĩa lại đánh rơi cái « V.N. Congressman » ở một địa điểm không dính dấp gì đến chính trị cả (Chuyện xảy ra ở Baltimore). Rồi thì chuyện các ông dân-biểu diễn nôm ngoại ngữ theo kiểu «canh gà Thọ-xương» !

Những sự việc tương tự như vậy xảy ra như cơm bữatại Hạ viện khiến người ta ngạc nhiên không ít và bắt buộc báo chí không thể im lặng. Khó mà lý luận hay tin tưởng rằng những hành động tráo trở như vậy lại là những hành vi hàm chứa một chiến thuật chính trị nào đó.

Tuy nhiên sự chỉ trích của báo chí lắm lúc cũng thiếu vô tư, bình tĩnh, đó là chưa kể một vài tờ báo tấn công các dân-biểu nghị-sĩ với đầy ác ý. Có thể nói rằng thời nội các Trần-văn-Hương là thời kỳ các dân biểu bị báo chí dùng những danh từ thô bạo chỉ trích nặng nhất.

Sự thương cho roi, cho vọt của báo chí đối với nền Lập pháp của nước nhà phải nhận rằng lắm lúc quá hồ đồ khiến quần chúng rút cuộc cũng chẳng biết tin ai được. Ngay cả các dân biểu cũng vậy, anh Lý-Quý-Chung, một dân biểu trẻ đã có lần than thở với tôi: «Chán quá, mình hết muốn phát biểu ý kiến tại diễn đàn, im lặng trong thời gian này là hay nhất». Một dân biểu khác thổ lộ rằng có lúc ông ta ngại ngùng không dám nhận mình là dân biểu.

Tôi nêu hai ví dụ trên đây để cho thấy rằng sự chỉ trích thái quá kiểu vơ đũa cả nắm sẽ không tránh khỏi tình trạng làm nhụt chí khí của một số dân biểu khác vốn có nhiều thiện chí trong

công cuộc xây dựng nền móng Dân chủ.

Tình trạng chung

Tóm lại không cứ gì Quốc-hội Việt Nam mà hầu hết tại các quốc gia tiến bộ trên Thế-giới có những cơ chế dân chủ tương tự, ngay cả những quốc gia có truyền thống dân chủ lâu đời như Pháp, Hoa-kỳ, Nhật-bản cũng vậy, sinh hoạt dân chủ luôn luôn gặp những sự va chạm ý kiến giữa nhiều khuynh hướng chính trị khác biệt. Từ đó những tiếng bấc, tiếng chì sẽ được loan truyền mau chóng trong dân gian và sẽ được thêu dệt từ những hệ thống tuyên truyền ở hạ tầng cơ sở của những cán bộ hoặc ủng hộ hoặc chống đối mà ra.

Ở đâu cũng thế, có thể có một số cá nhân dân-biểu nghị sĩ bê bối, nhưng không vì vậy mà chúng ta trách móc hay buộc lỗi tất cả cho Lập pháp.

Các nhà đại diện Lập pháp ở nước nào cũng thường là những người mà khả năng chẳng đồng đều, màu sắc chính trị lại dị biệt, mà rất ít khi có mức độ học vấn ngang nhau. Nói cách khác họ là những thành phần phức tạp, xuất thân từ trăm giới khác nhau, đại diện cho mọi giai tầng trong xã hội, vì vậy đòi hỏi ở họ một hoạt động nhất trí nào đó là chuyện khó bao giờ có được.

Tình trạng chung của sinh hoạt Dân chủ là vậy, khi một vấn đề được đặt ra tại khoáng đại hội nghị để biểu quyết luôn luôn có sự đả đảo và hoan hô, có chống đối và ủng hộ.

Điều đáng báo động là nếu một ngày nào đó, một vấn đề đặt ra lại không còn sự ủng hộ và sự chống đối nữa thì kể như tự do và dân chủ đã lẻn cửa sau ra đi rồi.

NGUYỄN VẠN HỒNG

TIN MỪNG

Được hồng thiếp báo tin :

Nhà văn **VU-ĐOÀI** (DƯƠNG-TẤN-QUÝ) *sẽ làm lễ thành hôn cùng cô* LƯU-HỮU-HẠNH *và hôn lễ sẽ cử hành vào 1 tháng 4 năm 1970,*

Xin chân thành chúc mừng nhà văn Vu-Đoài và tân-giai-nhân được trăm năm hạnh phúc.

LE-NGỘ-CHÂU — VÕ-PHIẾN

● LINH-BAO

(Tiếp theo B.K. số 316)

Las - Vegas đỏ đen

Buổi tối ông bạn muốn đi ăn một nơi nào có trình diễn «floor show». Nhớ đến lời một ông bạn nhiều kinh nghiệm nói: «Xem trình diễn nếu tài tử mặc áo quần đẹp, diễn hay, phải mua vé mắc tiền. Còn cái thứ thoát-y là đồ hạng bét rẻ mạt, chỉ mất vài Mỹ-kim một buổi diễn Chả ai thèm xem nữa.» Tôi đề nghị đi xem thứ thượng hạng, nhưng đi đến đâu cũng thấy người ta đứng sắp hàng mua vé như dân tị nạn chờ Ủy ban cứu tế phát cháo; chỉ sắp hàng thôi cũng đủ xỉu rồi. Tôi đổi ý, lại đề nghị vào sòng bạc của khách sạn International để xem đánh bạc. Đậu xe xong chúng tôi vào đúng ngay lối cửa vào «Youth Hotel». Đây là một phần nhánh của International Hotel chuyên giữ trẻ em cho khách hàng. Trong lúc cha mẹ em đi có công việc hay bận sát phạt nhau ở các sòng bạc từng trên, các em được gởi tại đây. Tuổi các em từ 3 cho đến 19; giá tiền mỗi giờ 1 Mỹ kim một em. Theo chương trình quảng cáo thì hoạt động của Youth Hotel gồm có thủ công nghệ, điện ảnh, trệc trà, nhảy, đóng tuồng, các cuộc thể thao trong nhà và ngoài trời v..v... Khi tôi bước vào phòng khách thấy phòng vắng vẻ, các em đang tham gia hoạt động ở đâu cả. Trong phòng chỉ có hai em gái độ 11, 12 tuổi đang đánh bóng bàn, trong góc phòng 3 em nhỏ đang tập đánh bài 21 điểm. Tương lai khi đủ tuổi chắc các em cũng lên lầu sát phạt như ai.

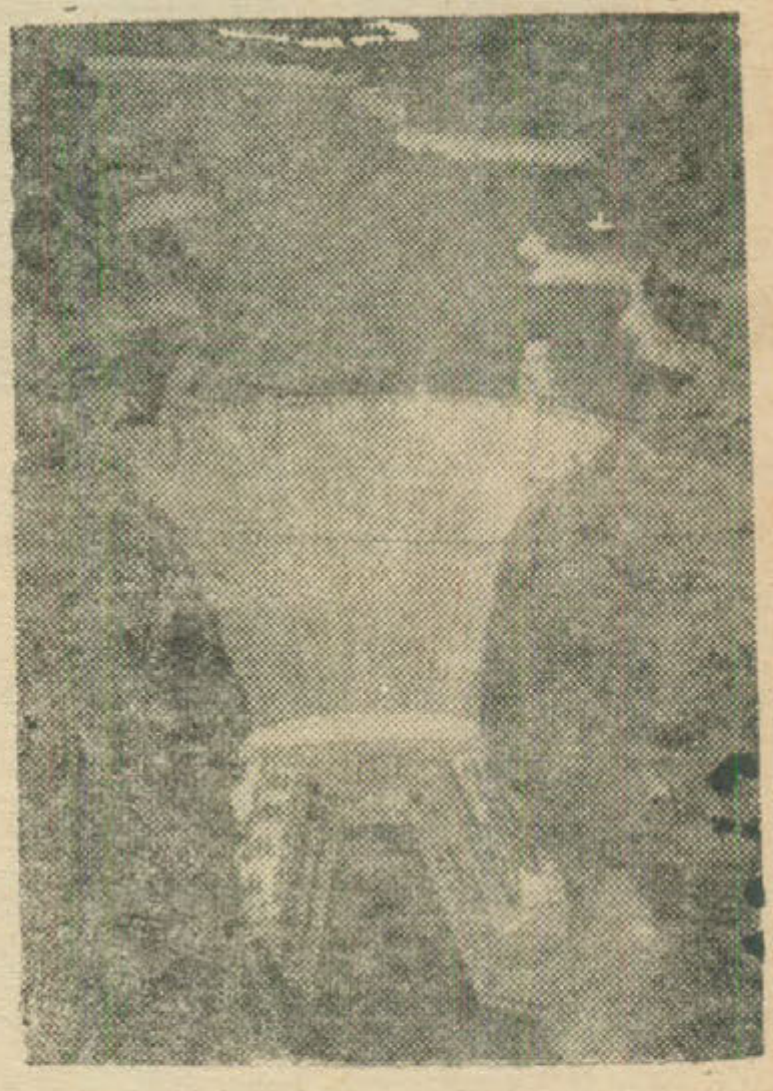

Đập Hoover

(Xin xem B.K. 316 trang 41)

Chúng tôi ra khỏi từng hầm lên phòng đánh bạc. Lúc đi qua một cái hành lang dài, thảm dầy thật êm, hai bên có tủ kính bầy hàng nữ trang, quần áo, đồ kỷ niệm loại đắt tiền, ông bạn cho biết là những khách sạn lớn như thế khách vào đấy rồi khỏi phải đi đâu nữa. Trong khách sạn có tiệm ăn, tiệm bán hàng, nhà băng, thùng thơ, tiệm khiêu vũ, rạp hát v..v... khách cần gì cũng có. Trong khi đánh bạc khách muốn

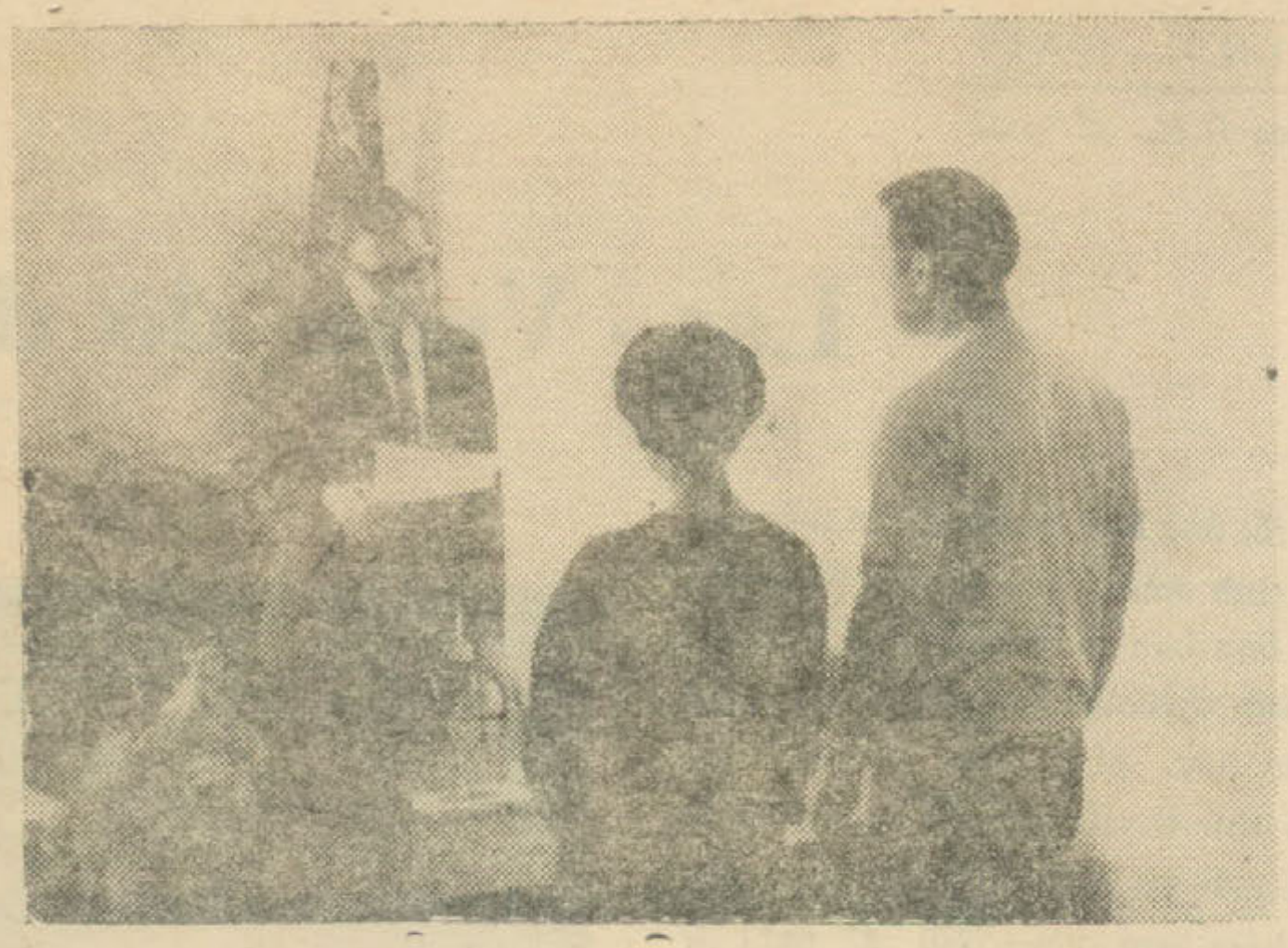

Ông chánh án đang làm lễ cưới tại Las-Vegas

(*xin xem BK 316 trang 42*)

gọi rượu trà gì nhà hàng đem đến tận nơi miễn phí.

Bước vào phòng đánh bạc tôi hoa cả mắt Hàng trăm cái máy "slot machines» sắp hàng thẳng tắp như những tấm mộ bia trong nghĩa địa chiến sĩ trận vong. Và bên cạnh những tấm mộ bia slot machines ấy, người «chiến sĩ» còn sống đang ra sức đấu tranh. Cái máy này được đặt tên là "tên cướp một tay", vì nó có một cái quay tay để cho người ta kéo xuống. Có máy đánh 5 xu, 10 xu, có máy đánh 25 xu. Trên máy có bảng in hình các quả cam, táo, lê, hay đồ vật. Nếu khách quay máy mà những hình này hiện ra đúng với điều lệ thì máy sẽ nhả ra một số tiền một hào, hai hào, hay số độc đắc «Jack Pot" 5 hay 10 hay 15, 20 Mỹ kim tùy theo máy đánh to hay nhỏ.

Tôi đi một vòng xem người ta đang đánh như say mê. Có người một mình giữ hai máy, quay kế tiếp không ngừng. Có lẽ 2 máy là con số tối đa, nếu được phép đánh 10 máy một lúc chắc cũng có người đánh Thỉnh thoảng có một vài tiếng tiền rớt leng keng, phần nhiều là một hay hai hào

Ông bạn bảo :

— Những máy này người ta sửa bên trong để giữ tiền lại ít nhiều tùy ý.

Số tiền này vào khoảng 60 phần trăm hay hơn. Thực ra không ai biết là bao nhiêu vì chính chủ nhân định số tiền lời mà ông ta muốn được hưởng.

— Anh có nghe ai trúng Jack Pot bao giờ không ?

— Chắc có, nhưng tôi không biết ai cả. Trong mỗi máy này có 450 sợi lò xo, và 550 bộ phận rất tinh vi. Chủ nhân bảo sao thì nó nghe vậy, nhưng tôi chắc là cũng có khi 1 trong hàng trăm bộ phận ấy lệch đi 1 tí, thế là có người nhờ.

Linh-Bảo và Slot machine

— Nếu có vụ gian lận xảy ra thì người ta sẽ xử trí như thế nào ?

— Luật ở đây rất nghiêm khắc. Gian lận mà bị bắt được, nếu là chủ sòng thì sòng bạc bị đóng cửa, rút giấy phép. Nếu là khách hàng thì bị tù. Theo ý tôi, chủ nhân muốn bao nhiêu thì họ có quyền giữ lại rồi cần gì phải ăn gian nữa, nhỡ bị bắt đóng cửa tiệm họ chả dại. Khách hàng thì cả hàng nghìn người mới có một người gọi là biết đánh chứ đừng nói gì đến ăn gian, tuy rằng cũng có thể có.

— Thế với thằng «ăn cướp một tay» này họ ăn gian như thế nào ?

— Nhiều thứ lắm. Nào là dùng chìa khóa mở đằng sau, đục lỗ đằng trước máy, dùng dây kẽm chận bánh xe giữ hình Jack Pot lại .. hàng chục kiểu ; nhưng bao giờ nhà hàng cũng khám phá ra được và họ lại có cách chống lại ngay.

Một cô đổi tiền đi ngang qua. Cô ăn mặc rất nghèo nàn, chỉ có hai mảnh bi-ki-ni nhỏ tí xíu. Bên ngoài cô khoác thêm một cái khăn quàng như khăn làm bếp mong manh. Đằng trước mảnh khăn là bọc tiền lẻ, đằng sau lưng cô có một chữ « CHANGE » to tướng. Các cô này có phận sự lượn đi lượn lại giữa các máy slot cho khách hàng đổi bạc cắc khi họ cần thêm, để đuổi theo số bạc cắc bị mất tích trong máy. Thấy tôi đứng thất nghiệp ở một góc phòng cô chạy đến mời tôi đổi tiền đánh bạc cho vui. Tuy biết chắc thế nào cũng thua nhưng tôi cũng đổi một ít để thử thời vận hay đúng ra là nộp thuế quá giang cho thành phố Las Vegas.

Trong khi chờ tìm được một máy rảnh, tôi nhìn chung quanh thấy thiên hạ quay máy như điên Những người một mình giữ hai máy, làm việc có vẻ hăng hái quá chừng. Họ chạy qua máy này bỏ tiền, quay ; chạy lại máy kia bỏ tiền, quay, đều đều cũng như một cái máy.

Ông bạn chỉ mấy cái cốc giấy để bên cạnh máy bảo :

— Khi một người đang đánh mà cần

phải đi đâu một lúc, không muốn người khác dùng máy, ông ấy úp một cái cốc giấy này vào cái quay tay. Đấy là dấu hiệu máy ấy bận. Nếu anh chàng nào ngơ ngác dùng nó, ông ấy trở lại thì ốm đòn.

Tôi nhìn mặt từng người, trông họ như đang ở một thế giới khác. Có người quay đều đều hờ hững, không cần biết kết quả. Trong tay còn tiền họ còn quay. Có người mắt lạc thần, đám chiêu, họ quay máy nghiêm trang như quay một cái là thay đổi vận mệnh của quốc gia. Có người quay thật mạnh, có người quay e dè như muốn trực tiếp truyền cảm với máy, bắt mạch của máy.

Đi vòng đến tận cuối phòng tôi mới kiếm được một máy rảnh. Bỏ tiền vô thỉnh thoảng cũng có tiền rơi ra độ một hay hai hào. Tổng kết là số tiền được lại là 1 phần tư số vốn bỏ ra. Đem số 1 phần tư ấy đánh lại, số tiền biến vào trong máy xong nhả ra được 1 phần tư. Cứ thế tiếp tục mãi cho đến khi cái con số 1 phần tư là 0.

— Tại sao người ta chơi slot machine nhiều quá nhỉ ?

— Vì họ cũng như cô, không biết gì về cờ bạc hết. Muốn chơi thứ khác ít nhất cô phải có học vấn cờ bạc kha khá mới dám xông vào. Có thứ cần phải thông minh và kinh nghiệm nữa. Cái máy này chỉ cần có hai tay, hay một tay thôi cũng được.

— Tôi chắc thua cũng chả bao nhiêu.

— Đấy là tùy theo cô có bao nhiêu để thua. Mấy năm trước có người bỏ ra 25.000 Mỹ Kim. Ông ấy chỉ đánh thứ máy 1 Mỹ-kim và một máy mà thôi. Trong một tuần lễ ông ta thua hết sạch, không trúng Jackpot một lần nào. Như thế ông ta đã quay cái máy ấy độ 35.000 lần, nhưng với tỷ lệ được lại 1 phần tư, ông lại đánh nên kết quả là thua sạch.

Tôi thấy máu anh hùng nổi lên, bất bình hộ cho những người thua bạc.

— Khách đánh bạc có cách gì để bảo vệ mình không ?

— Có chứ ! Họ mua vé khứ hồi nếu đi máy bay hay xe hàng. Họ trả ngay tiền phòng và tiền cơm ngay khi mới bước chân đến. Nếu lái xe nhà thì trả trước tiền xăng ở một trạm xăng để lúc về thì lấy. Nhưng điều cần nhất là đừng mang theo đủ giấy tờ có thể bán xe được ; vì nhiều người đến bằng xe hơi rồi về bằng xe hàng lắm.

— Tôi muốn được bảo vệ hơn thế nữa cơ.

— Ai bảo ông đánh ? Tự ông tìm đến Las Vegas, tự ông tìm đến sòng bạc, tự ông móc túi ông ra, chứ Las Vegas hay sòng bạc có đến nhà tìm ông đâu ! Ông đến đây rồi ông không đánh thì ai làm gì được ông ? Tại ông cũng có máu tham muốn ăn người, muốn được của trên trời rơi xuống, ông thua ông gắng chịu chứ còn trách ai ? Trong trường hợp của cô muốn được bảo vệ thì cô đưa vé máy bay cho tôi giữ và cả ví tiền của cô nữa !

Thua hết tiền lẻ vừa đổi xong rồi chúng tôi đi quanh một vòng để xem các sòng bạc khác. Hàng trăm bàn ném hạt nhất lục « craps », bàn nào cũng có người vây kín, phần nhiều toàn đàn ông. Ông bạn cho biết là loại nầy được liệt vào loại « thể thao » của nam giới. Gần đây các bà đã đấu tranh để được bình quyền. Nghĩa là các bà nhận

thấy ném hạt nhất lục tung lên bàn thì cần gì phải nhiều sức mạnh; tiền thì đồng nào nào chả giống nhau; còn máu cờ bạc, gan đánh to thì chưa chắc ai đã kém ai. Vì thế hiện nay lác đác trong các bàn đánh «craps» đã thấy nhiều bà nhiều cô chen vai thích cánh với các ô g.

Quả thực tôi không có nhiều kiến thức về cờ bạc nên không hiểu thứ này phải đánh ra sao. Có phải là thứ ta gọi là «tài xỉu» ở Chợ-lớn không? Những người đánh đưa tiền thật đổi tiền gỗ ngay tại chỗ. Nhân viên của chủ sòng làm cái, nhận giấy bạc của khách cho vào một cái khe ngay trên bàn. Tờ bạc lọt vào một cái thùng bên dưới. Khách hàng nhận những đồng tiền đại diện bằng gỗ ném tung ra đánh trông hoa cả mắt.

Ông bạn bảo nhỏ:

— Những tiền ấy, chủ nhân đi thu mỗi ngày ba lần. Nhìn lên trần xem. Ở trên trần toàn kính đặc biệt và ống kính T. V. Mình không nhìn thấy gì ở đằng sau cả ; nhưng nhân viên kiểm soát đằng sau kính trông thấy rõ từng người từng hành động của cả phòng.

— Họ định kiểm soát ai ?

— Có trường hợp khách hàng gian lận, đánh tráo hay bất cứ kiểu gì. Cũng có thể nhân viên lén dấu một vài đồng tiền gỗ. Cô đừng thấy gỗ mà khinh, có thứ đại diện hàng trăm hay hàng nghìn.

— Tại sao tiền gỗ có nhiều mầu thế ?

— Mỗi người đổi tiền họ đưa một mầu khác nhau. Nhưng khi cô thôi đánh phải đổi ngay tiền thật. Nếu cô mang tiền của tiệm này ra khỏi cửa tiệm thì hóa ra vô giá trị ngay.

— Trong trường hợp khách hàng cho nhân viên tiền thưởng thì sao ?

— Họ cho vào một cái thùng khác cũng ở dưới bàn, cuối tháng chia đều.

— Sao anh biết nhiều thế ? Hay anh cũng thua nhiều rồi ?

Ông bạn lắc đầu :

— Tôi có quen một người làm ở đây. Kìa anh ta đang quay «roulette». Nếu cô muốn hỏi gì, mai chúng ta đến nhà anh ấy, cô tha hồ hỏi,

— Đông người quá, tôi đứng một lúc đã thấy nhức đầu và ngạt thở. Không hiểu nhân viên sòng bạc làm sao chịu được hết năm nầy sang năm khác. Anh có biết họ làm việc một ngày mấy giờ không ?

— Họ chia ban làm việc suốt ngày đêm, mỗi ban 8 giờ, sau mỗi giờ làm việc được nghỉ 15 phút.

— Thế khi họ nghỉ 15 phút ấy thì sòng bạc phải ngừng hay sao ?

— Sòng bạc không hề ngừng một phút nào cả. Có một ban lưu động chuyên làm thay trong giờ nghỉ.

Đi qua một đám khác đánh bài tây, tôi không hiểu họ đánh kiểu gì và ăn thua ra sao chỉ trông thấy không khí có vẻ căng thẳng lắm.

Đến một góc phòng khác tôi thấy hàng trăm khách hàng ngồi trên ghế bày như coi hát bóng. Tất cả đều nhìn lên một sân khấu nhỏ có bảng số.

— Đấy là « Keno », có ba thứ vé giá 0.60, 1.20, hay 3.00 Mỹ-kim. Người chơi mua một cái vé trên có in sẵn 80 con số từ 1 cho đến 10 con số sẽ được quay ra.

Nếu trúng họ sẽ được lãnh từ 1.80 cho đến 25 ngàn.

— Anh có nghe ai trúng bao giờ không ?

— Tôi không biết. Nhưng loại này dễ đánh. Vốn nhỏ mà nếu may ra được lợi to nên lôi kéo đông khách lắm. Tôi có ông bạn năm nay đã 70 tuổi. Từ bé đến giờ chỉ độc mua vài con số ông thích, nhưng chưa bao giờ trúng cả.

Đi qua một nơi khác thấy nhiều người ngồi sau những cánh cửa song sắt như những con hổ trong vườn Bách Thú, tôi hỏi :

– Chắc những người kia giữ tiền đổi tiền.

— Phải, và họ còn làm giấy cho vay, hay cầm, mua nữ trang quí giá nữa.

— Hình như được bạc phải nộp thuế phải không ?

— Dưới 600 thì không sao. Trên 600 lúc cô đổi tiền người ta sẽ lấy tên họ địa-chỉ của cô, báo cho sở thu thuế biết để họ đánh thuế cô.

Chúng tôi ra cửa chính nhìn qua phía đối diện. Bên kia khách sạn Landmark's cao sừng sững như một cái tháp bằng đuốc.

— Khách sạn International này có 1.519 phòng và xây hết 60 triệu. Khách sạn Landmark's kia có 479 phòng và xây hết 20 triệu. International có bể boi to nhất chứa được 350 ngàn ga-lông nước (1 ga-lông hơn 4 lít), nhưng Landmark's có bể bơi dài nhất 240 feet. Landmark's khoe mình cao nhất có những 31 từng. International gào lên rằng tuy mình kém hơn 1 từng nhưng cao hơn Landmark's những 19 feet. Cứ thế ban tuyên truyền của hai bên đấu văn với nhau. Thực ra với số du khách một năm 15 triệu, khách sạn nào cũng không thất nghiệp.

Trước khi về nghỉ chúng tôi lái xe dọc theo suốt con đường chính xem thành phố và các sòng bạc khác. Bên ngoài nơi nào cũng đầy ánh đèn ngũ sắc, bên trong thì khói thuốc, hơi thở người đến ngợp nên không thấy khác nhau gì cả.

oOo

Sáng hôm sau chúng tôi đến thăm Jim, một thanh niên độ 28 tuổi làm việc cho một sòng bạc. Jim người gầy gò bé nhỏ, trẻ tuổi nhưng trông già dặn như một ông cụ non. Anh chàng đang ngồi nhập định ở sân cỏ đằng sau nhà. Mắt anh mơ màng như đang nghĩ chuyện đâu đâu.

Trên sân để sẵn nhiều ghế mây nhưng tôi cũng ngồi xuống cỏ.

Jim bảo :

— Ban của tôi từ 6 giờ tối cho đến 2 giờ sáng. Tôi đi uống rượu đến 5 giờ mới về nhà. Ngủ một lúc thì phải dậy vì có quí khách.

Tôi hỏi Jim :

— Anh làm việc ở sòng bạc đã lâu chưa ?

— 7 năm. Bắt đầu từ khi tôi học xong Trung-học, đi lính về còn chưa biết định làm gì vì không muốn đi học lại. Có ông bạn giới thiệu cho tôi làm ở đấy. Họ dạy tôi chia bài, chung tiền, kiểm soát sòng bài và khách hàng. Phải luyện 6 tháng mới biết điều khiển được một sòng bài. Thế là tôi vào làm cho đến bây giờ.

— Anh có ý định làm mãi không ?

— Không, làm ở sòng bạc lâu quá người giống như người máy.

— Anh có thấy cảm xúc mạnh có khi một khách hàng ăn to hay thua to không ?

— Không. Lâu rồi người đâm ra chết tình cảm. Vả lại chúng tôi thấy họ ném tiền gỗ được gỗ và thua gỗ chả có nghĩa lý gì.

— Các nhân viên sòng bạc có đánh bạ không ?

— Cũng có người ham vui. Cũng có người muốn thử thời vận, thỉnh thoảng đánh ăn thua ít thôi. Chúng tôi ai cũng biết đánh bạc chả bao giờ ăn nên ai cũng chỉ sống vào lương tháng và mong tiền thưởng mà thôi. Chúng tôi trông thấy rõ mỗi năm 15 triệu người đến đây tiêu pha và thua trong mấy nghìn sòng bạc để nuôi sống thành phố này. Chúng tôi đâu có muốn đóng góp lương tiền của chúng tôi vào đấy.

— Các anh có Hội ái-hữu của giới cùng nghề không ?

— Không và đó là chuyện lạ. Ở Mỹ nghề gì cũng có công hội : Bác-sĩ, Giáo sư, Kỹ sư, hầu bàn, thợ mộc, thợ nề v v .. tất cả Thế nhưng chúng tôi chả có ai đứng lên tổ chức hội để bảo vệ quyền lợi hay giúp đỡ lẫn nhau cả.

— Bây giờ anh có ý thích gì không ?

— Tôi muốn bán hết đồ đạc của tôi, mua một cái xe mô-tô đi du lịch khắp nơi.

— Đi bằng gì cũng cần tiền. Anh đã có đủ tiền để thực hiện giấc mộng của anh chưa ?

Jim cười lắc đầu :

— Đó là vấn đề. Tôi làm được bao nhiêu tiêu hết bấy nhiêu.

— Anh có định cưới vợ không?

— Tôi chưa nghĩ đến vì chưa có ai làm cho tôi nghĩ đến cả. Tuy tôi có nhiều bạn gái, nhưng các cô này bắt bồ với những người có liên can đến giới cờ bạc như chúng tôi, cô nào cũng chỉ thích tiền hay vì tiền. Họ chỉ so đo chúng tôi mua quà gì cho họ, đưa họ đi chơi đâu cho vui, thế thôi.

— Hiện giờ khắp nước Mỹ đang có vấn đề tiền giảm giá, giá sinh hoạt tăng gia rất nhiều Anh thấy việc này có ảnh hưởng gì đến du khách và cờ bạc ở Las Vegas không ?

Jim trầm ngâm suy nghĩ một lúc lâu mới trả lời :

— Tôi chưa bao giờ để ý đến vấn đề này. Nhưng bây giờ cô nói tôi mới nghĩ ra. Las Vegas cũng có bị ảnh hưởng. Tuy số du khách vẫn đến đông như trước nhưng tiền họ bỏ ra đánh giảm bớt nhiều. Ai cũng ăn tiêu dè dặt một phần nào.

— Anh thấy ở trong một thành phố sống nhờ cờ bạc và du khách như thế này, đời sống gia đình có ảnh hưởng gì không ?

— Cố nhiên là có một phần nào. Tình vợ chồng không quan trọng mấy, vì cưới hỏi và ly dị đều dễ dàng. Dễ đến nỗi cả hai đều có thể làm xong trong 10 phút. Dễ đến nỗi cưới nhau không cần giấy thử máu của bác sĩ như các Tiểu-bang khác ; ly dị thì người bản xứ khỏi cần 2 tuần lễ chờ đợi như người ở xa đến Ngoài ra họ trông thấy tiền nghìn bạc vạn ra vào cũng trong mấy phút, con người ta đâm ra coi thường tất cả.

— Còn trẻ em trong gia-đình thì sao ?

— Trong những gia-đình hay bị xáo động như thế thì trẻ em cũng bị ảnh

hưởng. Chúng có tâm hồn bất định, bất an và không tin tưởng ở tương lai, không muốn làm gì với mục đích xây dựng mà chỉ muốn sống qua buổi, làm gì cho vui.

Bà mẹ nuôi của Jim làm bánh ngọt mời chúng tôi vào nhà ăn. Bà cứ xin lỗi mãi vì kết quả của cái bánh không đúng như ý muốn ; nhưng chúng tôi nhất định cho như thế là ngon nhất, không còn chê vào đâu được.

Tôi hỏi Jim :

— Nếu anh đổi nghề thì anh sẽ làm gì ?

— Tôi thích sống về đàn hát hay vẽ.

Tôi nghe Jim nói mà ngại. Đàn, hát hay vẽ, môn gì cũng cần có tài, có học và luyện tập nhiều, mà Jim chưa sẵn sàng gì cả. Coi tình hình chắc anh chàng còn phải quay máy roulette khá lâu.

Trước khi từ giã Jim, tôi còn hỏi vớt một câu :

— Anh có bài học gì dạy tôi trong kỹ thuật hay nghệ thuật đánh bạc không ?

Jim khe khẽ lắc đầu :

— Sự hiểu biết của tôi chỉ đủ để phục vụ người đánh bạc chứ không phải để tự đánh bạc. Nhưng đại khái cô phải biết là đánh bạc 9 phần mười cô thua. Một phần kia là nhờ vận đỏ hay biết đánh. Vận đỏ không ai biết lúc nào đến, nhưng nếu cô đánh khôn thì thua ít, nếu biết đánh và nhờ vận đỏ có khi cô được ăn to.

— Nhưng thế nào là khôn và biết ?

— Trước hết cô phải biết ăn non hay thua non. Nếu vận đỏ thì cô đánh to, ăn cho đến tột bực. Lúc bắt đầu thua thì ngừng ngay đừng để thua đến hết. Lúc vận xấu phải biết chạy đừng cố gỡ. Càng gỡ cô càng thua thêm. Phải biết hạn chế tiền, không phải có bao nhiêu đánh bấy nhiêu.

— Nhưng biết hạn chế thế nào cho vừa ?

— Ví dụ con bạc đánh nhỏ là 2 đồng, nếu đánh được tăng lên 4 đồng, lại được tăng lên 6 đồng, lại được tăng lên 8 đồng, cứ thế cho đến mức tối đa là 15 đồng. Nếu thua bất cứ ở khoảng nào thì bắt đầu từ 2 đồng lại. Cô thấy là lúc nào tiếng bạc cũng thêm một ít chứ không đánh gấp đôi, như thế bao giờ cô cũng có lãi một ít để thua thì bắt đầu lại. Tỉ số này tăng lên nếu cô là tay cờ bạc lớn. Nếu cô bắt đầu hai trăm thì mức tối đa đừng quá hai ngàn chẳng hạn. Nói chung thì ăn, cô có thể đánh to, nhưng đừng bao giờ đánh hết tất cả tiền một lúc. Nếu thua thì trái lại không bao giờ nên đánh gấp bội để cố gỡ. Mỗi nhà cái đều có một con số hạn chế không được đánh quá. Nếu cô thua to và đánh gấp bội mãi lên, đến mức hạn chế rồi không quá được, rốt cuộc cô vẫn bị thua mà không còn hy vọng gì gỡ nổi.

— Có phương pháp gì căn cứ vào toán số tuyệt đối ăn chắc không ?

— Tôi không biết có phương pháp gì như thế cả.

— Anh có chuyện cờ bạc gì hay kể cho tôi nghe không ?

— Chuyện cờ bạc thì cả triệu nhưng đại khái chuyện nào cũng giống chuyện nào. Những con bạc lớn có người thua hết ngay từ đầu ; có người thua hết, gỡ lại ăn to, rồi lại thua hết ; có người tháng này ăn bạc triệu, tháng sau chết ở vườn hoa hay góc chợ nào

đó chả ai biết ; có người thua mãi nhưng vẫn còn tiền để thua. Nhưng đó là số ít. Phần đông ai cũng lương thiện và nhất là không biết gì về cờ bạc cả. Họ đến Las Vegas du lịch dành một số tiền để đánh bất cứ một thứ gì thua cho kỳ hết rồi ra về yên trí là đã trả xong nợ quốc gia rồi. Tôi nghĩ là tất cả các chủ sòng bạc nên tuyên dương công trạng những người nầy, họ là những người mà chúng tôi mang ơn vì đã trả tiền cơm áo cho chúng tôi.

— Tôi thấy trong sòng bạc có nhiều ông bà già tóc bạc phơ mà cũng còn say mê đánh. Không hiểu tại sao ?

— Đó là những khách hàng trường kỳ của chúng tôi. Mỗi tháng họ có một số tiền vô để sống, họ giữ đủ số chi tiêu còn dư đem đến sòng bạc mua vui. Họ không học được kinh nghiệm gì về cờ bạc hết. Có người đánh cả đời mà vẫn còn ném tiền lung tung ra mặt bàn, không biết nên đánh số nào và tại sao cả.

— Như thế chủ sòng chắc vui lắm nhỉ?

— Chủ sòng vui khi thấy số lợi tức thu vào đều đều. Nghĩa là khách có ăn có thua mà chủ vẫn lời. Nếu khách ai cũng thua cả thì còn ai đến mà đánh. Giới Casino đến phải đóng cửa đi làm nghề khác.

Đến chiều chúng tôi trở lại phi trường Las Vegas để lên máy bay về nhà. Hai dãy máy slot machines vẫn đứng đấy như dang tay ôm ấp du khách không muốn thả ra. Mỗi bụng máy qua lần kính vẫn còn phơi bày một bụng tiền đầy cứng như khiêu khích như quyến rũ. Vài cô nữ chiêu đãi sắp đến giờ lên máy bay còn dừng lại bỏ vội vàng những đồng hào còn sót lại trong ví. Có cô quay một lúc 3 máy, chạy qua chạy lại nhanh như chớp, như muốn vớt vát một chút gì hương vị của Las-Vegas đỏ đen. Còn phần đông đã chịu nhận số phận được thua của mình rồi, họ ngồi đọc báo hay hờ hững nhìn những chiếc máy bay đang lên xuống đợi tiếng gọi số chuyến máy bay của mình.

LINH-BẢO

Các bạn chưa đọc,
các bạn đã đọc,
đều nên tìm đọc :

VÒNG TAY HỌC TRÒ

của NGUYỄN-THỊ-HOÀNG

tái bản lần thứ 4, có sửa chữa của tác giả

Các bạn sẽ thích thú về những chi-tiết vừa được thêm vào và sửa lại mà 3 ấn-bản trước chưa có.

THÁI-PHƯƠNG xuất bản, sách dày trên 400 trang với giá cũ : 180 đồng.

Đã có bán tại Nhà sách Khai-Trí Saigon và các hiệu sách khắp nơi.

phát hành thượng tuần tháng 3170

tạp chí **TIẾNG ĐỘNG** *số* **4**

THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão Sài-gòn :
Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG

có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette) màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện
Số : 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

Truyện của TRÙNG-DƯƠNG

Tiếng cười trong đêm

LAM QUAY PHẮT LẠI NHÌN BẠN :

— Tại sao cậu lại bỏ không tiếp tục nữa ?

Hai khuỷu tay chống trên đầu gối khiến cả thân hình đổ về phía trước, hắn nói thay vì trả lời câu hỏi của Lam.

— Tôi nhường lại cho thằng Chinh nó làm. Vài hôm nữa nó sẽ đem *maquette* lại cho cậu coi.

Lam bước lại ngồi xuống ghế đối diện với hắn :

— Cậu hiểu là tôi nhận cái đó cho cậu và chỉ cho mình cậu thôi. Cậu chưa trả lời câu tôi hỏi. Tại sao vậy ? Cậu nói giá hai-trăm-ngàn và tôi có thể lấy cho cậu sáu-trăm-ngàn. Với bốn trăm-ngàn lời, cậu có thể ở không và vẽ cho đến khi triển lãm khỏi phải bận tâm về vấn đề tài chính.

Hắn với bao thuốc trên bàn, rút ra một điếu và châm lửa hút :

— Tôi đã gặp thằng Chinh. Nó nhận lời rồi Nó bảo cậu cho nó một tuần để *étude* và sẽ mang lại cho cậu cái *maquette*.

Lam dơ hai tay lên trời trước thái độ quyết liệt của bạn. Anh cố hỏi câu cuối cùng hy vọng bạn sẽ đổi ý ?

— Không dễ gì để bắt được mối này. Bọn nó có tiền, cái bọn tư bản ấy. Cậu có chuyện gì vậy ? Việc đó không gấp mà. Cậu có thể thư thả ..

Hắn ngồi im lặng hút thuốc, không đáp, nét mặt bình thản như một pho tượng.

— Thôi được... Tôi hiểu. Cũng như cậu, ôi ghét bị nài ép, thúc giục.

oOo

Quán nhậu nằm tại góc đường, bên hông Tổng-Nha Ngân - khố. Từ đó, khách ngồi nhậu có thể nhìn thấy một đôi chiếc cột buồm của mấy chiếc tầu hàng đậu ngoài bến tầu Không giờ nào quán vắng khách. Chủ nhân, như tại hầu hết những chiếc quán ở các góc phố, là người Tầu. Người Tầu dường như có máu mở quán ăn — hay phải nói là họ có truyền thống thương mại ? Không biết từ bao giờ, họ chiếm cứ tất cả, hầu hết thì đúng hơn, những góc phố của cái thành phố không thuộc quyền sở hữu của họ, mở quán hủ tíu, cà phê và chi phối cái dạ dầy của người bản xứ với một cách thức xào nấu gần như không khác nhau là mấy. Người ta thường đến những quán ở các góc phố, để ăn và để ngóng ra đường, dù quán có xập xệ, thiếu vệ sinh, dù bát đũa có dơ dáy, đóng cặn.

Để tăng cường, quán nhậu bên hông Tổng-Nha Ngân-khố quy tụ những người Việt bán đồ nhậu ở xung quanh quán, với đủ các thức để nhậu như tôm khô,

củ kiệu, tai heo, lòng heo, nem cuốn, chả giò v.v.. Và vòng ngoài nữa, sát mặt lộ, là những sạp báo, sạp thuốc lá, và những ngày gần đây còn thấy xuất hiện một vài sạp bán các thức lặt vặt của Mỹ như xà-bông, giấy vệ sinh, kem và bàn chải đánh răng, kẹo, bánh.v.v .. Quán thu hẹp sinh hoạt vào việc cung cấp đồ uống cho khách nhậu như bia, nước ngọt. Người ta đến đó để nhậu, hay chỉ để uống một đôi ly bia « bốc » và thường ngồi đó hàng giờ. Người buôn bán, lính tráng, công tư chức tan sở, và có khi cả giáo sư nghệ sĩ thường đến quán, đông nhất vào buổi chiều. Họ uống, họ nhậu lai rai, họ nói chuyện hay họ ngồi im lặng lơ mơ xa vắng trên những chiếc ghế đẩu không lưng tựa, một đặc điểm của những cái quán do người Tầu làm chủ nhân.

Hắn bước vào quán và tìm một góc ngồi, gọi một ly « bốc ». Rồi ly nữa. Và ly nữa... cho đến lúc hắn không buồn đếm xem mình đã uống đến ly thứ mấy. Xung quanh hắn, người ta ăn uống, nói chuyện, cử động, im lìm. Những hình ảnh đôi khi làm hắn yêu thương đến xót xa.

Tranh của anh thường gợi cho tôi cảm giác thanh thoát bởi một cái gì rất trong sáng, đồng thời với một nỗi chua xót... Tại sao ? Tôi tự hỏi. Một người bạn nhận xét. Hắn im lặng. Tôi chẳng có gì để nói để tự biện hộ cả. Làm sao anh có thể diễn tả những hình ảnh thô kệch kia — Tỷ như cô thiếu nữ này chẳng hạn : cô ta có cặp môi dầy như môi của người da đen, có cái mũi to như cái mũi của con sư tử với hai vai rộng và những bàn tay to lớn vạm vỡ như của một người nông dân với một vẻ hết sức thanh thoát trong sáng, như thể có thiên nhiên trong tranh anh. Tại sao thế ? Có một cái gì bí ẩn ở anh. Ngay cả mầu sắc mà anh thường dùng : phần lớn là màu vàng, xanh và màu đất xậm. Người ta có thể nói anh chịu ảnh hưởng của Gauguin, với một chút gì của Roussean nữa. Nhưng anh vượt hơn họ ở sự thanh thoát đến hồn nhiên, hơi pha thơ mộng với chút gì phiền muộn. Vì thế, anh đừng giận tôi nếu tôi bảo lúc đầu, là ở anh có một pha trộn giữa Gauguin và Rousseau. Vì cuối cùng, anh đã vượt lên họ hay ít ra khác họ, bằng cái tính chất thanh thoát đến thơ mộng mà tranh của anh gây nơi người thưởng ngoạn, (ít ra nơi tôi), và tôi tự hỏi có phải vì cái tâm hồn Á đông của mình chăng ?

Hắn cười ngượng ngập, như khi chợt bắt gặp một hình ảnh của mình phản chiếu trong tấm gương.

Hắn gọi thêm một ly « bốc » nữa.

Thêm một chiếc ly không bị đẩy vào vớ đống ly không trên bàn.

Xung quanh hắn, những khuôn mặt gân guốc, sạm đen, một vẻ nhẫn nhịn chịu đựng, những khuôn mặt ít nhiều bị gạt ra khỏi cái xã hội phồn hoa xa xỉ để bị dìm sâu trong một cuộc rượt bắt miếng ăn không bao giờ chấm dứt cho đến giây phút cuối cùng của đời sống. Những khuôn mặt không biểu lộ cả đến một niềm tin tối thiểu, dù là một niềm tin tôn giáo với một hy vọng viển vông ở một cuộc sống bên kia sự sống. Hắn say mê chúng và không bao giờ chán chê nhìn ngắm chúng. Đôi tay hắn ngứa ngáy, con tim hắn mở rộng, nhưng đầu óc tê liệt bải hoải. Từ ít lâu nay hắn không vẽ được gì cả. Hắn nghĩ đến một ruộng lúa chín vàng, một cánh đồng cỏ, một cụm lau, một bãi cát trắng mịn lơ thơ ít cỏ úa. Hắn cố tự nhủ sự đình trệ, dầu sao, cũng chỉ có tính cách nhất thời như bao nhiêu những lần khác. Nhưng hắn chợt hoảng sợ khi thấy, khác với

những lần khác, lần nầy, sự đình trệ đã kéo dài khá lâu. Dễ thường cũng đã đến một năm nay rồi ? Hay hơn ? Tại sao ? Hắn đã đi quá xa trên con đường mà hắn đã phải tranh đấu với gia-đình và tự tranh đấu để chọn lựa : con đường nghệ-thuật.

oOo

— Hả ? Họa sĩ ? Mày muốn trở thành họa sĩ ? Mày có biết là mầy đang nói gì đấy không ?

Người cha gần như bật dậy khỏi ghế ngồi, gần như nhoài người qua mặt bàn, gần như túm được ngực áo của thằng con, nếu không nhờ cái mặt bàn ăn rộng (cha thích có một cái bàn ăn vừa dài vừa rộng, cho bữa ăn có vẻ long trọng và quý phái theo đúng với địa vị xã hội đáng kính nể của ba), nếu không nhờ sự can thiệp của người mẹ.

— Mình làm gì mà nóng nảy quá vậy? Thì hãng thong thả, đâu rồi có đó cả mà.

— Nói như mình ấy ! Hừ, đâu rồi có đó. Ý mình muốn nói rằng một khi nó đã muốn trở thành họa-sĩ thì có đánh chết nó thì đâu rồi cũng có đó, chắc ?! Mình để nó cho tôi. Nghe ra chưa ? (Rồi quay sang phía hắn) Sao, cậu ? Cậu trả lời tôi cái coi ? Cậu muốn trở thành họa sĩ hay muốn làm con tôi ? Thế nào, quyết định đi chớ ?

Từ nãy, hắn vẫn cúi mặt trên bát cơm trong khi người mẹ can thiệp. Bây giờ, nghe người cha hỏi, hắn ngẩng đầu lên, đôi mắt nhìn thẳng vào mặt cha :

— Con đã quyết định rồi. Dù ba có nói thế nào đi chăng nữa mặc lòng !

Cặp môi mím chặt của người cha từ từ kéo dài ra để hở hàm răng và một giọng cười hằn học thoát ra ;

— Quyết định rồi ? Sau bao nhiêu ngày suy nghĩ đó? Cậu có biết rằng tội đã tốn bao nhiêu công lao để tạo nên cái gia đình nề nếp này không, để cho mấy cậu anh em cậu khi ra đường có quyền ngẩng cao mặt với vẻ kiêu hãnh, vì tôi không phải là một thằng tồi, một thằng ích kỷ cá nhân ? Cậu có biết trong khi cậu cắp sách đến trường, tôi đã phải đầu tắt mặt tối, ngọt ngào với cả những thằng chẳng đáng gì mà chỉ vì chúng nó là xếp tôi, và đương đầu với cái bọn vẫn về phá xóm phá làng trong khi, nếu không vì chiến tranh, chúng nó chỉ là bọn tá điền của tôi ? Và còn nhiều nữa, nhiều nữa. . Cậu có biết thế cho không ? Cả bà nữa, bà có biết thế cho không hay chỉ biết ngồi đó, nghe thằng ranh con thủ thỉ nói ngon nói ngọt để rồi bảo tôi là đâu rồi có đó !?

Người mẹ đáp nhẹ nhàng :

— Dầu sao nó chỉ là đứa con út. Các anh nó chưa đủ làm mình hài lòng sao ? Đứa nào cũng có chức tước..

— Chức tước ? Chức tước cái mẹ gì mà lúc nào cũng ở ngoài trận mạc ? Rồi bom rơi đạn nổ chết lúc nào không hay ! Chức với lại chẳng tước ! Chẳng thà chúng nó đạp xích-lô, lái tắc-xi mà sống an-ninh, tôi cũng còn thấy dễ chịu hơn !

Một nụ cười hiền hòa nở trên môi người mẹ.

— Vậy thì, như thế, thằng út có mong muốn trở thành họa-sĩ thì cũng đâu có tệ gì ?

— Nhưng dễ thường vì nó là họa-sĩ người ta sẽ chừa nó ra đấy chắc ? Vả lại, mấy thằng lớn lít ra còn làm vẻ vang cho tôi. Còn thằng này muốn làm họa sĩ... Hứ ! Cái nghề mạt rệp. Cái giống ích kỷ hão huyền trốn tránh bổn phận. Mày sẽ làm được gì cho tao vẻ vang, hả ?

— Biết đâu có ngày nó sẽ nổi tiếng...

Hắn cắt ngang lời mẹ, tự biện hộ :

— Con không hám danh. Con muốn trở thành họa sĩ vì con muốn sống hợp với bản chất con người của con.

Người cha bật cười lớn, khoái chí :

— Đó ! Bà nghe chưa ? Sống hợp với bản chất của mình ! Nó có đoái hoài gì đến ai đâu, ngay cả bà... Này, cậu Tôi không muốn nghe cái điều cậu vừa nói với tôi nữa nghe không ? Không bao giờ nữa. Tôi mong rằng cậu vì bồng bột mà tuyên bố muốn trở thành họa sĩ. Cậu cứ suy nghĩ lại đi. Cậu còn cả mấy tháng hè để suy nghĩ. Nhưng tôi không muốn nghe lại cái luận điệu hôm nay của cậu nữa !

oOo

Sau buổi nói chuyện tối hôm đó với người cha, hắn bỏ đi đến ở với mấy người bạn. Hắn tự thấy không còn gì để suy nghĩ nữa ; Hắn đã quyết định rồi. Dù có bị cha từ đi chăng nữa. Hắn họp với mấy người bạn và vẽ. Chỉ có vẽ và vẽ. Hắn nhất định không trở về ngôi nhà gia đình để ngồi vào những chiếc ghế sa-lông cổ điển với những hình chạm tinh vi mà cha hắn thường tự hào là bảo vật của cha ông truyền lại từ thời còn làm quan trong triều đình (dù hắn rất yêu thích những chiếc ghế ấy); hắn nhất định không trở về ngôi nhà gia đình để ngồi vào chiếc bàn ăn vừa dài vừa rộng mà hắn đã được dậy cho cách ăn uống khoan thai, trịnh trọng, kín đáo ; hắn nhất định không trở lại ngôi nhà gia đình dù mẹ hắn nhắc, dù cha hắn dọa đi tìm để xách cổ hắn về trị cho một trận nên thân vì tội cãi lời, dù bất cứ một cảm giác bấp bênh nào về cuộc sống bất an khổ cực trong tương lai mà đôi khi hắn chợt nghĩ tới...

Cho tới một hôm, một cái phong bì được gửi đến địa chỉ mới của hắn, bên trong có gói một chiếc điện tín với hàng chữ vỏn vẹn gửi từ nhiệm-sở của cha hắn về nhà :

«Ông nhà đã tử nạn trong khi công tác. «Thành thật phân ưu cùng bà và gia quyến».

Phong bì mang nét chữ của người mẹ Chỉ có chiếc điện-tín. Ngoài ra không có một lời nhắn nhủ nào của người mẹ. Lúc ấy hắn mười bảy tuổi

oOo

Hắn gọi thêm một ly «bốc» nữa. Thằng bé mang ly bia đầy còn sủi bọt lại cho hắn, ngó những chiếc ly không xếp chồng chất, ngó hắn, khi hắn đứng dậy đi ra ngoài, tới bên một gốc cây và vạch quần đái trong cái nhá nhem của chiều. Xong, hắn lại trở lại quán, khuôn mặt đỏ ké Bấy giờ thằng bé hầu bàn mới thôi ngó chừng hắn.

Vậy mà đã gần mười năm qua, từ ngày hắn đọc bức điện-tín với ý nghĩ : thực ra cái chết của người cha không cần thiết. Do đó, hắn không cảm thấy một mặc-cảm nào. (Cũng như hắn vẫn thường không có mấy mặc-cảm, bất cứ loại mặc cảm nào — lẽ cố nhiên, ai mà không có, ít hay nhiều mặc cảm. Có lẽ phải nói là hắn thuộc loại người có ít mặc cảm thì đúng hơn). Và đã mười năm qua, hắn sống với ước vọng của mình : nghệ-thuật. Thoạt đầu là một vùng hỗn mang. Hắn chỉ có hai bàn tay và con tim. Trên đầu hắn là mặt trời. Dưới chân hắn là cỏ dại. Hắn tranh đấu để phát quang khu đất. Dần dần những luống đất hiện hình. Hắn chưa hài lòng. Hắn tiếp tục tạo cho khu đất của hắn một sắc thái đặc biệt để khách quá vãng có thể nhận ra ngay *chỗ ở của hắn*. Hắn không cần biết là khách có thích hay không. Nhưng ít ra khách không thể lẫn lộn *chỗ hắn ở* với những chỗ khác ở xung quanh, hay những chỗ họ đã đến và còn giữ trong ký ức.

Nhưng rồi, mặc dù chiến tranh chưa gây ảnh hưởng, hay đúng hơn khó mà gây được ảnh hưởng đến *chỗ hắn ở*, tôi

muốn nói đến những tác phẩm nghệ thuật của hắn, thì chính bản thân hắn đã bị trưng dụng. *chỗ hắn ở* đành bị bỏ hoang. Và hắn đã sống những ngày dài trong khắc khoải, lúc nào cũng như nhớ nhung về một cái gì — có lẽ là *chỗ hắn ở*, cái thế giới riêng tư của hắn. Hắn không muốn đồ tại chiến tranh, đồ tại thời cuộc. Hắn cố gắng tự tách rời được chừng nào hay chừng ấy với những thức đó. Một mình tác phẩm *Chiến Tranh* của Picasso đủ rồi. Vả lại, cái gì hắn đã ghê tởm thì không thể lại trở thành đề tài của hắn được. (Như hắn vẫn có thể coi thường sự khâm phục do một kẻ phàm phu tục tử dành cho tài nghệ của hắn). Bởi hắn quá kiêu hãnh. Hắn không mong mỏi gì hơn là được *diễn tả* cuộc sống qua những rung động của tâm hồn mình. Hắn coi nghệ thuật như một người bạn đường, không phải một kẻ để cho hắn lợi dụng như một phương tiện hầu chuyên chở bất cứ một thứ thông-điệp nào đến cho nhân loại.

Vậy tại sao, trong mấy bức minh-họa cho một tác phẩm nói về nỗi khốn khổ, sự chết chóc của con người do một thi sĩ của chúng ta viết ra cách đây một trăm năm, mà nếu tôi nhớ không nhầm thì anh dự tính cho lên khung vải, lại đưa ra những hình ảnh đau thương chua xót của con người khiến tôi nhớ đến cảnh tượng chiến tranh ? Điều đó có vẻ trái ngược với những tác phẩm mà anh đã hoàn thành từ trước đến nay. Hắn mỉm cười, ánh mắt chợt rực sáng. Lần này hắn tự cho phép mình giải thích. *Sự khốn khổ và nỗi chết chóc của con người là cái lẽ tự nhiên của trời đất. Cái gì của trời đất cũng vẫn lôi cuốn, gợi hứng cho tôi. Còn chiến tranh là sản phẩm của con người. Như văn minh cơ khí là sản phẩm của con người. Cả hai đều làm cho con người trở thành phi nhân, phi thiên nhiên. Chúng chẳng thể làm nguồn cảm hứng cho tôi được, ngày nào tôi còn ghê tởm chúng.*

Tuy vậy, hắn đã bỏ dở nửa chừng tập minh-họa kia. Hắn không thể giải thích tại sao, mình không thể tiếp tục nữa. Do đó, ý định mang chúng lên khung vẫn mới chỉ là ý định. Và chiều nay, hắn lại vừa bỏ một công việc mà người bạn đã cầy cục lãnh về cho hắn làm, do người ta đặt. Người bạn khi bắt tay từ biệt hắn đã gặng hỏi có chuyện gì đã xảy ra khiến hắn bỏ dở công việc, cái công việc có thể mang lại cho hắn một số tiền để có thể ngồi vẽ trong một thời gian. Hắn im lặng bỏ đi, dù hắn biết người bạn cảm thấy xót xa ở phía sau.

Hắn rời chỗ ngồi, trả tiền và ra khỏi quán.

oOo

Hắn tạt qua trụ sở tạm — một quán nước — của hội. Mọi người chỉ chờ có hắn đến. Một người trong bọn giữ chức thư-ký kéo hắn ngồi xuống bên, nói :

VIÊN THUỐC HỒNG
CÓ SINH-TỐ C
Neurotonic
Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

— Tưởng cậu bận không đến được, nên tụi nầy đã họp xong rồi.

Hắn lơ đãng hỏi :

— Có quyết định nào không ?

— Từ ngày trụ sở hội bị đòi lại đến nay, mình chẳng có sinh hoạt nào đáng kể cả, thậm chí cả kỳ triển lãm chung hằng năm vào mỗi dịp tất niên cũng không có nốt. Nhiều anh em tưởng hội mình đã «sập tiệm». Cho nên bọn nầy đi đến quyết định là phải làm một cái gì...

Hắn nghĩ câu «làm một cái gì» dường như có vẻ khôi hài vì tính chất lẽ-ra-động của nó lại có-vẻ-tĩnh hơn cái gì hết. Có lẽ vì người ta đã dùng nó nhiều lần. Hắn hơi mỉm cười. Người bạn nói, hăng hái và quyết liệt hơn, như một lời bào chữa :

— Không, quyết định thật sự mà. Người đứng ra bảo trợ đã có rồi. Phần vụ của chúng ta là sửa soạn và định ngày triển lãm. Có thế thôi.

— Xong rồi.

— Cậu vừa đi đâu vậy ?

Hắn định trả lời là đi công chuyện nhưng hắn đáp :

— Đi uống la-de.

— Ngon chưa ! Cậu là chủ tọa...

— Thì cuối cùng, tôi đồng ý mọi điểm rồi. Không có gì phản đối kia mà.

Hắn nói và nghĩ tối hôm nay phải khởi sự làm việc lại. Bỏ lâu quá rồi. Và hắn tự biện hộ : Không hẳn vì cuộc triển lãm chung sắp tới. Mà... vì nó thì đã có sao ?

oOo

Trong bữa cơm, vợ hắn hỏi, vẻ buồn buồn :

— Anh bỏ làm cái việc của anh Lam đấy à ?

— Sao biết ?

— Em vừa gặp anh Lam ở trên phố. Tại sao anh lại bỏ ngang như thế ?

— Lam có nói gì nữa không ?

— Không. Anh ấy thắc mắc là tại sao anh không nhận mà lại để cho người khác trong khi anh Lam chỉ cốt nhận về cho anh làm.

Hắn lặng thinh, và nốt miếng cơm rồi bỏ lên lầu, bật đèn, xếp một khung vải lớn lên giá vẽ, lục tìm trong hộc tủ những *tube* màu và những chiếc cọ cần dùng và bày bên giá vẽ. Xong, hắn bắc một cái ghế ngồi trước giá vẽ, châm một điếu thuốc. Dưới nhà sau vọng lên tiếng chén dĩa va chạm vào nhau. Có lẽ vợ hắn đang rửa chén. Nàng đang nghĩ gì khi biết chuyện hắn vừa buông một món làm ăn có lời như thế ? Vợ hắn đã xin nghỉ từ mấy ngày hôm nay vì nàng

REGAST. T.

— *Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.*
— *Bào chế theo công-thức của Hòa-Lan*

trở bụng. Chắc chẳng còn mấy hôm nữa nàng sinh. Họ nhìn thấy tương lai của những tháng sắp tới : không tiền tiêu Trước, họ tạm cầm cự bằng số lương mười-mấy-ngàn của nàng. Lương lính của hắn chỉ đủ cho hắn uống la-de mỗi ngày. *Tại sao anh lại bỏ ngang như thế ?* Hắn chưa trả lời vợ hắn. Mà trả lời sao bây giờ ? Nói là hắn ghét cái công việc đặt sẵn với cái đề tài do người ta đưa ra chẳng gợi nổi trong hắn một rung động nhỏ nào ? Hắn đã tránh nhìn thẳng vào mặt vợ trong suốt thời gian còn lại của bữa ăn. Vợ hắn cũng im lặng lo đút cơm cho đứa con lớn với vẻ nhẫn nhịn chịu đựng như thể ngầm chứa trong đó cái tinh chất kiêu hãnh vì đã dám bước qua mọi trở ngại mọi can ngăn của gia đình để lấy hắn, để chấp nhận một cuộc sống vật chất bấp bênh. *Tại sao anh lại bỏ ngang như thế ?* Câu nói vẫn chỉ ngầm chứa một tếc rẻ nhiều hơn là một trách móc. Hắn bỗng thấy thương vợ vô cùng. Nàng có thể nói lên những câu trách móc nặng nề. Nhưng nàng cầm nín.

Hắn ngồi đó, nhìn bóng mình thu nhỏ thành một khoảng đen ở dưới chân. Điếu thuốc cháy chỉ còn lại một mẩu ngắn hắn kẹp giữa hai ngón tay. Hắn không buồn dụi tắt mà mặc cho nó cháy đến tận ngón tay để nghe cảm giác rát bỏng như để xem mình chịu đựng đến đâu, như một cách tự hành hạ. (Hắn vẫn thường nghịch ngợm như vậy để xem xem cái đau đớn thể xác so với cái đau đớn tinh thần nó đến đâu. Lẽ cố nhiên chẳng đến đâu cả vì cái đau thể xác thường chóng qua, trong khi cái đau tinh thần lại day dứt, dai dẳng, và dù nó có thể thành sẹo nhưng lại vẫn có thể toác miệng ra lúc nào không chừng). Hắn nhắm mắt lại, như một người ngồi thiền (Một đạo, trong cái tình trạng quá hỗn mang đến cô đơn của tuổi trẻ, khi hắn còn ở độc thân, hắn có đọc, tìm hiểu về thiền học và luyện cách ngồi thiền), để tập trung tư tưởng và hình ảnh. Dầu sao mình không có quyền chọn lựa nữa. Mình phải vẽ lại. Nếu tình trạng này kéo dài hơn chút nữa, mình sẽ tự tử mất. Tự tử ? Đôi lúc danh từ này bỗng trở nên quyến rũ, đầy hứa hẹn đối với mình. Ít ra mình có quyền chọn lựa cái không-thể-chọn-lựa : sự chết...

Có tiếng rơi đánh huỵch xuống đất tiếp theo tiếng khóc ré của thằng nhỏ dưới nhà. Hắn mở bừng mắt. Nhưng không hiểu sao hắn vẫn ngồi bất động một chỗ. Có tiếng dép vội vã của vợ hắn. Rồi tiếng vợ hắn nựng con. Nín đi mẹ xin, nín đi mẹ xin. Thằng bé vẫn còn nức nở. Một lát, dường như lục tìm cái gì không thấy, vợ hắn hỏi vọng lên : Anh có thấy lọ dầu khuynh diệp đâu không ? Tiếng hỏi như vang vọng từ một cõi xa xăm nào. Đứa nhỏ ngừng khóc và vợ hắn thôi hỏi hắn xem lọ dầu khuynh diệp ở đâu, lúc nào hắn cũng không hay. Dường như hắn ngồi bất động như vậy đã lâu. Xung quanh hắn hoàn toàn im lặng.

oOo

Và rồi người ta không nghe động tĩnh gì nữa, ngay cả tiếng dép thỉnh thoảng di động nặng nề một cách hạn chế của hắn trên căn gác lửng không cầu thang cũng im lặng từ hồi nào. Vợ hắn không dám lên tiếng hỏi, dù chỉ để gọi tên hắn. Nhưng nàng linh cảm có chuyện gì đã

xảy ra. Nàng cho mời người bạn của hắn lại. Như vài lần trước, mỗi khi đến thăm hắn để hỏi xem hắn có cần gì, người bạn bắc một chiếc ghế đẩu thò đầu lên gác lửng bắt gặp hắn nằm bất tỉnh nhân sự trong vùng tranh tối tranh sáng Người ta lo chở hắn đi nhà thương. Bấy giờ người bạn mới leo lên hắn căn gác lửng mà hắn đã tự giam mình bấy lâu nay, để xem hắn đã làm được cái trò trống gì. Hắn chả làm được cái gì. Mấy khung vải còn nguyên dựng tại một góc tường, cả chiếc khung vải đặt trên giá vẽ cũng thế, duy có một vệt đen được viết bằng than nằm giữa khung vải đó. Người bạn đưa ngọn nến còn cháy leo lét, vật duy nhất còn có được sự sống trên căn gác, lại gần khung vải và nhận ra đó không phải là một vệt đen mà là một chữ và anh không biết hắn định viết chữ gì trên đó... Như một con trùng cô độc cố gắng một cách tuyệt vọng để vượt qua bãi sa mạc trắng...

oOo

Mỗi lần khởi sự đưa những nét vẽ phác bằng than trên khung vải, hình ảnh trên lại trở lại trong đầu hắn. Đôi khi sự tưởng tượng của các văn sĩ làm hắn chịu hết muốn nổi. Tựa như một ngư phủ chèo chống lại với sóng lớn giữa biển khơi, như một người bệnh nặng chống lại với ý tưởng chết chóc đen tối, như một nhà tu hành chống lại với những cám dỗ của nhục dục, hắn chống trả với sự ám ảnh về một tình trạng tê liệt bi thảm, một cách quyết liệt hơn bất cứ lúc nào khác. Hắn tưởng như trong hắn chợt vang lên một tiếng cười rầm rộ, đầy vẻ khinh mạn, khiêu khích,..

TRÙNG DƯƠNG
(1-1970)

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YT DP.Đ.

Truyện của TRẦN-HUIỀN-ÂN

Thơm lửa nguyện cầu

Lâm đang cúi đầu trên một Phiếu trình. Lề lối làm việc ở đây nặng nề, chậm chạp. Tất cả công-văn đến, Lâm phải đọc và tóm tắt mỗi công-văn vào một Phiếu trình, xin bút phê của Chỉ-Huy-Trưởng để thi hành. Phiếu trình mang chữ ký của Trưởng Phòng và đi qua ý-kiến Tham-Muu-Trưởng. Cái khó của Lâm là bất luận việc gì dù quan trọng hay không, gấp hay hoãn, Lâm cũng phải thu gọn vào một phần tư trang giấy. Vì vậy, cả ngày Lâm cặm cụi viết. Những *trân-trọng, dẫn chiếu, thẩm tường, thẩm định,* ăn nhập vào đầu óc Lâm. Mỗi lần Lâm ngẩng lên là có sẵn một người đứng trước mặt với lời yêu cầu. Đại-loại... nhờ xem giùm Lệnh biệt-phái giáo-chức tháng này đã có chưa.. Cái đơn xin về nguyên-quán của tôi đã đến đây chưa... Tôi làm Trung-đội-trưởng 3 tháng rồi, không có phụ-cấp, xin cho số Lệnh bổ-nhiệm để hỏi Tài-chánh... Tôi có công điện Bộ Chỉ-huy cho về hậu-cứ mà Đại-đội. trưởng giấu, không cho đi... Đại-đội-trưởng khó quá, tôi xin về trình diện Bộ Chỉ-huy, có cách nào giúp cho... Bởi đó, hình như Lâm sợ phải ngẩng lên, Nhưng dù không ngẩng lên Lâm cũng biết chắc là có một người đàn-bà đang vào phòng. Những tiếng xì-xào thông-lệ đã báo cho Lâm hay. Phòng này không ngày nào là không có đàn-bà vào. Họ là những quả-phụ. Có người còn mặc nguyên bộ tang phục. Có người đã bắt đầu điểm-trang diêm-dúa trở lại tuy chưa quên vành khăn trắng trên đầu. Họ đến với nhiều lý-do. Để xin hồ-sơ tử-tuất. Để nộp hồ-sơ cô-nhi quả-phụ. Để xin Tướng-mạo quân-vụ, báo-cáo tạ-thế, chứng-thư mất tích hưởng trợ-cấp bên Ty Xã-hội, bên Hội Cựu chiến-sĩ.

Người bạn ngồi phía sau đá vào chân Lâm :

— Loại A ! Loại A !

Lâm quay ra cửa. Người đang vào phòng là một quả-phụ trẻ, thật trẻ Chị bỏ chiếc nón xuống. Khuôn mặt đẹp, buồn và quen thuộc. Tầm mắt Lâm ngưng lại. Khuôn mặt thiếu-phụ chợt sáng lên một chút. Chị nở một nụ cười ngập-ngừng và tiến lại bàn Lâm. Giọng cũng ngập-ngừng, như hỏi :

— Dạ... Thầy nhập-ngũ rồi ?

Lâm vụt nhớ:

— Thuận... Vậy ra chồng Thuận...

— Dạ... nhà em chết ở trận trên Pleiku. Người ta bày em đến đây hỏi thăm về hồ-sơ xin trợ-cấp...

oOo

Những thân-nhân tử-sĩ ngồi la-liệt trong phòng. Trên tay mỗi người một cuộn giấy. Một vài người còn có cái xắc tay hay giỏ đi chợ đặt bên cạnh. Một vài bà già nhai trầu uể oải. Ở khung

cửa sổ Phòng hồ-sơ ba bốn người chen chúc như mua vé hát. Bàn bên trong là nhân-viên nhận hồ-sơ quả-phụ, tồ-phụ và cấp phát Tướng-mạo quân-vụ. Nơi gốc dương-liễu gần đó, Kiên đang đứng nói chuyện với một quả-phụ trẻ. Hai tay Kiên khoanh trước ngực. Đôi vai nổi cuộn tròn. Người khẽ đong đưa như một diễn giả trên bục thuyết-trình Nụ cười tươi-tắn, ranh-mãnh. Thiếu phụ cúi nhìn xuống. Một ngón chân cái bấm lên mặt sân cát từng dấu nhỏ liền nhau. Câu chuyện thân mật dần dần. Một lúc sau, thiếu phụ ngước lên, nụ cười đáp lại Kiên. Kiên đón lấy lá đơn nãy giờ chị vẫn cầm hờ hững, chờ đợi.

— Hồ-sơ này phải lục lâu lắm. Để nói anh em làm gấp cho, mai lấy.

Kiên cầm lá đơn vào phòng chìa cho Sĩ-quan Phụ-tá. Ông này phê vào hai chữ «*xét cấp*». Lá đơn chuyền đến nhân-viên phần hành với lời giục của Kiên.

— Cái này ưu-tiên một, làm ngay cho, mai họ lấy.

Xong Kiên trở về bàn sắp lại giấy tờ và cầm mũ đi ra. Tiếng xì-xào nổi lên:

— Cá cắn mồi rồi sao ? Giỏi thật.

Kiên quay đầu lại, nheo mắt, chân vẫn bước, suýt đâm phải một bà già đang lên bực. Bà già nhồ vội miếng bã trầu, chùi hai tay vào áo, trịnh trọng đưa lá đơn cho sĩ-quan Phụ-tá :

— Nhờ mấy ông xét giùm cho. Tiền tử dẫu tui nó lãnh nó ăn xài hết, bỏ mấy đứa cháu. Còn hai ngàn chánh-phủ cho tui cũng hổng biết...

Người sĩ quan Phụ-tá đọc hết lá đơn, đưa lại :

— Việc này chúng tôi không có thẩm quyền. Cụ đưa vào Khối Chiến tranh chính-trĩ, họ sẽ giải-quyết cho cụ...

Thiếu-phụ trao lá đơn cho Kiên đã đến nửa sân. Chị phủi bỏ nụ cười ban nảy, lầm lũi ra cổng nhân lại thẻ căn cước. Kiên ngồi trên Honda chờ sẵn. Chị khép nép ngồi phía sau và Kiên cho xe chạy. Qua đồn MACV một chiếc trực thăng sắp bay lên. Cánh quạt quay thành gió mạnh. Một tay chị vịn xe. Chiếc xắc quàng vào vai để một tay đưa lên đầu giữ lấy vành khăn tang. Xe qua khỏi đoạn cát, trận gió không còn nữa, chị gỡ nhẹ vành khăn tang xuống, cho vào xắc...

oOo

Lâm đang nằm dài trên bàn giữa phòng trực. Người lính đưa vào một cụ già và một thiếu-phụ. Thiếu-phụ đầu tóc rối bù, bệu bạo khóc. Cụ già nét mặt đau đớn nhưng bình-tĩnh.

— Nhờ quý ông giúp đỡ. Đánh điện dìa nói thằng con tui chết. Tui ở xa-xui quá, nhờ quý ông cho tui đem nó dìa trong bữa nay.

Lâm nhảy vội xuống đất, rút chiếc áo trên thành ghế mặc vào :

— Thưa bác anh... tên gì ?

— Dõ-Nam.

— Hạ-sĩ Võ-Nam, Đại-đội 3 ... ?

Thiếu phụ nghe nhắc tên chồng, òa to lên, kêu gào :

— Anh ơi là anh ơi !...

— Thưa Bác, Bác ở đâu ?

— Tui ở thấu La-hai gà...

Lâm nhíu mày, lo lắng :

— Cha ! Giờ này làm sao đưa ảnh về La-hai kịp !

Rồi Lâm quay điện thoại :

— A - lô ! Tổng đài ! Cho tôi Thường vụ chung-sự . A - lô ! Anh Quới đó hả ? Có thân nhân Hạ sĩ Võ-Nam đến đây, Tôi đưa ra Anh. Anh liệu giúp gấp để họ đưa về La-hai trong chiều nay đó. Vâng vâng... Cảm ơn anh... A lô ! Tổng đài ! Cho tôi Quân-xa. A-lô quân xa ! Phòng Trực đây... Cho tôi mượn một chiếc Dodge qua Thường-vụ Chung sự một tí. Đưa thân nhân Hạ sĩ Võ-Nam đó mà. Lên ngay phòng Trực bây giờ nhé ! Cám ơn!

Đặt ống liên-hợp xuống, Lâm bảo ông già ;

— Cháu đã gọi xe rồi. Bác chờ đây, sẽ có người đưa qua chỗ Trung đội Chung sự rồi ra nhà Vĩnh biệt. Anh-Nam nằm ngoài đó...

— Dạ cũng cảm ơn quý ông chớ hôm qua nay một mình tui. Con này nó không ăn uống gì hết...

Người đàn bà đó giờ này đang đứng trước bàn Kiên. Chị không còn bù lu bù loa nữa. Đầu tóc gọn ghẽ. Ăn mặc tươm tất. Kiên hỏi :

— Chị cần xin giấy tờ gì đó ?

— Dạ em xin sao tờ báo-cáo tạ-thế...

Kiên chỉ-dẫn ôn-tồn :

— Chị phải làm một đơn xin, nói rõ chồng chị ở đơn-vị nào, chết ngày nào đây chúng-tôi mới có thể truy-lục hồ-sơ xét cấp được.

Người đàn-bà nhỏ nhẹ :

— Em viết không thạo, nhờ anh làm ơn giúp đỡ cho em...

— Tôi thì không thể viết được. Nhưng mà... *Kiên quay ra sau*... Văn ơi ! Anh rảnh viết giúp chị này cái đơn...

Đơn đã ký xong. Kiên đưa lấy bút-phê của sĩ-quan Phụ-tá. Như mọi lần, Kiên nhắc phần hành lục hồ-sơ, đánh-máy, dặn-dò ưu-tiên... Kiên hẹn :

— Chiều mai chị đến lấy.

— Anh làm ơn làm cho bữa nay, em ở xa...

— Làm thì có thể có được, nhưng còn trình ký qua hệ-thống lâu lắm... Chiều mai là gấp rồi đó.

Thiếu-phụ dạ. Kiên hỏi thăm về quê-quán gia-cảnh... Đối-thoại chen trong những nụ cười. Hồi lâu, thiếu-phụ ra đi. Kiên sắp xếp giấy tờ, đứng dậy. Cả phòng cười mỉm, nhìn nhau:

— Đi súc bô đó há ?

Kiên cũng cười. Nụ cười lì lợm, chịu đựng.

oOo

Nhà đợi xe đò quân-đội nằm cách cổng ngoài chừng trăm thước. Chiếc

NEUROTONIC
Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

Honda màu đỏ, bóng loáng, thắng lại. Người phía trước là một Trung-sĩ nhất Phù hiệu in hình chìa khóa và ngọn bút lông nằm tréo trên tập sổ. Xe tắt máy chờ. Ngồi phía sau là một thiếu phụ. Chị bước vào nhà đợi xe, đặt giỏ lên băng, lôi ra chiếc áo tang. Chiếc áo vải to thô-kệch, màu trắng đục, nhàu nát không hòa hợp được với chiếc quần còn giữ được vài chỗ là láng. Vành khăn trắng quấn lên đầu. Bây giờ chị đã thành một quả-phụ, sầu thảm não nề. Chị trở lại ngồi sau xe, chiếc Honda vào trại.

Người Trung-sĩ nhất đến Phòng Quản trị nhân viên vỗ vai người Hạ sĩ phụ-trách phần hành cung cấp hồ sơ cho các quả phụ. Người Hạ-sĩ quay lại. Người Trung-sĩ nhất chìa tay bắt :

— Mạnh giỏi chớ ? Sao, lâu nay có làm ăn gì không ?

— Chả có gì ! Đói quá ! Chuyện chi đó đại ca ?

Người Trung-sĩ nhất lại cười, cúi thấp xuống một chút, giọng phân trần:

— Tôi có con em bà con, đây...Chồng nó chết hồi tháng chín, cần mấy giấy tờ gấp nộp cho Ty Xã-hội. Ngày mai hết hạn rồi. Anh liệu liệu giúp cho. Mình thông cảm mà...

Người Hạ-sĩ đã chú mắt vào mớ giấy tờ trước mặt :

— Chà ! Chắc là không kịp nổi. Trung sĩ thấy.. Cả chồng đơn đây. Thông cảm cho đàn em chút..

Anh ta ngưng nói, xòe hai bàn tay lơ lửng trên mặt bàn.

Người Trung-sĩ nhất lại vỗ nhẹ ba bốn cái lên vai người Hạ-sĩ :

Thông-cảm quá mà.. Nhưng vụ này hơi kẹt... Ngoại-lệ cho mình một chút.. À ! Nói với thằng gì bữa đó, lương của nó tôi làm rồi. Thằng này có. Truy lãnh phụ cấp gia đình gần một năm. Tha hồ..,

Người Hạ-sĩ vui vẻ :

— Dạ .. Vậy may quá ! Nó mong dữ lắm ! Nó hứa là thế nào cũng có chầu mà.., Nó là em tôi chớ không phải gì.., Còn giấy tờ của cô này, kẹt quá ! Nhưng chỗ đại-ca không biết nói sao... Thôi trưa mai tôi đưa lại Trung-sĩ...

Thiếu phụ từ nãy đứng im, giờ mới lên tiếng :

— Xin cảm ơn Hạ sĩ...

Đoạn, chị theo người Trung-sĩ nhất ra ngoài.

Nắng hanh vàng trên sân đã dịu. Một người nói khi thấy Kiên vào cổng trong :

— Ông Kiên hồi trưa chắc mê-mần lắm giờ mới đi làm...

Cả phòng nhìn ra.

— Tôi chịu ông Kiên, gò sao tài quá !

— Ông Bồn bên Tài chánh cũng vậy. Tôi gặp chả ghé Đại-Lãnh với đẳng khăn trắng hoài hè..Số đến đây mà còn coi được là hai ông đó kiểm-duyệt hết.

— Cha Trị bây giờ lên Liên-đội Đồng-măng cũng một cây đó nghe. Có cái sẹo trên đầu to tướng mà nữ-sinh cũng mê. Phục thật !

— Tài gì ! Phục gì ! Các chả chỉ được nước lì. Lì là nên chuyện...

Kiên đã vào đến nơi, kiếng mắt bỏ xuống bàn, lật mũ, lau mồ hôi. Nhìn vào phía trong, không thấy Trưởng Phòng. Kiên khoe :

— Ôi cha ! Con nhỏ này khoái thật ! Nó chỉ như bãi cỏ non... Khoái quá !

Tiếng cười cùng bật lên. Tiếng hỏi:

— Còn con bữa trước ?

Kiên bắt đầu kể. Nào... con ở Sông cầu, con ở Hòa-xuân, con ở Sơn - hà, con ở Phú - lâm, con áo tím, con áo vàng, con lùn lùn, con cao cao... Bằng một giọng thỏa-mãn của người luôn luôn hưởng thụ của lạ, Kiên mô tả tỉ mỉ từng chi tiết trong cơ-thể của những người đàn bà đã một lần cùng Kiên chăn gối, với những pha kích - thích, với những vẻ say sưa...

Người sĩ-quan phụ-tá ngồi nhổ râu cười...

oOo

Con đường của một năm nào đó đã gọi được là ngày xưa, là dĩ vãng. Lâm về quê bằng xe đạp với một người bạn. Xe bị lủng giữa đường, loay hoay tháo, vá, nên không đi được suốt hành-trình. Lên khỏi dốc Huỳnh-sơn thì trời sụp tối. Mấy thanh niên gác tại điếm canh khuyên Lâm ghé lại xóm nghỉ, sáng sớm hãy tiếp đường. Lâm hỏi thăm nhà ông Minh, cha Thuận, ở vùng đó. Đường xóm lát những tảng đá to, phẳng láng, len lỏi trong đất thổ. Những đám bắp mùa mới đang đóng chông. Tiếng chó sủa hừng-hực.

Người ra mở cổng là Thuận. Thuận reo lên :

— Thầy ! Thầy về hay ra mà tối thế này ?

— Về. Lỡ tối, nên ghé làm phiền gia-đình Thuận đây.

— Sao lại phiền thầy ? Mấy lúc ba em cứ mời mãi mà thầy có ghé đâu. Bữa nay coi vậy mà tốt ngày đó thầy..

Thuận giơ cao ngọn đèn bão soi lối cho Lâm. Lâm nói :

— Có một anh bạn nữa.

Hai người theo Thuận đi qua sân.

Một năm thôi học, Thuận đã thật nhiều thay đổi. Thuận đã lớn lắm — dù lúc đi học Thuận là cô học-trò lớn nhất lớp. Tóc đổ xuống vai. Dáng đi uyển-chuyển.

Lâm và người bạn ngồi nói chuyện với ông Minh trên bộ phản rộng nơi hiên. Thuận và bà mẹ ngồi lẩy bắp ngoài sân. Bọn em xúm-xít chung quanh. Những ngón tay Thuận thoăn-thắt trên trái bắp thẳng gang. Nước da Thuận trắng quá. Trắng đến nhìn thấy nổi bật trong ánh-sáng lờ-mờ. Đôi mắt Thuận rực-rỡ, long lanh.

Ông Minh và Lâm trò chuyện chừng như tương đắc, cho đến ngã khuya. Bộ phản nhà trên vừa được Thuận đặt gối, giăng mùng. Thuận cười :

— Thầy không quen nằm phản, e đau lưng không ngủ được.

Quả Lâm có thao thức. Chẳng phải vì không quen nằm phản. Ở gian chái, có tiếng ông Minh nói về ông giáo Lâm. *Phải ông giáo Lâm chịu con Thuận mình gả cho ổng.* Lâm cười vu-vơ trong đêm. Lắng nghe tiếng nai quéo bên phía núi, những xao-xuyến gợn nhẹ trong lòng, Lâm mơ màng ngủ dần trong tình yêu Thuận lãng-đãng khói sương..

oOo

Thuận tháo bỏ sợi cao-su buộc. Cuộn giấy tròn bung ra rồi tự-động thu lại tư-thế cũ. Thuận đặt xấp giấy lên mặt bàn Lâm. Những ngón tay trắng nõn vuốt nhẹ mong cho xấp giấy chịu thẳng yên. Tiếng chuông điện-thoại nơi bàn Trưởng-Phòng reo vang. Lâm đứng dậy,

một tay toan đưa tới cầm lấy xấp giấy. Chuông điện-thoại lại reo gay gắt. Lâm nhìn vào. Trưởng Phòng đi vắng. Sĩ-quan phụ-tá ngồi chếch bàn Lâm cũng vắng. Lâm nghiêng người để trông thấy bàn giấy Hạ sĩ-quan Văn-thư Bàn giấy trống. Lâm càu nhàu...

— Đi đâu mất biệt cả...

Và Lâm chạy vào nhắc ống liên-hợp :

— Quản-trị nhân-viên nghe....

— Dạ... Trung-úy Ngọc hình như qua bên Tuyền mộ...

— Dạ... quân-số Đại-đội 7...?...

— Thưa Trung-tá tôi qua ngay bây giờ...

Lâm bỏ máy, trở lại bàn lấy mũ, nó với Thuận :

— Thuận đứng đây chờ...tôi đi có việc trở về ngay, Hay Thuận có thể hỏi ông kia, ông ngồi bàn cuối đó, ổng chỉ cho ..

Lâm bước ra cửa, gọi người tài xế:

— Qua phòng Trung-tá đi anh.,

Vừa lúc đó Kiên ở ngoài vào. Vẫn nụ cười ranh mãnh. Xe lăn bánh. Lâm ngoái lại thấy Thuận vẫn còn đứng chỗ cũ. Và Kiên đi về phía đó...

TRẦN-HUIỀN-ÂN

3 tác phẩm đặc biệt đầu 1970 của Nhà xuất bản THỜI MỚI

CHÚNG TA ĐI VỀ ĐÂU của ĐOÀN NHẬT TẤN
cuốn sách bị cấm gần hai năm nay, vừa mới được ra đời

MÁ HỒNG của ĐỖ TIẾN ĐỨC
cuốn truyện vừa được Giải nhất Văn học nghệ thuật, 1967-69

PHÙ THẾ của VÕ PHIẾN
với mẫu bìa của Hoàng Ngọc Biên

REGAST.T.

– Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.
– Bào chế theo công-thức Hòa-Lan

Thơ UYÊN HÀ

h ẹ n v ề

Về cho phố nhỏ thêm người
Hiên khuya khua được tiếng cười của ai
Về rồi phát cỏ, cào gai
Ấm em lót ổ, đêm dài ốm mê
Về thương ngọn suối lòng khe
Áo em mát lụa anh che mái đời
Về cho em bậu quen hơi
Nụ khuya kín miệng, hết lời nhớ nhung

mắt xưa

Lúc đi tay trắng cơ hàn
Về qua bến đợi đò ngang nhớ người
Không buồn vì lỡ niềm vui
Nhưng buồn vì đã mất đôi mắt buồn
Anh còn mấy tiếng vấn vương
Lời không nói được, xin mường tượng cho
Bến người anh đứng buồn xo
Tưởng em bờ cũ tròn vo mắt cười
Đò ai khua mấy giọt rời
Tưởng em cõi ấy, cong vời mắt thương
Anh mai nằm chết sa trường
Tưởng em lần cuối mắt ươn ướt sầu

mưa

Mưa chi mưa hoài buồn tênh
Mưa rơi thủng đá, mưa mềm lòng ta
Nhớ chừ ở phương trời xa
Cũng em, cũng mẹ vô ra thẫn thờ
Gạch men, ngói mốc ơ hờ
Tường loang, hiên lạnh đêm chờ một ta

BNP

A votre service

tous les services de la

banque nationale de Paris

Thời-sự Thế-giới

TỪ-TRÍ

Cuộc tranh chấp Do Thái — Ả Rập tại Trung Đông được thể hiện từ 3 năm nay bằng những hành động khủng bố trong những ngày qua đã chuyển sang một giai đoạn mới mà các quan sát viên chính trị gọi là « du kích trên không gian ». Du kích trên không gian, một kỹ thuật tranh đấu mới của phe Ả rập đã làm cho các giới hữu trách trên thế giới phải điên đầu.

Vấn đề Trung Đông cũng không kém có ảnh hưởng tới cuộc công du của Tổng Thống Pháp Pompidou tại Hoa-Kỳ. Tuy ông Pompidou đã cố gắng giải thích đường lối thân Ả rập của ông, nhưng tại nhiều tỉnh như New York và Chicago, nhiều cuộc biểu tình lớn đã được tổ chức để phản đối ông.

Tại Lào trên 6000 cộng quân Bắc Việt đang uy hiếp Cánh đồng Chum khiến chính phủ Mỹ phải tính tới chuyện can thiệp. Và sau hết tại Âu Châu người ta đang tiến dần một cuộc hội đàm trực tiếp giữa hai vị Thủ Tướng Đông và Tây Đức Willi Stoph và Willy Brandt.

Du kích trên không gian tại Trung Đông

Sau nhiều cuộc tấn công chớp nhoáng hành động khủng bố phe Á Rập đã áp-dụng một chiến thuật mới chống Do-Thái. Họ quyết định phá hủy những phi cơ hàng không dân sự liên lạc với Do Thái. Do Thái sống được là nhờ dây liên lạc hàng không với bên ngoài. Nếu cắt đứt mọi liên lạc hàng không, đời sống của Do Thái sẽ gặp phải những trở ngại khó vượt qua được.

Vì vậy mà hôm 21 tháng 2 vừa qua một chiếc phi cơ phản lực Thụy-sĩ của công ty Swiss Air vừa cất cánh để đi Tel Aviv thì một quả bom đã nổ khiến cho máy bay bị rớt và 47 hành khách và 47 hành khách và phi hành đoàn không còn một người sống sót. Cùng một lúc một chiếc máy bay của Áo trên đường sang Do Thái cũng bị phá hủy và bó buộc phải hạ cánh.

Hai vụ khủng bố này đã làm chấn động dư luận Âu châu và tại các phi trường trên thế giới người ta đã phải vận dụng mọi biện pháp tân tiến nhất để kiểm soát hành lý và hành khách. Bà Golda Meir đã triệu tập Đại sứ của 18 quốc gia có liên lạc hàng không với Do Thái để tuyên bố Do Thái sẽ sẵn sàng trả đũa.

Nếu phe Ả rập tiếp tục phá hoại các phi cơ dân sự, người ta ngại rằng Do Thái sẽ đi tới những biện pháp quyết liệt như oanh tạc các trường bay Á rập và giết hại cả dân chúng. Chiến tranh trong trường hợp này sẽ bùng nổ trở lại ở Trung Đông.

Chuyến công du của Tổng Thống Pháp tại Hoa Kỳ

Tổng thống Pháp và bà Pompidou đã chính thức viếng thăm Hoa-kỳ. Ông Pompidou hy vọng rằng chuyến đi này sẽ cải thiện được bang giao giữa Pháp và Hoa-kỳ. Ngoài ra, trước những khó khăn nội bộ ông muốn rằng những thành quả ngoại giao sẽ tăng cường uy tín cho chính-thể của ông.

Tổng thống Mỹ Nixon đã cố gắng dành cho Tổng Thống Pháp một cuộc tiếp đón hết sức nồng hậu. Nhưng dân chúng Hoa kỳ, nhất là những người gốc Do Thái, không tha thứ cho ông Pompidou trong vụ bán phản lực cơ Mirage cho Lybie, đối thủ của Do Thái.

Tuy trước hiệp hội báo chí ông Pompidou đã giải thích thành thực những lý do của chính sách Pháp nhưng ông cũng không thuyết phục nổi họ Ông cho rằng Địa-trung-hải là vùng ảnh hưởng của Pháp. Nếu không giúp Lybie tức là tạo nên một khoảng trống tại nước này, và Nga-sô sẽ vui mừng mà lấp khoảng trống đó.

Khi ông Pompidou ra trước Lưỡng viện Hoa-kỳ người ta thấy 1/3 tổng số dân biểu và Thượng nghị sĩ đã vắng mặt để tẩy chay ông.

Tại Chicago và Nữu-Ước ông Pompidou đã gặp sức đối kháng mạnh mẽ nhất. Hàng ngàn người đã biểu tình bạo động để phản đối và nhục mạ ông.

Ngoài hai vụ biểu tình chống đối này ông Pompidou đều được đón tiếp một cách lịch sự nhưng thiếu nồng hậu. Cuộc công du Hoa kỳ của ông Pompidou do đó không mang lại được bao nhiêu kết quả trong việc cải thiện bang giao Pháp Mỹ.

Bắc Việt uy hiếp Cánh đồng Chum

Hàng năm khi sắp tới mùa mưa thì quân Bắc Việt lại đe dọa lãnh thổ Lào để mở đường đưa quân vào Nam Việt, mở chiến dịch mùa mưa. Năm nay cũng vậy trên 6000 quân chính qui Bắc Việt tấn công uy hiếp Cánh đồng Chum để bảo vệ «đường mòn Hồ chí Minh». Để giúp quân đội Hoàng gia Ai-lao ngăn chặn âm mưu của Bắc Việt, không lực Mỹ đã oanh tạc mạnh mẽ tại vùng này. Sự can thiệp của Mỹ cũng như của Bắc Việt tại Lào đã khiến cho Hiệp-định Gennève 1962 hết hiệu lực.

Tuy Mỹ sẵn sàng can thiệp quân sự tại Lào nhưng Thượng-viện Mỹ đang phát động phong trào chống đối việc mở một mặt trận thứ hai tại Á Châu. Và người ta tiên đoán rằng dự án ngân sách của ông Nixon sẽ gặp nhiều khó khăn tại Thượng-viện vào cuối năm nay.

Hội đàm Brandt - Stoph có thể được tổ chức tại Bá-Linh

Tiếp tục chính sách thương thuyết với Đông-Âu ông Willy Brandt, Thủ Tướng Tây Đức, đã chấp thuận đề nghị của ông Willi Stoph để gặp ông này trong thời gian từ 9-3 tới 22-3-70.

Sự thỏa thuận của ông Willy Brandt trênđây đã làm cho các giới chính trị thế giới đặc biệt chú trọng tới sự

tiến triển của bang giao giữa Tây-Đức với các quốc gia Cộng sản Đông Âu.

Cuộc gặp gỡ này sẽ là cuộc gặp gỡ đầu tiên của 2 vị Thủ Tướng Đông và Tây Đức từ 25 năm qua. Tuy 2 bên thỏa thuận gặp nhau, nhưng người ta không mấy tin tưởng vào các cuộc hội đàm này. Thật vậy, cả hai bên còn vướng phải một bất đồng ý-kiến căn bản là trong khi ông Stoph đòi ông Brandt thừa nhận Đông Đức là một quốc gia có đầy đủ chủ quyền trên trường quốc-tế thì ông Brandt lại chỉ coi Đông Đức như một tỉnh của Tây Đức mà thôi. Vì vậy khi gặp ông Brandt, để nhấn mạnh chủ quyền của mình, ông Stoph sẽ mang theo ông Winzer, Ngoại trưởng Đông Đức, trong khi ông Brandt lại chỉ mang theo ông Franke, Tổng Trưởng Liên Đức sự vụ.

Hiện thời ông Franke đang sang Đông Bá linh để dàn xếp cuộc hội đàm thượng đỉnh. Ông Brandt hy vọng rằng những thành quả ngoại giao sẽ cho phép đảng Xã-hội của ông được thắng phiếu trong cuộc bầu cử tại Tiểu bang Bắc Rhin—Wesphalie vào tháng 6 sắp tới.

TỪ - TRÌ

CÁO LỖI

Vì có những trở ngại bất thường trong việc ấn loát, nên Tạp chí Bách-Khoa số này phải ra trễ mất 3 ngày và bài Đàm thoại với tác giả « Cúi Mặt » cũng phải dành lại cho số tới.

Xin trân trọng cáo lỗi cùng quí vị độc-giả

Tòa soạn BACH-KHOA

PHÂN ƯU

Được tin Nữ sĩ SONG THU *Phạm-thị Xuân-Chi đã từ trần ngày 10-3-1970 hưởng thọ 71 tuổi.*

Xin trân trọng chia buồn cùng tang quyến và các văn hữu: Phương-Đài, Mặc-Khải, Nguyễn-thị Thuỵ-Vũ, Hồ-Trường-An, và xin cầu chúc hương hồn Nữ-sĩ Song-Thu sớm tiêu diêu miền Cực lạc.

VI HUYỀN ĐẮC — VŨ HOÀNG CHƯƠNG — NGUYỄN THỊ VINH — HOÀNG HƯƠNG TRANG — PHỔ ĐỨC — DIỄM PHÚC — HÀ THỦY — NGHIỄM VY — BÍCH HOÀI — BÍCH YÊN — VŨ HẠNH — LÊ NGỘ CHÂU

Sách mới

Tạp chí Bách-Khoa trân trọng cảm ơn quí vị đã gửi tặng những sách sau đây, và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc.

— **Cho đến khi chiều xuống** : *trường thiên tiểu thuyết của Nguyễn thị Hoàng do Tổ hợp Gió xuất bản, tác giả và nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày 420 trang, tập 1 trong bộ trường thiên tiểu thuyết gồm 3 tập. Giá 350đ. Bản đặc biệt*

— **Thi ca tư tưởng** : *tức là « Đi vào cõi thơ » cuốn 2 của Bùi Giáng do Cadao xuất-bản và gửi tặng Sách dày 168 trang gồm những nhận định của tác giả về các nhà thơ Việt và ngoại quốc, xưa và nay, trộn lẫn với nhau : Nguyễn Du, Nhã Ca, Lý Bạch, Shakespeare Đinh Hùng... Giá 120đ.*

— **Thế giới tính dục** : *nguyên tác «The world of Sex» của Henry Miller, do Hoài Lãng Tử dịch, Cadao xuất bản và gửi tặng, Sách dày 206 trang có thêm phần mở đầu « Tác giả vĩ đại nhất hiện còn sống » của thi sĩ Karl Shapiro Giá 150đ*

— **Một sáng trong sương** : *tập truyện của Nguyễn Đức Nam do Thái Độ xuất bản và gửi tặng. Sách dầy 114 trang gồm 7 truyện ngắn, tập truyện thứ 3 của tác giả. Bản đặc biệt. Giá 110đ,*

— **Mùa xuân ốc đảo** *tập thơ của Nguyễn Sa Mạc do tác giả ấn hành và gửi tặng. Tập thơ gồm 22 bài làm từ 1963 đến 1970, phụ bản của Thanh Hồ và Nguyễn Tài Giá 70đ.*

— **Tuỳ nhiên** , *tập thơ của Lương Thái Sỹ, do tác giả ấn hành tại Cơ sở ấn loát Da vàng và gửi tặng. Sách dày 16 trang thơ, in trên giấy hồng mịn, phụ bản của Hồ Đắc Ngọc trên giấy trắng dày.*

— **Bóng ngựa qua cầu sương** *tập thơ của Vũ Đức Sao Biển và Trầm-Nguyên Ý-Anh do Hồng Hộc xuất bản, gồm 20 bài thơ của 2 tác giả mang tên chung là : « Ngựa hồng » và «Tình đá »*

TIN MỪNG

Được tin bạn LÊ THANH THÁI *bút hiệu* **LÊ PHƯƠNG CHI** *sẽ làm lễ thành hôn cùng cô* PHAN THỊ PHƯƠNG *ngày 1-4-1970 (ngày 25 tháng 2 năm Canh-Tuất) tại Nhà Thờ Dòng Chúa Cứu-thế Saigon,*

Xin chân thành chúc bạn Lê Thanh Thái và tân giai nhân trăm năm hạnh phúc.

Lê Ngộ Châu, Nguyễn Ngu Í, Minh Quân, Võ Phiến, Vũ Hạnh, Duy, Lê Tất Điều, Đỗ Tiến Đức, Bùi Đăng, Nguyễn Hiến Lê.

THỜI SỰ KHOA HỌC

Thiến... như một giải pháp :

Trong những thành phố đông đúc như Nữu Ước, Đông Kinh, người ta tính trung bình thì cứ mỗi phút lại xảy ra một vụ hiếp dâm. Trong đám thủ phạm có những tên hành nghề chuyên nghiệp bùng cứ một vùng nhất định. Các nhà xã hội học đã bận tâm rất nhiều về những trường hợp có tính cách hoàn toàn bịnh hoạn như trường hợp của một tên sát nhân ở bên Đức đã hãm hiếp và giết chết lần lượt 6 bé gái. Ở Mỹ có tên sát nhân chuyên môn rình mò các cặp tình nhân ở những nơi vắng vẻ, giết chết người con trai, sau đó hãm hiếp và giết luôn người con gái.

Để đối phó với các nhà chuyên môn bất hảo này, nhiều nước đã nghĩ đến chuyện hợp pháp hóa việc thiến thủ phạm. Đây không còn là một dự tính để dọa các tên phạm pháp cho nó teo lại mà đã được đem ra áp dụng thật sự. Nước tiền phong là Tây Đức, tới nay đã thiến hơn 1.000 tên tội phạm. Có nhiều tên tỏ ra rất ân hận vì đã không biết dạy dỗ « cậu chó », tự nguyện xin được thiến để trở về nếp sống bình thường. Như trường hợp của tên Hans Juergen Weine, 28 tuổi, đã bình tĩnh tuyên bố sau khi thiến xong : « Tôi coi đó như một hình phạt mà mình phải gánh chịu suốt đời. »

Thủ thuật... thiến rất giản dị. Không gây đau đớn gì nhiều và không ghê gớm như chúng ta tưởng tượng. Không hề có cái việc cắt nguyên cả « cậu chó» vứt đi – như thế mất cả vẻ thẩm mỹ. Người bác sĩ giải phẫu chỉ cần cắt bỏ 2 ống dẫn tinh nằm sâu ở bên trong, xong may lại, thế là đủ. Những kích-thích-tố nam sẽ bị giảm sút dần dần và đương sự sẽ trở nên hiền lành như bụt. Có nhiều trường hợp mức kích-thích-tố nam xuống quá thấp làm xảy ra hiện tượng hóa cái: lên cân, đổi giọng nói, lông rụng bớt, vú nở lớn..

Khả năng tính dục không hẳn là bị mất đi hẳn. Có nhiều trường hợp sự hoạt động tính dục của đương sự vẫn duy trì được nhờ kích-thích-tố-nam do nang thượng-thận tiết ra. Hoặc có thể chích kích-thích-tố vào người để thỉnh thoảng cho đương sự hưởng lại cái lạc thú ở đời.

Of mice and... memory

Không biết cuốn tiểu thuyết « Of Mice and Men » của John Steinbeck có ảnh hưởng gì đến việc các nhà bác học đã chọn loài chuột để nghiên cứu về cái trí khôn của loài người. Sau nhiều vất vả, Bác sĩ Georges Ungar và các cộng sự viên đã cô lập được một chất — chúng ta cứ tạm gọi là « chất khôn ». của loài chuột. Chất khôn này có cái tên khoa học là *Scotophobin* có nghĩa là sự sợ hãi bóng tối, cấu tạo bởi 14 aa ami-

no acids), có khả năng chứa đựng một tư tưởng.

Để đạt tới kết quả này, Bác sĩ Ungar đã hy sinh hơn 4 000 con chuột. Loạt chuột đầu tiên được tập cho tính sợ hãi bóng tối : huột được nhốt vào trong một cái lồng 3 ngăn trong ngăn tối có cho một giòng điện chạy qua chuột chạy vào nơi phòng này sẽ bị điện giật, nhiều lần đâm ra sợ hãi bóng tối Loạt chuột đầu tiên này sau đó bị đem giết đi, não bị ghiền nát lấy trích tinh chích vào cho loạt chuột sau. Loạt chuột sau cũng có sự sợ hãi các nơi tối mặc dầu nó chưa hề có cái kinh nghiệm bị điện giật lần nào. Như vậy sự sợ hãi bóng tối không còn là một ý niệm trừu tượng nữa mà nó đã kết tinh thành một thực chất hẳn hoi. Có thể cô lập và đem cách sang cho kẻ khác.

Trí óc của loài người không hy vọng gì khác biệt với của loài chuột ! Một ngày nào đó, không còn bao lâu nữa, những đầu óc thông thái nhất sẽ là đầu óc của những kẻ giàu có nhất.

Chuột và bệnh cùi

Lại chuột ! Cái giống chuột rất khó thương chuyên môn đã bóng dọa vía đàn bà con gái không ngờ lại làm được nhiều chuyện hữu ích cho loài người đến thế : người ta đã cấy được vi trùng bịnh cùi vào gan bàn chân chuột.

Vi trùng bệnh cùi là trực trùng Hansen (bacille de Hansen) (BH) có đặc tính kháng cồn và acid (acido alcolo résistance) giống như vi trùng lao (BK); tuy nhiên vi trùng lao đã có thể cấy được, còn vi trùng bệnh cùi lại chỉ có thể tìm thấy ở người, giới Y học chưa ghi nhận được một trường hợp nào về bệnh cùi xảy ra ở các giống ật.

Việc không cấy được BH là một trở ngại lớn lao cho sự trị liệu chứng bịnh này : Người ta không có cơ hội để thí nghiệm hiệu quả của các thứ thuốc mới đối với bịnh cùi. Một chút óc tưởng tượng cộng thêm với rất nhiều may mắn đã làm cho bác sĩ Charles C. Shepard nảy ra cái ý nghĩ ngộ nghĩnh là thử chích bịnh phẩm cùi vào bàn chân chuột xem sao. Ông cho biết là lúc đầu ông chỉ nghĩ là bàn chân chuột trông thật đáng yêu : hồng hào và mát mẻ hơn hẳn những chỗ còn lại. Rồi ông lý luận là biết đâu BH lại chẳng thích chỗ mát mẻ : vài tháng sau chỗ chân bị chích, vi trùng BH sinh sôi nảy nở tạo nên một vết thương cùi giống như ở người. Sự thành công này đã đem lại cho Bác sĩ. Shepard giải thưởng của Hiệp hội các nhà chuyên môn về bịnh cùi trong buổi họp thường niên tuần rồi tại San Francisco.

Trái với điều mọi người thường nghĩ, bịnh cùi là một bịnh rất ít lây. Bịnh chỉ lây cho người khác do một sự chung đụng thật gần gũi và lâu ngày. BH thường hay có ở nước mũi và nước miếng của người bịnh. Với phát minh của Shepard, những người bị cùi ở bên Mỹ hiện nay được điều trị với thuốc *Dapsone*, một loại Sulfamide và hầu hết đều được coi như khỏi bịnh sau vài tháng dùng thuốc. Một loại thuốc khác, cũng thuộc vào nhóm Sulfamide, — thuốc DADDS — được dùng dưới hình thức chích để cho một hiệu quả kéo dài trong nhiều tháng. Thuốc Thalidomide, mặc dầu có thể gây ra những hậu quả tai hại cho người dùng (nhất là các người đàn bà đang thời kỳ mang thai vì có thể làm sinh ra quái thai) lại là một thứ thuốc hiệu nghiệm chống lại sự phát triển của vi trùng cùi.

Hạ-uy-di thiên đàng của hạ giới

Hạ-uy-di, tiểu bang thứ 51 của Hoa kỳ một thiên đàng ở vùng biển Thái bình dương, ngày nay đang trở thành một trung tâm phá thai đầu tiên trên thế giới : Một đạo luật sắp được ban hành cho phép sản phụ được phá thai mà chỉ cần hỏi ý kiến vị y-sĩ riêng của mình. Chỉ có vài sự hạn chế tối thiểu : cái thai chắc chắn không thể sống được ngoài tử cung (thường là dưới 20 tuần lễ); phải do một vị bác sĩ có giấy phép hành nghề và được thực hiện trong một bệnh viện có giấy phép của chánh phủ ; và thêm một điều kiện nhỏ nữa : đã cư trú ở Hạ - uy - di ít nhất trên 90 ngày.

Trên thực tế như vậy người sản phụ chỉ cần có một vị bác-sĩ đồng ý giúp bà ta phá hủy cái bào thai không mong ước kia là đủ. 90 ngày bắt buộc kia vừa đủ cho một thời gian nghỉ ngơi để dưỡng sức. Nếu đem so sánh với đạo luật cấm phá thai ngày 31-7-1970 tại Việt Nam thì chúng ta mới thấy đạo luật trên đã có rất nhiều sự dễ dàng. Ngay trong điều thứ 38 trong « Nghĩa-vụ-luận nghề y-sĩ » (Code de Déontologie médicale) cũng đã qui định « Hình luật cấm phá thai dưới mọi hình thức Trừ trường hợp cần thiết, y sĩ có thể thi hành phá thai trị liệu pháp nếu hành vi ấy là phương pháp duy nhất để có thể cứu sống người mẹ. Khi sự cứu sống người mẹ đang lâm nguy cần tới một thủ thuật giải phẫu hoặc một phương pháp trị liệu có thể gián đoạn thai kỳ, y sĩ điều trị hay y sĩ giải phẫu bắt buộc phải hỏi ý kiến hai y sĩ thỉnh vấn chuyên môn. Các y sĩ thỉnh vấn, sau khi khám nghiệm và thảo luận, sẽ chứng thực bằng một văn thư là tính mạng của người mẹ chỉ có thể cứu thoát bằng phương pháp này mà thôi...»

Với đạo luật đó, nhà cầm quyền Hạ-uy-di đã làm một phát quảng cáo hoàn hảo kỹ cho tiểu-bang này !

Nhật thực ở Oaxaca

Oaxaca là một miền hoang vu của xứ Mễ-Tây-Cơ, hầu như chẳng có khách du lịch nào buồn chú ý đến nó, bỗng nhiên vào thượng tuần tháng 3 năm nay, nó đón tiếp hơn 800 nhà bác học từ 14 quốc gia văn minh nhất trên thế giới tới viếng thăm. Thật ra các nhà bác học cũng chẳng cao hứng gì lắm mà rủ nhau tới chốn khỉ ho cò gáy này. Họ chỉ tới đây để chứng kiến một cảnh ngoạn mục của vũ-trụ. Tội nghiệp cho dân bản xứ vốn còn nặng đầu óc mê tín đã phải làm lễ tế trời đất để nhờ xua đuổi cái đám người xa lạ này.

Vào ngày 7 tháng 3, mặt trăng sẽ đi vào khoảng giữa mặt trời và trái đất, che lấp một phần mặt trời (nhật thực) và tạo nên một bóng đen bao phủ lên một phần địa cầu. Lần này, bóng đen của mặt trăng sẽ chạy từ vịnh Mễ-tây-cơ, ngang qua tiểu bang Florida của Mỹ, tiểu bang Virginia, New England và chấm dứt ở vùng biển Newfoundland và Labrador.

Hàng triệu Mỹ kim đã được bỏ ra để dựng nên các thiên văn đài, các viễn vọng kính và vô số các dụng cụ khác nữa tại Oaxaca. Một phi cơ quan sát KC 135 của Mỹ sẽ đuổi theo bóng đen để kéo dài thời gian quan sát thêm chốc lát và vệ tinh ATS.3 cũng được lệnh thay đổi quỹ đạo, tới một không điểm lý tưởng để chụp hình.

Trong thời gian ngắn ngủi đó (chừng 3 phút rưỡi) các nhà bác học có thể thực hiện được những điều thực quan trọng. Họ sẽ có dịp nghiên cứu về các vòng sáng bí ẩn xung quanh mặt trời mà lúc bình thường không thể quan sát được, nhờ đó có thể biết được bản chất về cái nguồn năng lực vĩ đại hiện có trong mặt trời. Nhờ bóng tối các nhà thiên văn có thể thấy được các sao chổi gần bên mặt trời, những lớp bụi liên - hành - tinh và chứng nghiệm lại thuyết Tương đối của Einstein : sự khúc xạ ánh sáng các ngôi sao do ảnh hưởng của từ trường mặt trời. Nhân dịp này, hành tinh Vulcain, một hành tinh từ trước tới nay chỉ có trên lý thuyết do 1 nhà thiên-văn-học người Pháp tuyên bố đã tìm thấy giữa Thủy-vương-tinh (Mercury) và mặt trời vào năm 1859, sẽ được cố gắng tìm lại. Nhà vẫn-thạch-học Edwaird Brooks sẽ nghiên cứu về các diễn biến trong việc tạo thành các đám mây nhờ độ mát do bóng tối gây nên. Hai nhà vật-lý-học C.O. Hines và G. Chimonas của Đại-học Toronto cho rằng khi bóng tối của mặt trăng lướt qua trái đất sẽ gây ra trong bầu khí quyển của trái đất những luồng sóng chấn-động có tần-số thấp. Khoảng chừng 50 quan sát viên sẽ cố gắng nhận ra sự rung động này nhờ những *microbarographs* là những dụng cụ tiếp nhận rất nhạy.

Một số các nhà tinh hạnh học sẽ làm một cuộc nghiệm xét hơi lắm cầm : quan sát sự rối loạn tính tình của mấy con ngỗng khi bóng tối lướt qua, liệu nó có kêu như khi bóng đêm thật sự trở về chăng ?

TƯ DIỆP

THỜI SỰ VĂN-NGHỆ

Tuổi già của Simone de Beauvoir

Mấy mươi năm trước, khi cô Simone de Beauvoir nhận thấy mình... không giống với con trai, cô bèn ngạc nhiên. Con gái sao lại không như con trai ? Đàn bà sao lại không như đàn ông ? Khác nhau chỗ nào ? Có khác thật chăng ? Do đâu mà khác ? v.v...
Simone de Beauvoir viết cả một bộ sách dày — *Le deuxieme sexe* — về các thắc mắc ấy.

Làm con gái, gái phốp pháp, đẹp đẽ, học giỏi, có anh bồ lừng lẫy, như vậy mà Simone de Beauvoir còn thắc mắc ; huống hồ ngày nay làm một bà già, sao cho khỏi băn khoăn. Quả nhiên, Simone de Beauvoir đã đi lục lọi các viện dưỡng lão, đã phanh phui bao nhiêu là sách vở tài liệu để tra vấn về tuổi già.

Cuốn *La vieillesse* của bà cụ là một tác phẩm đồ sộ, dày 600 trang. Bà cụ hung hãn, bất khuất. Theo bà, phận gái là một chuyện bịa của xã-hội, thì tuổi già cũng là một chuyện bịa nữa của con người. Tại người ta hất hủi, ghê sợ, xa lánh lớp già mà lớp già hóa ra bất hạnh, khốn khổ. Tự nó, tuổi già không đến nỗi nào ; chính thái độ của người đời làm cho tuổi già thêm bi đát.

Vậy con người có cách tạo ra một tuổi già vui tươi, cũng như có cách gây ra một phái nữ tự do, tích cực v.v...

Đọc nhanh, kỹ hơn đọc chậm

Hiện nay, ở Âu Mỹ có nhiều tổ chức huấn luyện, hướng dẫn những người muốn đọc cho được nhanh.

François Richaudeau, nghiên cứu kỹ về vấn đề này, và một mình ông ta đã viết đến hai cuốn sách về thuật đọc nhanh : cuốn *La lisibilité* và cuốn *Lecture rapide*.

Theo Richaudeau, một độc giả chậm chạp thường đọc 10 000 chữ trong mỗi giờ, một độc giả trung bình đọc 25 000 chữ mỗi giờ. Nếu được tập luyện theo phương pháp, người ta có thể đọc 100.000 chữ mỗi giờ. Và có điều quái lạ, lại trái với thành kiến sai lầm xưa nay : kẻ đọc nhanh hiểu kỹ hơn, nhớ lâu hơn người đọc chậm.

Richaudeau viện đến lý luận của triết gia Alain để cắt nghĩa nhận xét của mình. Đọc chậm cũng ví như xem một khuôn mặt mà lại xem lần lần hết con mắt đến lỗ mũi, rồi đến hai lỗ tai... Như thế không có được một cái nhìn bao quát. Kẻ đọc nhanh nhìn trang giấy như thể trông toàn thể cả bộ mặt một lượt.

Nhà nước và nhà báo

Ông Willy Brandt thắng được đảng đối lập một cách vẻ vang, lên cầm quyền tại Tây Đức một cách bất ngờ từ lối tháng 10 năm ngoái. Nhưng mãi tới nay, ông ta vẫn chưa thắng nổi một người tên Axel Caesear Springer.

Springer là một chủ báo. Một chủ báo trẻ tuổi, và có lý tưởng. Lý tưởng ấy ông Springer tóm tắt vào bốn điểm. Bốn điểm ấy ghi vào nội-qui các cơ sở kinh doanh của ông, bắt buộc các nhân viên cộng sự phải chấp nhận :

1 - Thống nhất nước Đức

2 - Chống lại độc tài

3— Tôn trọng tự do doanh nghiệp.

4 — Hòa giải với người Do thái.

Thủ Tướng Tây Đức Willy Brandt nói chuyện với Đông Đức, mặc nhiên công nhận chế độ Đông Đức, tức là đi ngược với hai điểm lý tưởng của A. C. Springer : đẩy lui viễn ảnh thống nhất Đức quốc và thỏa hiệp với chế độ độc tài cộng sản. Thế là Springer đánh tới tấp vào chính phủ W. Brandt.

Tất nhiên, W. Brandt phản công lại nhưng Helmut Schmidt, bộ trưởng Quốc phòng Tây Đức, đã khuyên can Thủ tướng : « Ai chống nhau với Axel Springer là người muốn tự tử về mặt chính trị ».

W. Brandt suy nghĩ về lời khuyên ấy. Và rốt cuộc ông đã mời A. Springer đến thương lượng trong một cuộc tiếp xúc kéo dài một giờ rưỡi đồng hồ.

Do đó, tưởng nên biết qua loa về chút sự nghiệp của Springer. Ông ta nắm trong tay 19 tờ báo, in ra 17.500.000 số. Riêng tờ *Bild Zeitung* ấn hành mỗi kỳ 4 triệu số. Cứ 4 người dân Đức thì có một người đọc báo của Springer, cứ 2 cử tri Đức thì có một người đọc báo của Springer.

Chỗ cất sách

Etienne Lalou đọc cuốn tiểu thuyết của Françoise Mallet - Joris xong, đề nghị ai nấy nên mua để đọc. Etienne Lalou cũng đề nghị cả chỗ cất cuốn sách nọ mỗi khi đọc xong. Đề nghị thế này : đọc xong, nên nhét nó vào cái túi áo vét bên trái, chỗ gần trái tim.

Nếu F. Mallet-Joris là gái đang xuâ thì khỏ đề ng ị cũng có khối độ: g ả có sá g kiến ấy. Đ ng này, tác giả đã có tuổi, có chồng và m t đàn co Tác phẩm cuốn *La maison de papier* — chính là nói về cuộ đời thường nhật đầm ấm bê cạnh chồng và con.

Một người đàn bà viết văn mà lại ca ngợ cuộc sống g a đình với chồng con! Lại ca ngợi hay nó ảm đọng đến nỗi một người đàn bà khác đòi áp sá h vào b n cạnh quả tim!

C o h y tó: dài con trai, áy ngắn con gái vẫn hưa xá trên đến tận cùng nếp sống xã- ội Tây-phương.

Bên Đoàng phương thầm lặng kí đáo, vừa có một ữ dìn-biểu đứng giữa tòa rất bạc chi tiêu cho một ngu ờ không phải.. ở trong gia đình, và rút từ cái c ỗ bên cạnh trái tim ra, khiến cho nhiều ký g ả nghẹt thở. Bà cũng iế sách, các nhà phê bình thử để nghị coi sách ấy đọ: x ng nên cất v o chỗ nào?

Đại-Hàn chuẩn bị đại-hội Văn-bút

Đại hội Văn bút quốc tế năm nay sẽ họp ở Hán-thành từ ngày 28-6 đến 4 7. Từ cuối tháng 2 vừa rồi Đại-Hàn đã ráo riết xúc tiến công cuộc tổ chức đại-hội

Ngày 19-2 vừa qua, ông Tổng trưởng Thông tin và Văn h a Đại Hàn đã chủ tọa cuộc họp của Ủy ban yểm trợ tổ chức hội nghị Một phát ngôn viên của Ủy ban cho biết rằng ngân khoản đầu tiên được trù liệu chi phí là ước chừng 10 triệu đồng won, (ức 12 triệu bạc Việt-nam)

Điều đáng chú ý là việc tổ chức đại hội Văn-bút ở Đại-Hàn không những được chính quyền đứng ra đảm đương (với sự hiện diện của ông Tổng-trưởng chủ tọa hộ nghị) mà lại còn được sự góp sức tích cực của các giới tài chính trong nước. (Vì Ủy ban tổ chức gồm 60 người, trong đó có cả văn nghệ sĩ, lẫn thương gia, kỹ nghệ gia, doanh nhân v v..) Đại-Hàn đã huy động một số nhân tài và vật lực lớn lao để phát huy uy tín quốc gia trong dịp đại-hội quốc-tế này.

Đó là một kinh nghiệm đáng cho Việt-Nam lưu ý. Bởi vì, nếu không có gì trở n ại, có lẽ Việt-Nam sẽ được tổ chức đại hội Văn-bút tại Saigon vào năm 1971 tiếp sau Đại-Hàn.

Nhớ lại trong kỳ hội năm ngoái tại Pháp hội Bút Việt đã xin cử một phái đoàn tương đối đông anh em để đi quan sát rút kinh nghiệm chuẩn bị cho uộc đại hội năm 1971 tại nước nhà, nhưng rồi rốt cuộc nhà nước đi ngại tốn kém rút bớt số người. Năm nay, năm khắc khổ năm kiệm-ước nhưng cũng là năm cuối cùng để Việt- am chuẩn bị, không biết mu cầu gớ Văn hóa có sẽ bị ông Tài- hánh ngăn chặn nữa chăng.

TRÀNG THIÊN

Buổi trình diễn thơ và nhạc mùa Xuân ở quán Cuội, Đà-nẵng.

Chiều 1-3-70 lúc 19 giờ một số anh em Văn nghệ Miền Trung đã tổ c ức một buổi trình diễn thơ và nhạc mùa Xuân ở quán Cuội, gần mé biển Thanh-Bình, Đ -nẵng Tuy quán chật hẹp k ông đủ ghế n ồi, một số người đến nghe phải đứng. nhưng những người yêu văn nghệ đã không ngại đường xa tìm đến nghe thơ và nhạc.

Bắt đầu cho buổi trình d ễn thơ và nhạc là lời «Ngỏ» của anh Lê miên Trường. Sau đó các anh Trần dzạ Lữ, Nguyễn gia Hữu Hồ đắc Ngọc Lương thái Sĩ, Lê miên Trường, Tống châu Ân. đã lần lượt trình bày thơ mình và anh Tô Vân đọc thơ của Huy Tưởng, Thành Tôn.

Phần nhạc thì có c ị Thu Hương hát nhạc của Vũ thành An, Anh Lê miên Trường hát nhạc dân ca và nhạc của Trịnh công Sơn. Sau đó anh Lương thái Sĩ đã giới thiệu tập thơ «Tuy nhiên» của anh vừa xuất bản.

Đây là buổi đọc thơ thứ hai ở Đà-Nẵng sau buổi đọc thơ và nhạc đầu tiên ở Hội quán Văn nghệ trẻ Đà-nẵng.

(T. V. D. ghi)